

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu số liệu kỹ thuật các loại súng AK, CKC, trung liên RPĐ, B40, B41.
2. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo các bộ phận của súng trường AK, CKC, trung liên RPĐ, B40, B41.
3. Thực hành tháo và lắp thông thường súng trường CKC, tiểu liên AK, trung liên RPĐ và súng diệt tăng B40, B41.
4. Thực hành làm động tác nằm chuẩn bị bắn các loại súng.
5. Tại sao súng diệt tăng B40, B41 lại tiêu diệt được xe tăng?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách dạy bắn súng trường SKS, Cục Quân Huấn- BTTM, năm 1975.
- Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục Quân Huấn- BTTM, năm 1997.
- Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục Quân Huấn- BTTM, năm 2000.
- Sách dạy bắn súng diệt tăng B40, Cục Quân Huấn- BTTM, năm 2000.
- Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục Quân Huấn- BTTM, năm 2002.

Bài 4

THUỐC NỔ

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giới thiệu cho sinh viên hiểu biết về một số loại thuốc nổ thường dùng và các phương tiện gây nổ, ứng dụng chủ yếu của thuốc nổ trong chiến đấu và sản xuất.
- Nắm được khái niệm, tác dụng, yêu cầu khi sử dụng thuốc nổ, tính năng công dụng, ứng dụng thuốc nổ vào trong chiến đấu và sản xuất.

II. NỘI DUNG

1. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ

a) Khái niệm, tác dụng, yêu cầu khi sử dụng thuốc nổ

- Khái niệm thuốc nổ

Thuốc nổ là một chất hoặc một hỗn hợp hoá học, khi bị tác động như nhiệt, cơ vv.. thì có phản ứng nổ, sinh nhiệt cao, lượng khí lớn tạo thành áp lực mạnh phá huỷ các vật thể xung quanh.

- Tác dụng của thuốc nổ

Thuốc nổ có sức phá hoại lớn, có thể tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh, công sự, vật cản của địch, tăng tốc độ phá đất đá, làm công sự, khai thác gỗ vv...

- Yêu cầu khi sử dụng thuốc nổ
- + Phải căn nhiệm vụ, cách đánh, tình hình địch, địa hình, thời tiết và lượng thuốc nổ hiện có để quyết định cách đánh cho phù hợp.
- + Chuẩn bị chu đáo, bảo đảm nổ.
- + Đánh đúng: Đúng mục tiêu, đúng trọng lượng, đúng lúc, đúng điểm đặt

- + Dũng cảm, bình tĩnh, hiệp đồng chặt chẽ với xung lực, hoả lực.
- + Bảo đảm an toàn.

b) Một số loại thuốc nổ thường dùng

- Thuốc gây nổ

+ Thuốc gây nổ Phuy mi nat thủy ngân (sét thủy ngân)

Công thức hoá học: Hg (NOC)₂

Nhận dạng: Tinh thể trắng hoặc màu tro, độc, khó tan trong nước lạnh nhưng tan trong nước sôi.

Cảm ứng nổ: Rất nhạy nổ với va đập cọ sát.

Cảm ứng tiếp xúc: Dễ hút ẩm khi bị ẩm sức gây nổ kém hoặc không nổ. Khi bị ẩm sấy khô có thể nổ. Tác dụng với axit đặc tạo thành phản ứng nổ, axit dạng hơi tạo thành chất không an toàn. Khi tiếp xúc với nhôm ăn mòn, nhôm phản ứng tỏa nhiệt do vậy thường được nhồi trong kíp có vỏ bằng đồng.

Cảm ứng nhiệt: Rất dễ bắt lửa, khi bắt lửa nổ ngay; ở nhiệt độ 160⁰ ÷ 170⁰ tự nổ.

Tỷ trọng: 3,3 ÷ 4g/cm²

Công dụng: Nhồi trong kíp, hạt lửa của các loại đầu nổ bom, đạn, mìn.

+ Thuốc gây nổ Azôtuachì (sét chì)

Công thức hoá học: Pb (N₃)₂

Nhận dạng: Tinh thể màu trắng, hạt nhỏ khó tan trong nước.

Cảm ứng nổ: Va đập cọ sát kém nhạy nổ hơn phuy mi nat thủy ngân. sức gây nổ mạnh hơn phuy mi nat thủy ngân.

Cảm ứng tiếp xúc: ít hút ẩm hơn phuy mi nat thủy ngân khi bị ẩm sức gây nổ giảm. Tác dụng với đồng và hợp kim của đồng do vậy thuốc được nhồi trong kíp có vỏ bằng nhôm.

Cảm ứng nhiệt: Đốt khó cháy, tự cháy và nổ ở nhiệt độ 310⁰.

Tỷ trọng: 3,0 ÷ 3,8g/cm².

Công dụng: Như phuy mi nat thủy ngân.

- Thuốc nổ vừa

+ Thuốc nổ TNT (Tri Nitơ Tôluen)

Công thức hoá học: C₆H₂(NO₂)₃CH₃

Nhận dạng: Thuốc nổ TNT có dạng tinh thể cứng, màu vàng nhạt, tiếp xúc với ánh sáng ngả màu nâu, vị đắng độc, khi đốt khói đen lửa đỏ mùi nhựa thông.

Cảm ứng nổ: An toàn khi va đập, đạn súng trường bắn xuyên qua không cháy, không nổ, gây nổ từ kíp số 6 trở lên, nếu thuốc đúc khi gây nổ phải có thuốc nổ mồi bằng TNT ép hoặc thuốc nổ mạnh.

Cảm ứng tiếp xúc: Không hút ẩm, ngâm lâu dưới nước vẫn nổ (trừ thuốc bột). Không tác dụng với kim loại. Để ngoài trời thuốc ngả màu nâu nhưng sức gây nổ không giảm. Để gần than thuốc bị biến chất dễ nổ.

Cảm ứng nhiệt: Đốt khó cháy, nhiệt nóng chảy $79 \div 81C^{\circ}$, nhiệt độ cháy $300C^{\circ}$, nhiệt độ nổ $350C^{\circ}$, nếu tăng nhiệt độ đột ngột lên $300C^{\circ}$ nổ.

Tốc độ nổ: $4700 \div 7000m/s$

Tỷ trọng: $1,56 \div 1,62g/cm^3$

Công dụng: Thuốc được ép thành bánh $75g, 200g, 400g$ để cấu trúc các loại lượng nổ; nhồi trong bom đạn, mìn; trộn với thuốc nổ mạnh làm dây nổ.

+ Thuốc nổ C4

Thành phần gồm: 80 % thuốc nổ mạnh Hê xôghen và 20 % chất dính màu trắng đục.

Nhận dạng: Màu trắng đục, dẻo, mùi hắc vị nhạt.

Cảm ứng nổ: Độ nhạy nổ do va đập thấp hơn TNT, đạn súng trường bắn xuyên qua không nổ. Gây nổ từ kíp số 6 trở lên. Có thể nhào nặn theo mọi hình dạng cho phù hợp với vật thể định phá.

Cảm ứng tiếp xúc: Để lẫn với kim loại không phản ứng hoá học.

Cảm ứng nhiệt: Đốt khó cháy, 190° cháy; 201° nổ, bắt lửa nhanh cháy không có khói. Khi cháy tập trung trên $50kg$ có thể nổ.

Tốc độ nổ: $7380m/s$.

Công dụng: Dùng để cấu trúc các loại lượng nổ theo hình dáng khác nhau phù hợp với đặc điểm chỗ đặt khi phá vật thể. Dùng làm lượng nổ lõm.

- Thuốc nổ yếu NiTrátAmôn

NiTrátAmôn là tên gọi chung loại thuốc nổ có thành phần chính là NiTrátAmôn chọn với phụ gia hoặc chất cháy khác.

NiTrátAmôn có dạng tinh thể màu trắng, hạt màu vàng, khói không độc. An toàn khi va đập, cọ sát. Khi châm lửa đốt thì cháy, khi rút lửa ra thì tắt; ở nhiệt độ 169° cháy và bị phân tích. Dễ hút ẩm khi bị ẩm vón hòn, tác dụng mạnh với axit. Khó gây nổ, khi gây nổ phải có thuốc nổ mồi.

Thuốc nổ NiTrátAmôn thường gói thành từng gói dài, khối lượng mỗi gói $100 \div 200g$, dùng trong phá đất, đào đường hầm...

- Thuốc nổ mạnh

+ Thuốc nổ mạnh Pentrit

Nhận dạng: Tinh thể trắng không tan trong nước.

Cảm ứng nổ: Nhạy nổ với va đập cọ sát, đạn súng trường bắn xuyên qua nổ.

Cảm ứng tiếp xúc: Không hút ẩm, không tác dụng với kim loại.

Cảm ứng nhiệt: Tự cháy ở nhiệt độ $140 \div 142^{\circ}$, cháy tập trung trên $1kg$ có thể nổ.

Tốc độ nổ: $8300 \div 8400m/s$.

Công dụng: Làm thuốc nổ mồi để gây nổ các loại thuốc nổ khác, nhồi trong kíp để tăng sức gây nổ, chọn với thuốc nổ TNT làm dây nổ hoặc nhồi trong bom đạn.

+ Thuốc nổ Hêxôghen

Thuốc nổ Hêxôghen có tinh thể trắng, không mùi vị, không tan trong nước, không phản ứng với kim loại. Khi đốt cháy mạnh, lửa màu trắng; cháy tập trung trên $1kg$ chuyển thành nổ. Tự cháy ở nhiệt độ $201^{\circ} \div 203^{\circ}$; cháy ở nhiệt độ 230° . Đạn súng trường bắn xuyên qua có thể nổ.

Hêxôghen khó ép do vậy thường chọn với Parapin để ép đồng thời giảm độ nhạy nổ khi bị va đập và thuận tiện cho nhồi vào bom, đạn...

Công dụng: Như thuốc nổ mạnh Pentrit.

c) Phương tiện gây nổ

- Kíp

+ Tính năng công dụng: Kíp dùng để gây nổ lượng nổ hoặc dây nổ, kíp rất nhạy nổ nếu bị va đập, cọ sát, vật nặng đè lên, khêu chọc mắt ngỗng, tăng nhiệt độ đột ngột, tia lửa nhỏ phụt vào đều làm kíp nổ

+ Phân loại kíp:

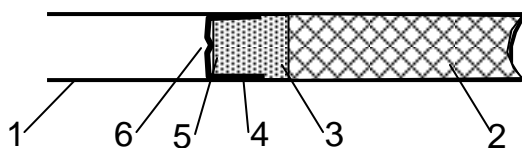
Căn cứ vào cách gây nổ chia làm 2 loại: Kíp thường, kíp điện

Căn cứ vào cấu tạo vật liệu vỏ kíp có các loại: Kíp đồng, kíp nhôm, kíp giấy.

Căn cứ vào kích thước và khối lượng thuốc nổ bên trong: phân loại từ số 1 đến số 10, cỡ số càng to khối lượng thuốc nổ càng lớn; thực tế thường dùng kíp số 6,8,10.

+ Cấu tạo kíp:

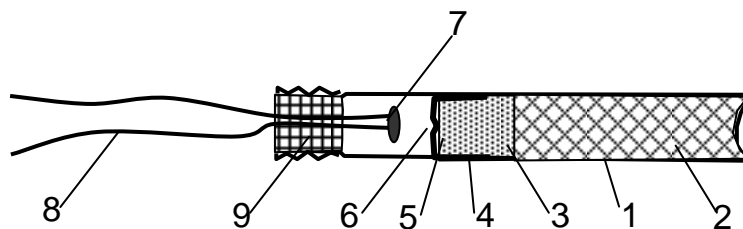
* Kíp thường: Vỏ kíp hình ống, bằng đồng, nhôm hoặc giấy, dưới đáy lõm để tăng sức gây nổ. Bên trong có thuốc nổ mạnh, trên thuốc nổ mạnh có thuốc gây nổ, trên thuốc gây nổ có lớp lụa hoá học phòng ẩm; bát kim loại giữ thuốc gây nổ không bị rơi ra ngoài, giữa bát kim loại có lỗ (còn gọi là mắt ngỗng) để nhận tia lửa và gây nổ kíp; phần trên rộng để lắp dây cháy chậm hoặc dây nổ.



Hình 1: Kíp thường

1. Vỏ kíp; 2. Thuốc nổ mạnh; 3. Thuốc gây nổ;
4. Bát kim loại; 5. Lụa phòng ẩm; 6. Mắt ngỗng

* Kíp điện: cấu tạo phần dưới như kíp thường; chỉ khác phần trên có dây tóc (như dây tóc bóng đèn 2,5V) quanh dây tóc có thuốc cháy, hai dây cuống kíp từ ngoài nối với 2 đầu dây tóc và miếng nhựa cách điện (Hình 2).



Hình 2: Kíp điện

1. Vỏ kíp; 2. Thuốc nổ mạnh; 3. Thuốc gây nổ; 4. Bát kim loại; 5. Lụa phòng ẩm;
6. Mắt ngỗng; 7. Dây tóc, thuốc cháy; 8. Dây cuống kíp; 9. Miếng nhựa cách điện

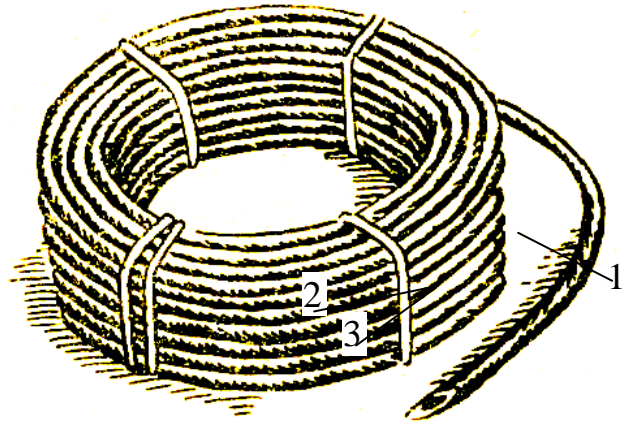
Gây nổ kíp điện cần có một số phương tiện: nguồn điện (pin, ắc quy hoặc máy gây nổ), dây dẫn điện, ôm kế kiểm tra kíp.

- Dây cháy chậm

+ Tác dụng: Dùng để dẫn lửa gây nổ kíp, bảo đảm cho người gây nổ có khoảng thời gian cần thiết cơ động về vị trí ẩn nấp hoặc ra khỏi vùng nguy hiểm khi lượng nổ nổ.

+ Tính năng: Tốc độ cháy trung bình 1cm/s, cháy dưới nước có tốc độ nhanh hơn.

+ Cấu tạo: Vỏ bọc gồm nhiều sợi dây cuốn, bên ngoài quét nhựa đường, bên trong vỏ là lớp giấy, sợi tim và lõi thuốc đen.



Hình 3: Cuộn dây cháy chậm

1. Vỏ bọc ngoài; 2. Sợi tim; 3. Lõi thuốc đen

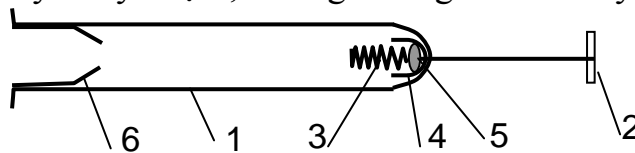
Loại vỏ bằng nhựa thường dùng đánh dưới nước hoặc nơi có độ ẩm cao.

- Nụ xùy

+ Tác dụng: Để phát lửa đốt cháy dây cháy chậm hoặc gây nổ kíp trực tiếp nhanh gọn, bí mật.

+ Cấu tạo:

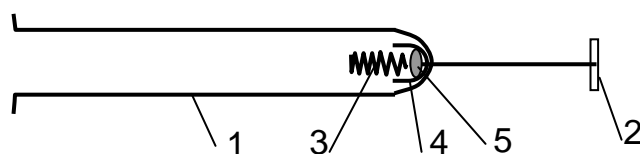
* Nụ xùy giấy: Vỏ bằng giấy, tay giật bằng tre nối với dây giật bằng kim loại dây xoắn có quét thuốc cháy, bên trong có phễu kim loại đựng thuốc phát lửa, lỗ tra dây cháy chậm, hom giò để giữ chắc dây cháy chậm.



Hình 4: Nụ xùy giấy

1. Vỏ; 2. Thanh giật; 3. Dây kim loại; 4. Phễu kim loại; 5. Thuốc cháy; 6. Hom giò

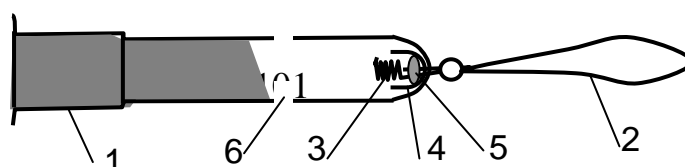
* Nụ xùy nhựa: Vỏ bằng nhựa, tay giật bằng nhựa nối với dây giật bằng kim loại dây xoắn có quét thuốc cháy, bên trong có phễu kim loại đựng thuốc phát lửa, lỗ tra dây cháy chậm.



Hình 5: Nụ xùy nhựa

1. Vỏ; 2. Thanh giật; 3. Dây kim loại; 4. Phễu kim loại; 5. Thuốc cháy;

* Nụ xùy đồng: Cơ bản như nụ xùy nhựa chỉ khác: Vỏ bằng đồng, hai bên có lỗ trích khí thuốc đối xứng nhau, dây giật bằng sợi gai màu đen.



Hình 6: Nụ xuy đồng

1. Vỏ; 2. Dây giât; 3. Dây kim loại; 4. Phễu kim loại; 5. Thuốc cháy; 6. Lỗ trích khí.

- Dây nổ

+ Công dụng:

Dùng gây nổ một hay nhiều lượng nổ cùng một lúc đặt cách xa nhau.

Mở lỗ đặt thuốc ở khi đào công sự, phá đất.

Đan thành lưới phà bãi mìn.

Cắt cây nhỏ khi mở đường.

+ Tính năng: Va đập cọ sát an toàn, đạn súng trường bắn xuyên qua không nổ; tốc độ nổ 6500m/s. Đốt cháy tập trung trên 1kg có thể nổ.

+ Cấu tạo: Vỏ bằng nhựa hoặc bằng vải cuốn có quét nhựa phòng ẩm bên ngoài có màu đỏ, trắng, hoặc lốm đốm đỏ.

Đường kính 5,5 ÷ 6mm.

Lõi dây có màu trắng hoặc hồng hạt.

- Ngoài các phương tiện trên khi gây nổ bằng kíp điện phải có: Nguồn điện (bằng pin, acquy hay máy điện hoá), dây dẫn điện, ôm kế kiểm tra điện trở của kíp và kiểm tra mạch điện.

c) Quy tắc kiểm tra, giữ gìn, vận chuyển

- Kiểm tra

Các loại thuốc nổ và khí tài gây nổ đều phải được định kỳ kiểm tra đánh giá chất lượng để có biện pháp phân loại, bảo quản và sử dụng hiệu quả. Biện pháp kiểm tra:

Nhìn giấy bọc ngoài xem có bị sờn rách không.

Nhìn màu sắc của thuốc, hình dạng bên ngoài của phương tiện gây nổ xem có thay đổi không. Nếu có thay đổi sử dụng sẽ không an toàn phải huỷ.

Dùng lửa đốt một đoạn dây cháy chậm để kiểm tra khói, lửa, tốc độ cháy.

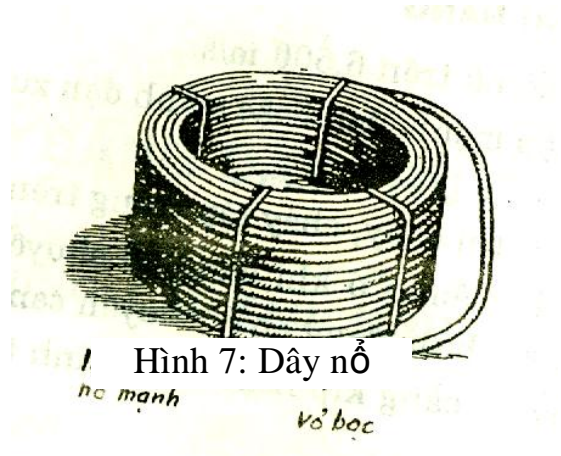
Khi nổ thử kíp, thuốc nổ tiếng nổ đanh giòn là kíp, thuốc nổ chất lượng tốt (chỉ gây nổ lượng nổ nhỏ).

Kiểm tra khối lượng nếu khác với khối lượng quy định là thuốc nổ bị ẩm hoặc bị biến chất.

- Giữ gìn

Phải để thuốc nổ và các phương tiện gây nổ nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào.

Các loại thuốc nổ không để lẫn với nhau, không để chung thuốc nổ với kíp, nụ xuy.



Không để lẫn thuốc nổ với axít, sơn, dầu, mỡ.

Không được bóc giấy phòng ẩm khi chưa dùng thuốc nổ và các phương tiện gây nổ.

- Vận chuyển

Thuốc nổ và kíp vận chuyển riêng, không để một người hoặc một phương tiện mang cùng một lúc, không để chung thuốc nổ với các loại hàng hoá, khí tài khác, cấm để kíp nổ vào túi áo, quần.

Thuốc nổ phải được đóng hòm hoặc gói buộc chắc chắn và phòng ẩm chu đáo. Khi vận chuyển phải nhẹ nhàng, hòm thuốc được lót đệm không làm va đập mạnh hoặc quăng quật.

Không dùng xe chở thuốc nổ nơi đông người, phố xá, làng mạc.

2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu

Trong chiến đấu ngoài việc sử dụng thuốc nổ nhồi trong các loại bom, đạn, mìn, lựu đạn... Còn sử dụng thuốc nổ gói thành các loại lượng nổ khối, lượng nổ dài, thủ pháo... dùng uy lực của thuốc nổ khi nổ để sát thương sinh lực, phá huỷ các phương tiện chiến tranh của địch.

- Lượng nổ khối: Là loại lượng nổ có tác dụng phá hoại lớn, uy lực tập trung. Thường dùng để tiêu diệt sinh lực địch tập trung, phá hoại các mục tiêu kiến trúc như: hầm ngầm, kho tàng, ụ súng, lô cốt, cầu cống, đường sá... và các phương tiện chiến tranh (xe tăng, xe bọc thép, máy bay, pháo cối, ô tô, tàu xuồng,). Khi gói buộc lượng nổ khối tốt nhất gói khối lập phương hoặc khối hộp chữ nhật nhưng cạnh lớn nhất không quá 3 lần cạnh nhỏ nhất.

- Lượng nổ dài: Là loại lượng nổ có tác dụng phá hoại lớn, khi nổ uy lực thuốc nổ phát triển nhanh theo chiều dài nhưng ít ở hai đầu lượng nổ. Thường dùng để phá các loại vật cản trở (hàng rào dây thép gai, tường, bãi mìn...) của địch để mở đường cho bộ đội ta xung phong tiêu diệt địch trọng trận địa của chúng. Khi cần thiết có thể dùng để đánh phá các loại mục tiêu khác.

- Thủ pháo: Là lượng nổ khối có khối lượng nhỏ (khối lượng từ 400÷1000g). Trang bị phổ biến cho từng người, có thể đặt, đút, thả, ném, tung, lẳng diệt địch tập trung trong hoặc ngoài công sự, trong nhà, trong hầm ngầm và phá huỷ một số loại phương tiện chiến tranh của địch.

3. Ứng dụng trong sản xuất

Trong lĩnh vực kinh tế dùng thuốc nổ kết hợp với sức người và xe máy để phá đất đá đạt năng suất cao, rút ngắn thời gian, giá thành hạ. Nhưng dùng thuốc nổ phải đúng lúc và đúng kỹ thuật, nếu không sẽ tốn kém, mất thời cơ, hư hại công trình, tài sản của nhà nước, gây nguy hiểm và tai nạn lao động.

- Phá đất: Lượng nổ phá đất có nhiều loại. Căn cứ vào hiện tượng nổ và kết quả nổ phân thành các loại lượng nổ.

+ Lượng nổ bắn tung: Là lượng nổ sau khi nổ làm tung đất ở phía trên, tạo thành hố phễu. Thường vận dụng để phá đường, làm đường lên xuống bên, cho nổ định hướng hất đất trong đắp đường, đắp đập... giảm khối lượng đào đắp.

+ Lượng nổ phá om: Dùng lượng nổ chôn sâu dưới đất, sau khi nổ không tung đất thành hố phễu. đất ở vùng nổ bị vỡ, mặt đất lún hoặc nứt nẻ, lồi cao

hơn bình thường. Thường ứng dụng làm đường, đào hồ công trình, khai thác mỏ... phá nổ om toi để người hoặc xe máy xúc gạt đi.

+ Lượng nổ nén ép: Lượng nổ khối lượng nhỏ chôn trong đất. Sau khi nổ đất bị nén ép thành lỗ hồng. Thường áp dụng để đào lỗ mở bầu, đào các công trình, ép đất cho nền đường, ép đất làm cọc tăng cường móng nhà...

- Phá đá:

+ Phá ốp: thường tôn thuốc nổ, chỉ vận dụng khi thời gian ngắn hoặc không có dụng cụ khoan đục lỗ nhồi thuốc nổ.

* Trường hợp đá tảng (đá mồ côi) có thể tích $5m^3$ trở xuống:

Nêu phá ốp đặt lượng nổ bên ngoài dùng 2kg thuốc nổ cho mỗi khối đất. Nếu phá dưới nước sâu lượng nổ giảm. Phá vỡ đá lượng nổ ốp ở trên có đất đắp lên chặt lượng nổ có thể giảm 4 lần.

Trường hợp hất đá lượng nổ phải tăng $2\div 3$ lần thuốc phá vỡ đá.

* Vía đá: Phá trên cạn tận dụng hang hốc hay khe nứt để tăng uy lực của thuốc nổ.

Ở dưới nước ứng dụng khai thác, thu dọn lòng sông, cầu cảng nơi ít có điều kiện khoan đục càng phải tận dụng phá ốp.

Khi phá dưới nước phải gói lượng nổ sao cho phòng ẩm tốt và thường gây nổ bằng kíp điện, mọi người phải lên bờ hoặc lên thuyền để tránh sóng xung kích truyền lan trong nước khi lượng nổ nổ. Nếu gây nổ bằng kíp thường phải tính toán chiều dài dây cháy chậm đủ bảo đảm cho người khi gây nổ xong bơi vào bờ hoặc lên thuyền an toàn lượng nổ mới nổ.

+ Phá tung, phá om: Dùng chòong búa hoặc máy khoan thành lỗ cắt ngang hoặc cắt chéo các thớ đá. Nhồi lên thuốc nổ và đặt ngòi nổ. Lèn đất chắc chắn cho đây lỗ. Thực hành gây nổ.

- Phá các vật thể khác

+ Phá gỗ tròn gỗ vuông, chữ nhật và phá cây

+ Phá thép tấm, thép ống, thép tròn dây cáp

+ Phá các vật kiến trúc...

III. TỔ CHỨC PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

1. Tổ chức

a) *Lên lớp*: Giới thiệu theo biên chế lớp học.

b) *Ôn luyện*: Từng người trong đội hình tổ, nhóm.

2. Phương pháp

a) *Giảng viên*

- Lên lớp:

Giới thiệu nội dung thuốc nổ và các phương tiện gây nổ, ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu và sản xuất theo phương pháp giảng giải (nêu nội dung, phân tích, dùng mô hình, tranh vẽ, phương tiện huấn luyện, lấy ví dụ thực tế hoạt động quân sự và kinh tế chứng minh).

- Ôn luyện

Giảng viên phổ biến ý định luyện tập (mục đích, yêu cầu, nội dung, tổ chức, phương pháp, thời gian, địa điểm, qui định trong quá trình ôn); duy trì,

theo dõi sinh viên ôn luyện, giải đáp vướng mắc; cuối buổi ôn luyện tập nhận xét, đánh giá kết quả ôn luyện.

b) Sinh viên

- Lên lớp: Nghe nhìn, tổng hợp ghi chép những nội dung chính.
- Ôn luyện: Ôn luyện theo ý định luyện tập của giảng viên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đặc tính, công dụng của các loại thuốc nổ (thuốc gây nổ, thuốc nổ vừa, thuốc nổ mạnh và thuốc nổ yếu)?

2. Tính năng, công dụng cấu tạo các phương tiện gây nổ (kíp, nựu xùy, dây cháy chậm, dây nổ)? Rút ra ý nghĩa thực tiễn khi sử dụng thuốc nổ và các phương tiện gây nổ ?

3. Nêu một số ứng dụng của thuốc nổ trong thực tiễn hoạt động quân sự và kinh tế?

Bài 5

PHÒNG CHỐNG VŨ KHÍ HỦY DIỆT LỚN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giới thiệu cho sinh viên hiểu được tính chất, đặc điểm, tác hại của vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí lửa và biện pháp phòng chống đơn giản.

- Nắm được những đặc điểm và tác hại cơ bản của vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học và vũ khí lửa; các biện pháp hạn chế tác hại của các loại vũ khí hủy diệt lớn.

II. NỘI DUNG

A. VŨ KHÍ HẠT NHÂN

1. Khái niệm

Vũ khí hạt nhân là một loại vũ khí hủy diệt lớn dựa trên cơ sở sử dụng năng lượng rất lớn được giải phóng ra từ phản ứng phân hạch dây truyền và phản ứng tổng hợp hạt nhân để tiêu diệt các mục tiêu.

2. Phân loại và phương tiện sử dụng

a) Phân loại

- Phân loại theo nguyên lý nổ

Loại gây nổ: Gồm vũ khí nguyên tử, vũ khí khinh khí và vũ khí neutron.

Loại không gây nổ: Chất phóng xạ chiến đấu.

- Phân loại theo đương lượng nổ

Đương lượng nổ (ký hiệu q): Là năng lượng của VKHN khi nổ được giải phóng ra tương đương với năng lượng của chất nổ TNT.

Đơn vị tính: Kilotấn (kt), mêgátấn (Mt) và gigatấn (Gt); 1kt = 1.000 tấn TNT, 1Mt = 1.000.000 tấn TNT, 1Gt = 1.000 Mt

Phân loại theo đương lượng nổ chia thành 5 loại: Loại cực nhỏ: $q < 1kt$; loại nhỏ: $1kt \leq q < 10 kt$; loại vừa: $10kt \leq q < 100kt$; loại lớn: $100kt \leq q < 1Mt$ (1.000 kt); loại cực lớn: $q \geq 1Mt$.

Loại cực nhỏ đến loại lớn dựa vào phản ứng phân hạch, loại lớn đến cực lớn dựa vào phản ứng nhiệt hạch kết hợp với phân hạch.

Vũ khí hạt nhân có đương lượng nổ $q = 20k$ gọi là bom chuẩn.

- Phân loại theo mục đích sử dụng

Vũ khí hạt nhân chiến thuật: Gồm loại cực nhỏ đến loại lớn, dùng để tập kích vào các mục tiêu chiến thuật, chiến dịch như trận địa tên lửa, pháo binh, đội hình chủ yếu của phân đội, binh đoàn, trận địa phòng ngự then chốt, các mục tiêu hậu phương, sân bay, đầu mối giao thông quan trọng, kho tàng, sở chỉ huy...

Vũ khí hạt nhân chiến lược: Gồm loại lớn và cực lớn, dùng để tập kích các mục tiêu chiến lược như các trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự.

b) Phương tiện sử dụng

TÍNH NĂNG MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN MANG BOM, ĐẠN HẠT NHÂN CỦA QUÂN ĐỘI MỸ

Phương tiện	Bom đạn hạt nhân	Trang bị	Trọng tải (tấn)	Đương lượng	Tầm hoạt động (km)
MB B52G (E,F)	Bom hạng nặng	KQ	30	1 ữ 30Mt	19.000
MB B.58 -A	Bom hạng vừa	KQ	20	10 ữ 30kt	10.000
MB F.111-A	Bom hạng vừa	KQ	10	10 ữ 300kt	6.100
MB A4	Bom hạng nhẹ	HQ	2,7	2 ữ 300kt	3.200
Pháo 155mm	Đạn M-109,M-114	f,qđ		0,5 ữ 1,0kt	15÷18
Pháo 175mm	Đạn M-07	qđ		2 ữ 10kt	32
Pháo 203,2mm	Đạn M-110	f,qđ		2 ữ 30kt	40
Tên lửa M31-A	Đạn MGR -1A	f,qđ		2 ữ 50kt	32
Tên lửa Polarits - A2	Đạn UGM -278	HQ		0,5kt	2.800
Tên lửa Xporinh		LQ		vài kt	

- Máy bay: Máy bay mang bom, tên lửa hạt nhân có tầm hoạt động từ vài kilômét đến hàng ngàn kilômét, được chia thành hai loại MB chiến lược và chiến thuật.

- Tên lửa hạt nhân:

+ Căn cứ vào tầm bắn, chia tên lửa thành 4 loại:

Tên lửa tầm cực xa (tên lửa toàn cầu): Tầm bắn 20000km, có thể bắn bất kỳ mục tiêu nào trên trái đất.

Tên lửa tầm xa (tên lửa vượt đại châu): Tầm bắn khoảng 10000km, có thể bắn từ châu lục này sang châu lục khác trên trái đất.

Tên lửa tầm trung: Tầm bắn từ 2000 ữ 10000km

Tên lửa tầm gần: Tầm bắn dưới 2000km.

+ Căn cứ vào mục đích sử dụng, chia tên lửa thành 2 loại:

Tên lửa chiến lược: Dùng để tiêu diệt các mục tiêu chiến lược với tầm bắn trên 2 000 km.

Tên lửa chiến thuật: Dùng để tiêu diệt các mục tiêu chiến thuật, chiến dịch với tầm bắn từ vài km đến hàng trăm km.

- Pháo hạt nhân: Các loại pháo lựu 155mm, 175mm, 203,2mm, 280mm... và ba-dô - ca đều bắn được đạn hạt nhân.

3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân

a) Nổ vũ trụ

- Ký hiệu: VT

- Độ cao nổ: Từ 65 km trở lên

- Tác dụng: Dùng để tiêu diệt các phương tiện đang bay trong tầng cao khí quyển như vệ tinh, tàu vũ trụ, tên lửa hạt nhân chiến lược.

- Cảnh tượng nổ: Điều kiện khí tượng tốt, nổ ở độ cao từ 80 ữ 100 km vẫn có thể quan sát được cảnh tượng nổ. Cầu lửa sáng chói, lan rộng nhanh (sau vài giây bán kính cầu lửa đạt tới hàng chục km). Bao quanh cầu lửa là lớp khí phát sáng đỏ hồng, dày tới hàng trăm ki lô mét.

- Sự hình thành các nhân

tố: Do mật độ không khí loãng nên sóng kích động rất yếu, bức xạ quang và bức xạ xuyên là hai nhân tố sát thương chủ yếu, nhiễm xạ mặt đất không đáng kể, hiệu ứng điện từ có bán kính hàng ngàn kilômét.

b) Nổ trên cao

- Ký hiệu: C

- Độ cao nổ: Từ 16 ữ 65 km

- Tác dụng: Tiêu diệt các phương tiện đang bay trên không như máy bay, tên lửa..., cản trở sự làm việc của máy vô tuyến điện, ra đa...

- Cảnh tượng nổ: Cầu lửa tròn sáng chói, lan rộng và bốc lên cao, ở độ cao tương đối thấp có thể nghe thấy tiếng nổ.

- Sự hình thành các nhân tố: Sóng kích động chưa mạnh, bức xạ quang và bức xạ xuyên là chủ yếu, nhiễm xạ mặt đất không đáng kể, nhiễm xạ khí quyển lớn, HUĐT tăng mạnh ở phạm vi tương đối rộng.

c) Nổ trên không

- Ký hiệu: K

- Độ cao nổ: Cách mặt đất từ 16 km trở xuống cho tới độ cao bằng bán kính của cầu lửa không chạm mặt đất (mặt nước).

- Tác dụng: Tiêu diệt các phương tiện bay trên không, sinh lực ngoài công sự, vũ khí trang bị trên mặt đất, phá huỷ công trình kiến trúc. Nếu nổ



Hình 1: NỔ vũ trụ

ở trên không thấp, có thể phá hủy các mục tiêu tương đối kiên cố trên mặt đất, sinh lực trong công sự.



Hình 2: Nổ trên không

a: Nổ trên không cao b: Nổ trên không thấp

- Cảnh tượng nổ: Ánh chớp sáng chói lọi, tiếng nổ rền vang, cầu lửa tròn lan rộng và bốc lên cao với vận tốc lớn (hàng trăm km/h), cầu lửa nguội dần chuyển thành mây phóng xạ tiếp tục cuốn lên cao hình thành nấm mây nguyên tử. Nếu nổ trên không cao thì tán nấm, thân nấm không liền nhau. Nếu nổ trên không thấp tán nấm và thân nấm liền nhau ngay từ đầu.

- Sự hình thành các nhân tố: Sóng kích động là nhân tố sát thương phá hoại chủ yếu, bức xạ quang và bức xạ xuyên là nhân tố sát thương quan trọng, hiệu ứng điện từ mạnh.

d. Nổ mặt đất, mặt nước

- Ký hiệu : Đ, N

- Độ cao nổ: $h = 0,5\sqrt{3,5x^3} \sqrt{q}$

- Tác dụng : Tiêu diệt các mục tiêu tương đối kiên cố trên mặt đất, mặt nước.

- Cảnh tượng nổ: Ánh chớp chói lọi, nghe tiếng nổ rền vang, mặt đất rung chuyển mạnh, cầu lửa bị khuyết phần dưới (có hình bán cầu lửa), đất đá bị nóng chảy cuộn lên rồi đông lại thành xỉ phóng xạ, nấm mây nguyên tử màu thẫm, thân to và thấp hơn so với nổ trên không. Tạo hố bom sâu tại tâm nổ.

- Sự hình thành các nhân tố: Sóng kích động, bức xạ quang gần tâm nổ mạnh hơn ở khu vực xa, bức xạ xuyên mạnh, nhiễm xạ địa hình có diện tích rộng, mức bức xạ cao, hiệu ứng điện từ mạnh nhưng phạm vi hẹp.

e) Nổ dưới đất, dưới nước

- Ký hiệu: ĐĐ, DN

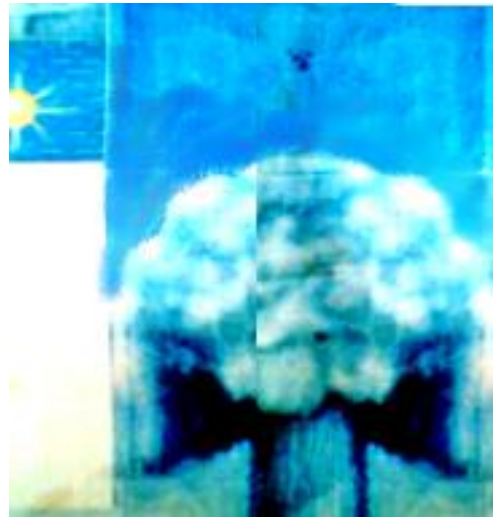


Hình 3: Nổ mặt đất

- Độ sâu nổ: Dưới mặt đất, mặt nước từ vài mét đến vài trăm mét.
- Tác dụng: Tiêu diệt, phá hủy các công trình kiên cố dưới đất, tạo hố bom sâu, khu nhiễm xạ rộng, các mục tiêu trên mặt nước, dưới nước như tàu ngầm và các công trình ngầm dưới nước.
- Cảnh tượng nổ: Nổ dưới đất, dưới nước không nhìn thấy hoặc thấy rất ít ánh sáng của cầu lửa (do đất, nước hấp thụ hết), mặt đất rung chuyển mạnh như động đất, đất đá tung lên trộn với chất phóng xạ có hình nón cụt lật ngược, bụi mù mịt bao phủ quanh khu vực nổ. Khi nổ dưới nước, tạo nên một cột nước khổng lồ có đường kính từ vài trăm mét đến vài kilômét, mặt nước xuất hiện những đợt sóng cao tới vài trăm mét.
- Sự hình thành các nhân tố: Sóng kích động, bức xạ quang và bức xạ xuyên trong không khí yếu, sóng địa chấn trong lòng đất rất mạnh, sóng nước rất mạnh (sóng thần); nhiễm xạ mặt đất và nhiễm xạ nước lớn.



Hình 4: Nổ dưới đất



Hình 5: Nổ dưới nước

4. Các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống

a) Sóng kích động

- Nguồn gốc: Sóng kích động là nhân tố uats thương phá hoại chủ yếu của vũ khí hạt nhân, chiếm 50% năng lượng của vụ nổ. Khi bom, đạn hạt nhân nổ, phản ứng phân hạch hay phản ứng tổng hợp hạt nhân được thực hiện, giải phóng ra một năng lượng cực kỳ lớn với nhiệt độ lên tới hàng chục triệu độ và áp suất hàng tỷ atmôtphe ở khu vực tâm nổ. Dưới tác dụng của nhiệt độ cực kỳ cao, vật chất ở gần xung quanh tâm nổ đều bốc thành hơi nóng đỏ, tạo thành một khối lửa khổng lồ có nhiệt độ và áp suất cao gọi là cầu lửa. Cầu lửa không ngừng lan rộng và bốc lên cao, dồn nén lớp không khí bao quanh tâm nổ hình thành nhân tố sóng kích động, còn gọi là sóng xung kích, sóng xung động có áp suất rất lớn.

- Tác hại

+ Đối với người:

Sóng kích động có thể gây sát thương trực tiếp hay gián tiếp. Sát thương trực tiếp là do sức đẩy mạnh của lớp không khí lên cơ thể, làm cho các bộ phận quan trọng trong người như tim, gan, phổi, lá lách, não... bị tổn thương, có thể gây ảnh hưởng đến máu bên trong, chảy máu ở miệng, mũi, tai... và do sức đẩy mạnh của không khí hất người đi xa gây đập, nát, gãy xương, sai khớp chân, tay...

Sát thương gián tiếp là của sóng kích động làm đổ sập nhà cửa, hầm hào, công sự, cây cối, phương tiện kỹ thuật..., từ đó đè ép, va đập lên người gây chấn thương, ở các thành phố, rừng cây thì sát thương gián tiếp lớn hơn trực tiếp (chiếm 70%).

+ Đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật công trình kiến trúc: sóng kích động có thể làm hư hỏng hoặc phá huỷ hoàn toàn bằng trực tiếp hay gián tiếp.

- Cách phòng chống

+ Nhanh chóng và triệt để lợi dụng địa hình, hầm hào, công sự, bình khí kỹ thuật... để ẩn nấp.

+ Nếu đang ở địa hình bằng phẳng, thấy chớp nổ hạt nhân phải lập tức nằm sấp xuống mặt đất, chân quay về hướng tâm nổ, hai cánh tay bắt chéo chèn trước ngực, hai ngón trở bịt hai lỗ tai, mắt nhắm, miệng há, thở đều.

+ Hầm hào công sự phải xây dựng kiên cố, vững chắc.

+ Cấp cứu cho những người bị thương, chuyển về tuyến sau điều trị những người bị thương nặng.

+ Không được lợi dụng những vật dễ đổ vỡ để phòng tác hại gián tiếp của sóng kích động.

b) Bức xạ quang

- Nguồn gốc: Khi vũ khí hạt nhân nổ tạo thành cầu lửa có nhiệt độ cao và áp suất cực kỳ lớn không ngừng lan rộng và bốc lên cao. Cầu lửa là do các sản phẩm của vụ nổ như vỏ bom, đạn, chất nổ, đất, nước, không khí... gần tâm nổ bị nung nóng tạo thành. Do bị nung nóng ở nhiệt độ cao, cầu lửa là một khối plátsma trong đó các phân tử, nguyên tử ở trạng thái bị kích thích, ion hóa, tái hợp không ngừng, liên tục phát ra bức xạ điện từ trong dải sóng quang học, tức là tia sáng tử ngoại, ánh sáng nhìn thấy và ánh sáng hồng ngoại. Dòng năng lượng bức xạ của các tia sáng đó gọi là bức xạ quang.

Bức xạ quang là nhân tố sát thương phá hoại quan trọng của vũ khí hạt nhân, chiếm khoảng 35% năng lượng vụ nổ.

Bản chất của bức xạ quang là dòng ánh sáng có nhiệt độ cao, trong khu vực tâm nổ lên tới hàng triệu độ, cho nên bức xạ quang có phương truyền thẳng, vận tốc nhanh (300000km/s), năng lượng của bức xạ xuyên được tính bằng giá trị của xung lượng quang, đơn vị tính là calo (cal).

- Tác hại

+ Đối với người: Bức xạ quang có thể gây sát thương trực tiếp hay gián tiếp. Sát thương trực tiếp là làm bỏng da hoặc thiêu cháy, gây mù mắt.... sát thương gián tiếp là do bức xạ quang gây nên các đám cháy lớn, từ đó làm cháy, bỏng người và tác hại bằng hơi nóng của đám cháy, ở nơi có nhiều vật dễ cháy thì tác hại gián tiếp lớn hơn tác hại trực tiếp.

+ Đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật, nhà cửa, công trình... bức xạ quang gây tác hại trực tiếp hoặc gián tiếp; gây cháy, nóng chảy, hoá than... tạo thành những đám cháy lớn.

Lớp phủ thực vật gần khu vực tâm nổ có thể tạo ra các đám cháy lớn, diện tích lan rộng (có thể tạo thành bão lửa).

- Cách phòng chống

+ Phòng chống bức xạ quang cũng áp dụng các biện pháp tương tống kích động như lợi dụng địa hình, địa vật để ẩn nấp, xây dựng công sự.

+ Chú ý nhắm mắt, không nhìn vào cầu lửa, trang bị cho bộ đội kính bảo vệ mắt, mũ, giày chống cháy.

+ Hàm hào, công sự xây dựng bằng vật liệu khó cháy, có nắp đậy đủ độ dày.

+ Tổ chức tốt công tác cấp cứu người bị bỏng, dập cháy cho người, vũ khí trang bị kỹ thuật, công sự, địa hình...

+ Bố trí phân tán các kho tàng, phương tiện chiến đấu, cách ly với vật dễ cháy, che phủ cho kho tàng, vũ khí trang bị, khí tài quan trọng bằng các loại bạt chịu nhiệt, nhưng cần chú ý giữ bí mật, bảo đảm chiến đấu.

+ Đối với đường dây thông tin hữu tuyến điện phải chôn sâu dưới đất phòng cháy.

c) Bức xạ xuyên

- Nguồn gốc

Bức xạ xuyên là dòng gama (γ) và dòng neutron (n) được phóng ra từ tâm nổ ngay lúc xảy ra phản ứng hạt nhân, từ quả cầu lửa và đám mây phóng xạ, hình thành ngay sau khi nổ. Bức xạ xuyên là nhân tố sát thương phá hoại đặc trưng của vũ khí hạt nhân, chiếm 5% năng lượng vụ nổ.

- Tác hại

+ Đối với người và động vật: Các tia γ , n khi chiếu vào người, động vật sẽ gây nên những biến đổi sinh vật học trong cơ thể, thực chất là gây nên hiện tượng ion hoá các nguyên tử, phân tử trong tế bào cơ thể. Từ đó dẫn đến sự thay đổi cấu trúc hoá học của các nguyên tử, phân tử và phá hoại hoạt động của hệ thần kinh trung ương, hệ tuần hoàn và cơ quan tạo máu, các cơ quan bị chấn thương khi bị chiếu xạ không hồi phục được sẽ gây nên một bệnh đặc biệt cho người và động vật gọi là bệnh phóng xạ cấp tính. Mức độ bệnh phóng xạ phụ thuộc vào liều chiếu xạ.

Độ 1 (nhẹ): Thời kỳ ủ bệnh từ 2-3 tuần, sau đó có hiện tượng khó chịu, mệt mỏi, buồn nôn, chóng mặt, nhiệt độ cơ thể tăng cao, bạch cầu giảm.

Độ 2 (trung bình): Thời kỳ ủ bệnh khoảng 1 tuần, sau đó xuất hiện những triệu chứng như độ 1 nhưng nặng hơn, bạch cầu giảm nhiều. Điều trị sau 1,5-2 tháng có thể hồi phục.

Độ 3 (nặng): Thời kỳ ủ bệnh khoảng 1 giờ, sau đó mệt mỏi toàn thân, buồn nôn, nôn mửa, nhiệt độ tăng cao, co giật, rối loạn tiêu hoá, rụng tóc, thành phần và chất lượng máu giảm nhiều, dễ gây nhiễm trùng các vết thương khác. Điều trị tốt có thể phục hồi sau 6-8 tháng.

Nếu bị chiếu xạ với liều lượng lớn hơn 500R sẽ gây bệnh phóng xạ cấp tính rất nặng, tỷ lệ tử vong rất cao (100%).

- Đối với vũ khí trang bị, công trình... bức xạ xuyên không phá hoại, chỉ làm thay đổi tính chất của các loại dụng cụ bán dẫn, làm hỏng phim ảnh, vật thể khi bị chiếu xạ có thể trở thành các đồng vị phóng xạ cảm ứng, gây tác hại gián tiếp cho người sử dụng.

- Cách phòng chống

+ Đối với người: Nhanh chóng, triệt để loại bỏ địa hình, địa vật và các vật che khuất, che đỡ để ẩn nấp; xây dựng công sự, hầm có nắp, đủ độ dày để làm giảm yếu bức xạ xuyên; tổ chức cấp phát ống đo liều chiếu xạ cá nhân (nếu có) để đo liều chiếu xạ cho bộ đội. Nếu được cấp phát thuốc phòng phóng xạ thì chỉ được uống thuốc 30-40 phút trước khi vào vùng chiếu xạ làm nhiệm vụ.

Dùng máy đo phóng xạ để kiểm tra độ phóng xạ cho lương thực, thực phẩm và nguồn nước.

Nếu bị bệnh phóng xạ, sử dụng túi thuốc cá nhân uống 1-2 viên thuốc chống nôn sau đó đưa lên quân y các cấp điều trị.

+ Đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật

Bảo vệ, che đậy những bộ phận quang học, kính ngắm, phim ảnh.

Dùng máy đo phóng xạ kiểm tra độ phóng xạ cho vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật, công trình, địa hình, đường xá...

d) Chất phóng xạ

Chất phóng xạ là nhân tố iact thương phá hoại đặc trưng của vũ khí hạt nhân, chiếm khoảng 10% năng lượng vụ nổ.

- Nguồn gốc

Khi vũ khí hạt nhân nổ, chất phóng xạ được sinh ra từ 3 nguồn gốc là sản phẩm của phản ứng phân hạch (mảnh vỡ hạt nhân), chất phóng xạ cảm ứng và chất nổ hạt nhân chưa tham gia phản ứng. Chất phóng xạ thường tồn tại ở các dạng khí, bụi, xỉ phóng xạ và nằm ngay trong vũ khí trang bị kỹ thuật khi bị dòng n chiếu vào.

- Tác hại

+ Đối với người

Chất phóng xạ gây bệnh phóng xạ đối với người theo 3 con đường:

Chiếu xạ ngoài: Khi người đi qua khu nhiễm xạ hay ở gần vật thể bị nhiễm xạ có thể bị tia β, γ chiếu vào cơ thể. Nếu bị chiếu bởi γ với liều lượng cao sẽ gây nên bệnh phóng xạ cấp tính và mãn tính, cấp độ bệnh phóng xạ tương tự bệnh phóng xạ do bức xạ xuyên gây nên.

Nhiễm xạ da: Do bụi phóng xạ rơi trực tiếp vào người, các tia phóng xạ xuyên vào cơ thể gây nên bệnh bỏng phóng xạ.

Nhiễm xạ bên trong: Do bụi phóng xạ xâm nhập vào cơ thể người bằng 3 con đường hô hấp, tiêu hoá và qua vết thương gây nên bệnh phóng xạ.

+ Đối với vũ khí trang bị kỹ thuật, công trình kiến trúc: Chất phóng xạ không gây tác hại đối với VKTB kỹ thuật, công trình kiến trúc, nguồn nước, lương thực, thực phẩm v.v..., những đối tượng này bị nhiễm xạ sẽ gây tác hại gián tiếp cho người sử dụng.

- Cách phòng chống

+ Sử dụng khí tài phòng hoá đúng lúc, chính xác theo lệnh của người chỉ huy.

- + Lợi dụng địa hình, địa vật, phương tiện kỹ thuật để phòng chống.
- + Xây dựng công sự, hầm hào có nắp kín
- + Trang bị các khí tài trinh sát bức xạ để trinh sát xác định tình hình nhiễm xạ trên địa hình, không khí, VKTB kỹ thuật, nguồn nước, lương thực, thực phẩm...
- + Sử dụng các khí tài để tẩy xạ cho các đối tượng bị nhiễm.
- + Dự đoán tình hình nhiễm xạ và khả năng hoạt động trong khu nhiễm.
- + Trước khi vào khu nhiễm làm nhiệm vụ, phải uống thuốc phòng phóng xạ.
- + Tổ chức cấp cứu, điều trị người bị bệnh phóng xạ.

e) Hiệu ứng điện từ

Hiệu ứng điện từ là nhân tố thứ 5 của VKHN, chiếm một phần năng lượng không đáng kể của vụ nổ hạt nhân (khoảng 1%).

- Nguồn gốc

Khi bom đạn hạt nhân nổ, dưới tác dụng của nhiệt độ cao và dòng γ , n, các phân tử, nguyên tử không khí bị ion hoá tạo thành các phân tử mang điện. Do đó, trong không gian hình thành những vùng điện tích trái dấu, làm xuất hiện điện từ trường tổng hợp gọi là xung điện từ hay hiệu ứng điện từ.

- Tác hại

Hiệu ứng điện từ làm nhiễu các hoạt động của máy vô tuyến điện, làm đứt dây dẫn điện, cầu chì...mất tính cách điện của một số vật liệu gây lên hiện tượng cháy và chập điện.

Ngoài ra hiệu ứng điện từ còn tác dụng vào các hệ thống điều khiển, thông tin liên lạc đặt dưới hầm sâu, mà ở đó ướng kích động và bức xạ quang không tác dụng được.

- Cách phòng chống

- + Xây dựng hệ thống thu xung điện từ ở các hầm chỉ huy, hầm thông tin.
- + Thiết kế các mạch điện chống xung cao trong các thiết bị điện.
- + Tạm thời tắt máy vô tuyến điện khi nhận được tín hiệu thông báo, báo động địch tập kích VKHN.

B. VŨ KHÍ HÓA HỌC

1. Khái niệm

Vũ khí hoá học(VKHH) là một loại VKHDL mà tác dụng sát thương dựa trên cơ sở sử dụng độc tính của các chất độc quân sự để gây độc cho người, sinh vật và phá huỷ môi trường sinh thái.

2. Phân loại

a) Phân loại theo thời gian gây tác hại

Căn cứ vào thời gian tồn tại và gây tác hại của chất độc trong môi trường nhiễm, người ta chia chất độc quân sự ra làm hai nhóm:

- Nhóm chất độc quân sự mau tan: Là những chất độc quân sự có thời gian tồn tại dưới 1 giờ, nhiệt độ sôi nhỏ hơn 140°C . Các chất độc này thường được sử dụng ở trạng thái hơi, khói hoặc giọt lỏng có độ bốc hơi nhanh, gây nhiễm độc không khí là chủ yếu và gây tác hại cho người qua đường hô hấp. Ví dụ như khói chất độc CS, BZ, chất độc ngạt thở và chất độc toàn thân...

- Nhóm chất độc quân sự lâu tan: Là những chất độc có thời gian tồn tại trên 1 giờ, nhiệt độ sôi lớn hơn 140°C . Các chất độc này thường được sử dụng ở dạng giọt lỏng hoặc rắn (bột) ít bay hơi. Gây nhiễm độc cho các đối tượng, gây tác hại cho người bằng ba con đường hô hấp, tiếp xúc và tiêu hoá. Ví dụ như chất độc Vx, chất độc loét da, bột CS...

Cách phân loại trên chỉ là tương đối vì thời gian tồn tại của chất độc trong môi trường phụ thuộc nhiều vào yếu tố ngoại cảnh.

b) Phân loại theo bệnh lý

Căn cứ vào đặc điểm, tác hại và triệu chứng trúng độc đối với người khác nhau, người ta chia chất độc quân sự thành 6 nhóm:

- Nhóm chất độc thần kinh: Là những chất độc quân sự có độc tính cao, gây tác hại đối với hệ thần kinh làm cho người trúng độc bị mất sức chiến đấu và chết nhanh chóng. Chất độc thần kinh gồm có Vx, Sarin (GB), Sôman (GA), Tabun (GD)... đặc biệt là Vx và Sarin được quan tâm nhất. Mỹ và Nga đã sản xuất được Vx và Sarin hai thành phần đưa vào trang bị cho quân đội.

- Nhóm chất độc loét da: Là những chất độc quân sự có độc tính cao, gây tác dụng huỷ hoại da và niêm mạc, bị tổn thương rất khó điều trị, người bị trúng độc có thể bị tử vong. Chất độc loét da có ý nghĩa lớn trong quân sự vì khả năng gây tác hại, thời gian tồn tại và độ bền tàng trữ cao. Như Ypêrit (H,HD), Ypêritnitơ (HN) và Lovixit (L)...

- Nhóm chất độc toàn thân: Là những chất độc quân sự có độc tính cao khi xâm nhập vào cơ thể phá hoại sự trao đổi ôxy của tế bào gây nhiễm độc toàn bộ cơ thể và dẫn đến tử vong. Chất độc toàn thân gồm: Axitxianhydric (AC), Cloxyan (CK), các hợp chất Hydrô của Asen và Phôthpho...

- Nhóm chất độc ngạt thở: Là những chất độc quân sự có độc tính cao gây tổn thương cho cơ quan hô hấp. Chất độc ngạt thở gồm: Photgen (CG) và Diphotgen (DP).

- Nhóm chất độc kích thích: Là những chất độc gây tác hại kích thích các tế bào thần kinh không có màng bảo vệ ở các niêm mạc mắt, mũi, miệng.... Chất độc kích thích được Mỹ sử dụng rộng rãi trong chiến tranh Việt nam gồm: CS, Cloaxetôphenôn (CN), Adamxít (DM)...

- Nhóm chất độc tâm thần: Là những chất độc gây cho con người những bất thường về tâm lý. Chất độc tâm thần gồm: BZ, LSD-25.

c) Phân loại theo độ độc

- Chất độc gây chết người: Là những chất độc quân sự có độc tính cao, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ dẫn đến chết người sau một thời gian.

- Chất độc gây mất sức chiến đấu: Là những chất độc có độc tính thấp. Khi người bị nhiễm độc chỉ làm mất sức chiến đấu tạm thời trong một thời gian nhất định.

3. Đặc điểm tác hại cơ bản của vũ khí hoá học

a) Sát thương sinh lực chủ yếu bằng tính độc

Vũ khí hoá học chỉ gây sát thương sinh lực bằng tính độc của các loại chất độc quân sự, làm ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái, gây tác hại đối với con người, sinh vật một cách trực tiếp và gián

tiếp. Nhiều loại chất độc tồn tại lâu dài trong môi trường làm ảnh hưởng đến các mặt của đời sống xã hội.

Vũ khí hoá học không gây sát thương bằng uy lực nổ như vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân, nên không phá hoại trực tiếp cơ sở vật chất, chỉ làm nhiễm độc vũ khí trang bị (VKTB), địa hình công sự, lương thực, thực phẩm, nguồn nước..., làm ảnh hưởng đến người sử dụng và gây khó khăn cho việc khắc phục hậu quả.

b) Phạm vi gây tác hại rộng

Khi tập kích VKHH, chất độc có thể tồn tại ở trạng thái sol khí, hơi, khuếch tán vào không khí, tạo thành đám mây độc. Tuỳ thuộc vào điều kiện khí tượng, địa hình mà đám mây độc lan truyền theo chiều gió làm nhiễm độc không khí và sa lắng trên địa hình trong phạm vi rộng lớn. Nếu tập kích vào vùng đông dân cư có thể gây nhiễm độc hàng vạn người.

c) Thời gian gây tác hại kéo dài

Sau khi tập kích vũ khí hoá học, một phần chất độc ở thể lỏng và thể bột làm nhiễm độc địa hình, vật thể, vũ khí trang bị lại tiếp tục bay hơi. Tuỳ theo điều kiện khí tượng, địa hình, mật độ nhiễm độc mà mức độ nguy hiểm có thể kéo dài trong khoảng thời gian nhất định, từ hàng giờ đến hàng chục ngày, có những chất độc kéo dài đến hàng năm, để lại hậu quả lâu dài.

4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống

a) Chất độc thần kinh Vx

- Tính chất: Vx là một chất lỏng không màu, không mùi, nhiệt độ sôi 300⁰c, ít tan trong nước, tan tốt trong các dung môi hữu cơ. Vx nặng hơn nước nên có thể lắng xuống đáy ao, hồ, sông, ngòi. Vx bay hơi kém có thể tồn tại lâu trên bề mặt địa hình, vật thể. Vx gây nhiễm độc qua da rất lớn.

- Triệu chứng: Khi chất độc Vx xâm nhập vào cơ thể tuỳ theo mức độ nặng hay nhẹ khác nhau mà xuất hiện các triệu chứng: con ngươi mắt thu nhỏ, sùi bọt mép, nôn mửa, khó thở, thở gấp, đi đứng không vững, đau đầu, đau vùng mắt, co giật cơ bắp, co giật toàn thân, da tím tái, tim hoạt động rối loạn, toàn thân tê liệt và chết. Trong trường hợp bị nhiễm độc nhẹ hoặc cấp cứu kịp thời có thể sống sót.

- Đề phòng, cấp cứu, tiêu độc

+ Đề phòng: Luôn luôn cảnh giác, phát hiện kịp thời địch sử dụng chất độc Vx trong chiến đấu. Triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, công sự, binh khí kỹ thuật.. để ẩn nấp. Sử dụng khí tài đề phòng như mặt nạ, áo choàng, ủng, găng tay để che phòng cho người. Uống viên thuốc phòng chất độc thần kinh trước khi địch sử dụng hoặc trước khi vào khu nhiễm hoạt động.

+ Cấp cứu: Nhanh chóng đưa người ra khỏi khu nhiễm độc. Dùng ống tiêm tự động tiêm vào bắp và bỏ ống tiêm vào túi áo ngực, làm hô hấp nhân tạo.

Nếu không có ống tiêm tự động thì tiêm Atrôpinsunphat liều cao và PAM đến khi con ngươi mắt giãn ra có thể dừng tiêm (liều lượng tiêm không quá 48ữ90mg trong 48 giờ).

+ Tiêu độc:

Sử dụng bao tiêu độc IPP-8 để tiêu độc cho da và dung dịch Natribicacbonat 2% để nấu hấp quân trang, quân dụng (có thể dùng hơi Amôniac); nếu quân trang bị nhiễm hơi chất độc thần kinh, dùng bao DPS để tiêu độc.

Sử dụng hộp tiêu độc IDP để tiêu độc cho vũ khí trang bị cá nhân.

Dùng dung dịch 3/2 (Canxihipoclorit) có 6ữ8% clo hoạt động để tiêu độc cho địa hình, công sự, đường xá..., dung dịch 3/2 có 2ữ5% clo hoạt động tiêu độc cho vũ khí kỹ thuật.

Đối với mắt bị nhiễm độc, sử dụng nước sạch rửa nhiều lần.

Nguồn nước, lương thực, thực phẩm bị nhiễm độc không được sử dụng.

Ngoài ra có thể xúc hót, phủ lấp, đốt để tiêu độc địa hình.

b) Chất độc loét da Ypêrit (ký hiệu H, HD)

- Tính chất: Ypêrit ở dạng tinh khiết là một chất lỏng không màu, không mùi, sánh như dầu. Sản phẩm công nghiệp có màu từ vàng đến màu tối và có mùi đặc trưng, khi phân huỷ có mùi giống như mùi tỏi. Khả năng bay hơi kém, độ bền của chất độc cao, thời gian gây tác hại của Ypêrit kéo dài hàng tuần.

- Trạng thái sử dụng: Trong chiến đấu chất độc Ypêrit thường được sử dụng ở dạng giọt lỏng và sương (sol khí).

- Triệu chứng:

Đối với da: Khi chất độc rơi trên da làm cho da ban đỏ, rộp phỏng có nước, lúc đầu nốt rộp phỏng nhỏ, sau đó lớn dần và nối liền với nhau thành nốt rộp phỏng lớn, các nốt rộp phỏng vỡ ra gây loét nát, hoại tử, sau hàng tháng mới khỏi, để lại vết sẹo, bị nặng có thể gây tử vong.

Đối với cơ quan hô hấp: Chất độc Ypêrit gây tổn thương thanh quản, khí quản, viêm phổi và phù nề phổi.

Đối với cơ quan tiêu hoá: Chất độc Ypêrit gây viêm loét dạ dày, ruột, buồn nôn, mửa, đau bụng, tiết nhiều nước bọt, đại tiện ra máu.

Đối với mắt: Bị viêm niêm mạc khi tiếp xúc với hơi chất độc hoặc bị mù nếu giọt lỏng Ypêrit rơi vào mắt.

- Đề phòng, cấp cứu, tiêu độc.

+ Đề phòng:

Nhanh chóng triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, phương tiện kỹ thuật để ẩn nấp. Sử dụng khí tài phòng hoá cá nhân như mặt nạ, áo choàng, ủng, găng tay để che phòng cho người. Nguồn nước sinh hoạt, lương thực, thực phẩm phải được che đậy kín.

+ Cấp cứu: Đưa nhanh người bị nhiễm lên quân y để điều trị kịp thời, tiêm kháng sinh chống nhiễm trùng. Cho uống thuốc trợ lực, dùng thuốc mỡ kháng sinh bôi lên vết loét sau khi đã tiêu độc.

- Tiêu độc

Sử dụng bao tiêu độc IPP-8 tiêu độc cho da.

Có thể sử dụng dung dịch mônôcloramin 10%, dung dịch kiềm loãng, thuốc tím để tiêu độc cho da, tiêu độc xong rửa bằng nước xà phòng và nước sạch. Nếu da bị ban đỏ dùng băng tẩm dung dịch cloramin 2% để băng lại.

Sử dụng dung dịch cloramin 0,25 ữ0,5% hoặc dung dịch Natribicacbonnat 2% để rửa mắt nhiều lần, bôi thuốc mỡ kháng sinh. Nếu bị kích thích mạnh nhỏ Dicain.

Đối với cơ quan hô hấp: Xúc miệng, rửa mũi bằng dung dịch Natribicarbonat 2% hay dung dịch cloramin 0,25ữ0,5%.

Đối với cơ quan tiêu hoá: Dùng dung dịch cloramin 0,25% để rửa dạ dày.

Đối với quần trang, quần dụng dùng phương pháp nấu hấp với hơi nước có chứa NH_3 . Đun sôi lâu trong dung dịch Na_2CO_3 hoặc xà phòng.

Đối với vũ khí cá nhân dùng hộp IDP để tiêu độc, VKTB cỡ lớn tiêu độc bằng dung dịch đicloramin, các chất có tính ôxy hoá, clo hoá và dung dịch 3/2.

Đối với địa hình, đường xá dùng clorua vôi, 3/2 ở dạng bột hoặc dung dịch có chứa 6ữ8% clo hoạt động để tiêu độc.

Ngoài ra dùng các phương pháp phủ lấp, xúc hốt, gạt bỏ, đốt để tiêu độc cho địa hình.

Nguồn nước, lương thực, thực phẩm bị nhiễm Ypêrit thì tuyệt đối không được sử dụng.

c) Chất độc kích thích CS

- Tính chất: CS là một chất kết tinh màu trắng có mùi hạt tiêu nhẹ, khả năng bay hơi thấp, không tan trong nước, tan tốt trong Axetôn, Diôxan, Benzen, Clorofoóc.

- Triệu chứng

Đối với mắt: Trong vài giây đã gây ra viêm niêm mạc mắt nặng, làm bóng rớt, đau nhức dữ dội, làm cay mắt, chảy nước mắt. Nếu ra khỏi khu nhiễm thì sau 25ữ30 phút mức độ viêm niêm mạc giảm đi rõ rệt.

Đối với cơ quan hô hấp: Cảm giác bỏng rát trong khoang miệng, họng, trong lồng ngực, hắt hơi, sổ mũi liên tục và ho sặc sụa, tạo tâm lý hoảng sợ cho người bị nhiễm độc, làm tăng triệu chứng nhiễm độc toàn thân, có thể ngừng thở. Triệu chứng trên mất đi khi đã ra khỏi khu nhiễm, hít thở không khí sạch một thời gian.

Đối với da: Da ẩm ướt nếu bị bột chất độc CS dính bám sẽ làm bóng rớt, có thể ban đỏ hoặc rộp phỏng.

- Đề phòng, cấp cứu, tiêu độc

+ Đề phòng: Sử dụng các loại mặt nạ, áo choàng, ủng và găng tay để bảo vệ cho người; có thể sử dụng khăn mặt ướt, khẩu trang, băng miệng, mũ mềm... để che phòng cho cơ quan hô hấp.

+ Cấp cứu:

Nhanh chóng đưa người ra khỏi khu nhiễm, nơi thoáng gió cho người ổng thuốc chống khói (1ữ2 ổng).

Dùng dung dịch thuốc tím trong Axêton rửa chỗ da bị bỏng rát, tắm rửa sạch sẽ bằng xà phòng.

Rửa mắt, mũi, họng bằng dung dịch Nabica 2% hoặc xúc miệng rửa mũi bằng dung dịch thuốc tím loãng.

+ Tiêu độc:

Đối với người: Tắm rửa sạch sẽ bằng nước xà phòng hoặc nước sạch. Quần áo quần trang tiêu độc bằng quá trình thông hơi, phui dũ, đập sạch, nếu bị nhiễm nặng, phải rửa, giặt bằng nước xà phòng hoặc phân huỷ bằng không khí nóng.

Địa hình công sự: Có thể thu gom, quét dọn sạch sẽ, rửa bằng nước.

Vũ khí trang bị: dùng dung môi hữu cơ để tiêu độc,

Nguồn nước bị nhiễm chỉ sử dụng vào mục đích kỹ thuật, không sử dụng cho ăn uống.

Đối với lương thực, thực phẩm bị nhiễm chất độc CS thể rắn (bột) có thể tách bỏ lớp nhiễm bên ngoài, phần không bị nhiễm vẫn có thể sử dụng được.

d) Chất độc tâm thần BZ

- Tính chất: BZ là một chất kết tinh màu trắng, sản phẩm công nghiệp có màu vàng nhạt, không tan trong nước, tan tốt trong dung môi hữu cơ, rất ổn định trong không khí.

- Triệu chứng: Khi bị nhiễm chất độc BZ, thời gian ủ bệnh kéo dài trong khoảng 1 giờ, sau đó xuất hiện các triệu chứng con người mắt giãn to, tim đập nhanh, yếu cơ bắp, choáng váng, run rẩy, chóng mặt, liều lĩnh, suy giảm phản ứng, ảo giác, mê sảng, hồi hộp, bất an, tức giận, điên khùng, mất trí. Sau 12 giờ triệu chứng tâm thần thể hiện mãnh liệt hơn, sau 4-5 ngày trở lại bình thường.

- Đề phòng, cấp cứu, tiêu độc

+ Đề phòng: Nhanh chóng sử dụng mặt nạ phòng độc hoặc các khí tài ứng dụng (khẩu trang, khăn mặt, mũ mềm...) để bảo vệ cơ quan hô hấp.

+ Cấp cứu: Đưa ngay người ra khỏi khu nhiễm độc, đặt nơi thoáng gió. Tiêm physostiglin (1-2 ống) hoặc cho ống Mêtratril hay Amiazin 2-3 viên/ngày.

+ Tiêu độc: Xúc miệng, rửa mũi, rửa mặt bằng nước sạch nhiều lần; có điều kiện tắm rửa vệ sinh bằng nước xà phòng, nước sạch; phơi quần áo bị nhiễm độc hoặc giặt bằng nước xà phòng. Nguồn nước, lương thực, thực phẩm bị nhiễm không được sử dụng.

e) Chất đầu độc

Chất đầu độc là các loại chất độc hoá học được sử dụng dùng để đầu độc nguồn nước, lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, hoa màu, gây tổn thất về người, gia súc và mùa màng.

- Tính chất chung

Những chất độc hoá học sử dụng làm chất đầu độc phải có tính độc cao.

Không màu, không mùi, không vị, dễ hoà tan trong nước và các dung môi hữu cơ. Bền vững với nhiệt và môi trường. Gây tác dụng từ từ.

- Một số chất đầu độc chủ yếu

+ Nicotin: Nicotin có nguồn gốc thực vật thuộc loại Alcaloit có trong cây thuốc lá, thuốc Lào..., hiện nay người ta đã tổng hợp được Nicotin bằng phương pháp nhân tạo.

Nicotin là một chất lỏng nhớt, không màu, trong không khí có màu sẫm nâu, không mùi. Khi tiêm vào ven xuất hiện các triệu chứng trúng độc rõ rệt, khó thở, tê liệt nặng, mất trí giác. Nicotin dùng để đầu độc nguồn nước, thực phẩm.

- Strichnin: Có nguồn gốc thực vật và cũng thuộc họ Alcaloit, có trong hạt mã tiền, dạng tinh thể hình kim, không màu, vị đắng, ít tan trong nước, tan trong dung môi hữu cơ, muối của nó tan trong nước. Strichnin dùng để đầu độc bánh ngọt là chủ yếu.

- Nọc rắn: Nọc rắn là chất độc trong suốt hoặc trắng sữa, không màu hoặc màu vàng, tan trong nước, nếu ở trạng thái khô sẽ bền với môi trường. Tuỳ theo lượng nọc độc vào người có thể gây chết sau 1ữ8 giờ.

Nọc rắn được quan tâm nghiên cứu, ứng dụng để làm chất độc quân sự hoá - sinh (chất độc quân sự thế hệ ba).

- Các hợp chất flo hữu cơ: Các hợp chất flo hữu cơ dùng cho mục đích đầu độc chủ yếu là: Các hợp chất Metyl este của Axit floaxetic và 2-flo êtanol, là những hợp chất bền vững, không cảm giác thấy, có thể xuất hiện chậm sau thời gian ủ bệnh dài, khó bị phát hiện, khó điều trị. Các hợp chất flo hữu cơ sử dụng để đầu độc nguồn nước lương thực, thực phẩm cho người và thức ăn, đồng cỏ cho gia súc.

- Các hợp chất vô cơ: Các hợp chất vô cơ có độ độc rất cao, các chất dùng để đầu độc thường có độ hoà tan đủ lớn trong nước để gây nhiễm độc nước và thực phẩm có nước. Một số ít hoà tan dùng để gây nhiễm độc đường, bột, muối...

- Triệu chứng: Khi người bị nhiễm chất đầu độc xuất hiện các triệu chứng: nôn mửa, ỉa chảy, đau bụng quằn quại, co giật, loạn nhịp tim, khó thở, choáng váng, sợ hãi, mất trí giác, mất khả năng vận động. Nếu bị nhiễm độc nặng dễ dẫn đến tử vong.

- Đề phòng, cấp cứu, tiêu độc:

+ Đề phòng: Thường xuyên cảnh giác, phát hiện kịp thời, lấy mẫu gửi cơ quan chuyên môn để xét nghiệm. Bảo vệ các nguồn nước, lương thực, thực phẩm.

+ Cấp cứu: Khi người bị trúng độc, nhanh chóng gây nôn, cho uống sữa, uống các thuốc lợi tiểu (có thể cho uống than hoạt tính khoảng 50gam quấy đều với 300mg nước). Nếu bệnh nhân bị mất nhiều nước, cho uống nước đường, nghỉ ngơi yên tĩnh.

+ Tiêu độc: Nguồn nước, lương thực, thực phẩm bị nhiễm độc hoặc nghi ngờ bị nhiễm độc tuyệt đối không được sử dụng; tiến hành làm công tác vệ sinh, thau rửa.

f) Chất độc diệt cây

- Khái niệm: Chất độc diệt cây là những hoá chất độc hoặc các dạng pha chế của nó có tác dụng lên cây cối, được dùng để huỷ diệt các loại thực vật nhằm gây tổn thất một cách gián tiếp cho đối phương như phá huỷ màn nguy trang thiên nhiên và hạn chế đến sản xuất lương thực, thực phẩm.

Chất độc diệt cây ngoài việc gây tác hại đối với thực vật, còn gây tác hại đối với người.

- Một số chất độc và hỗn hợp chất độc diệt cây

+ Axitphênoxyacboxilic: Tác hại của chúng dựa trên sự kích thích phát triển một cách mất cân đối, nhất là do sự giãn tế bào, chúng còn gây ảnh hưởng đến cây cỏ, hạt non và cây cối các loại.

+ Chất độc da cam (Orange): Là hỗn hợp dạng lỏng màu nâu sẫm, không tan trong nước, thường pha với dầu diezen để giảm độ nhớt khi sử dụng, chất độc da cam ít bay hơi. Có tác dụng mạnh trên lá cây to, ít tác dụng hơn với các loại cỏ. Dùng để triệt phá hoa màu, các cây có bóng mát và các loại cây khác. Chất độc được hấp thụ trên lá cây, từ đó tác dụng lên hệ thống điều tiết sinh trưởng làm cây bị chết sau nhiều ngày đến vài tuần.

Mỹ đã sử dụng chất độc da cam trong chiến tranh Việt nam để triệt phá các khu rừng lớn, lượng cần thiết là 15-50kg/ha.

+ Chất độc trắng (White): Là hỗn hợp màu trắng, hoà tan trong nước, không bốc cháy, không tan trong dầu, có độ nhớt lớn hơn chất độc da cam, ít bay hơi. Chất độc trắng chủ yếu để diệt cỏ và gây tác hại cho mọi loại thực vật, có tác dụng trên cây thân gỗ. Chỉ một lần phun rải đã triệt phá rừng cây.

+ Chất độc xanh (Blue): Chất độc xanh gây héo, úa mạnh với cây cối, lá cây nhiễm bị khử nước, khô và cuộn tròn lại, cây bị chết trong thời gian 2-4 ngày. Đối với lúa nước, gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tạo hạt. Để triệt phá rừng phải sử dụng theo chu kỳ.

- Sử dụng chất độc diệt cây

Chất độc diệt cây được dùng trong mục đích quân sự để triệt phá rừng cây, loại bỏ hoặc giảm khả năng nguy trang nhờ cây cối thiên nhiên của đối phương, triệt phá mùa màng, đồng cỏ, làm khô kiệt đất trồng trọt nông, lâm nghiệp. Ngoài ra chất độc này còn dùng để gây độc cho người (như chất dioxin trong chất độc da cam).

Chất độc diệt cây được phun rải dưới dạng giọt lỏng và bột bằng các máy phun lắp đặt trên máy bay, chủ yếu là máy bay vận tải.

Trong phạm vi hẹp có thể sử dụng các máy phun mang vác trong nông nghiệp hoặc xe gây nhiễm độc. Sau khi sử dụng chất độc diệt cây, địch có thể sử dụng vũ khí lửa để gây cháy, triệt hạ hoàn toàn mùa nguy trang thiên nhiên, phá huỷ môi trường sống và làm ảnh hưởng đến hành động chiến đấu của đối phương.

- Tác hại

Triệt phá nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm của đối phương; làm cho đối phương không còn nơi trú, dấu quân. Gây nhiễm độc cho người. Phá huỷ môi trường sinh thái.

Chất độc diệt cây gây tác hại cho người bằng cả ba con đường hô hấp, tiếp xúc và tiêu hoá. Gây ảnh hưởng rất lớn đến sức khoẻ của con người. Một số chất độc có trong chất độc diệt cây còn có thể gây tác hại cho người từ thể hệ này đến thể hệ khác như chất dioxin.

- Đề phòng, tiêu độc

+ Đề phòng: Đối với người phải nhanh chóng sử dụng khí tài đề phòng như mặt nạ, áo choàng, ủng, găng tay để che phòng. Lương thực, thực phẩm phải bảo quản trong bao bì kín, chống thấm; không sử dụng nguồn nước, lương thực, thực phẩm bị nhiễm độc.

Che đậy cho VKTB không để chất độc diệt cây dính bám.

+ Tiêu độc:

Đối với người: Nếu ăn uống phải chất độc diệt cây thì nhanh chóng gây nôn, rửa dạ dày, đưa ngay quân y để điều trị.

Sử dụng các chất có tính kiềm (xà phòng) hoặc nước sạch, tắm rửa sạch sẽ, nấu hấp quân trang, quân dụng bằng nước xà phòng.

Sử dụng các chất có tính oxy hoá, clo hoá để tiêu độc cho VKTB.

Đối với hoa màu: Việc tiêu độc hết sức khó khăn, tốn kém chủ yếu sử dụng nước sạch, nước vôi để phun rửa nhiều lần, thay nước. Hoa màu bị khô

héo phải thu gom, chặt bỏ và đốt. Ruộng đất bị nhiễm thì thau rửa bằng nước sạch nhiều lần, sau đó cày sới để 10-15 ngày mới có thể gieo trồng trở lại

C. VŨ KHÍ SINH HỌC

1. Khái niệm

Vũ khí sinh học (VKSH) là loại vũ khí huỷ diệt lớn, dựa vào đặc tính gây (hoặc truyền) bệnh của vi sinh vật như vi khuẩn, vi rút, rickettsia, nấm đơn bào hoặc độc tố do vi sinh vật tiết ra để giết hại (hoặc gây bệnh) hàng loạt người, động vật, thực vật.

2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống

a) Bệnh dịch hạch

- Triệu chứng: Nhức đầu, đau mỏi toàn thân, sốt cao, buồn nôn, mặt và mắt đỏ, hạch nổi ở nách, ở bẹn thời kỳ ủ bệnh từ 5-6 ngày.

- Cách phòng chống: Bảo vệ đường hô hấp bằng cách đeo khẩu trang tẩm cồn long não và đeo kính bảo vệ mắt. Tiêm chủng phòng dịch bệnh. Tổ chức diệt chuột và bọ chét ở những nơi tập trung đông người. Tiêm kháng sinh Streptomycin, Sunphamit..., truyền huyết thanh.

b) Bệnh dịch tả

- Triệu chứng: Người bệnh ỉa chảy, nôn mửa nhiều lần, mất sâu, thân nhiệt hạ, tim đập yếu và nhanh, tụt huyết áp. Thời gian ủ bệnh từ 2-3 ngày.

- Cách phòng chống

Đối với người lành: chủ yếu là giữ vệ sinh ăn, uống, diệt ruồi, nặng truyền bệnh, tiêm chủng phòng tả.

Đối với người bệnh: cách ly triệt để, tẩy uế đồ đạc, giường, chiếu, quần áo, quần tư trang cá nhân, sau đó dùng thuốc kháng sinh chống vi khuẩn (Cloroxit, Cloromyxetin .v.v...) và truyền huyết thanh.

c) Bệnh đậu mùa

- Triệu chứng: Sốt cao, rùng mình, đau lưng, nhức đầu, nôn mửa, nổi mẩn ở mặt và khắp người, dần dần thành nốt rộp phỏng rồi thành mụn mủ, sau đó thành vảy, cuối cùng bong vảy ra thành những vết rỗ. Thời gian ủ bệnh từ 9-12 ngày.

- Cách phòng chống: Hiện nay bệnh đậu mùa chưa có phương pháp điều trị đặc hiệu mà chủ yếu là cách ly người bệnh, tẩy uế các đồ dùng, chủng đậu và dùng các loại thuốc kháng sinh phối hợp với Sunphamit để đề phòng biến chứng do virus đậu mùa gây nên.

d) Bệnh sốt phát ban chảy rận

- Triệu chứng: Sốt cao trên 39⁰c, nhức đầu dữ dội, mặt đỏ, đau nhức bắp thịt, nổi mẩn và sốt xuất huyết, đổ ở ngực và cánh tay. Thời kỳ ủ bệnh từ 10-14 ngày.

- Cách phòng chống

+ Tổ chức diệt chảy rận bằng các biện pháp vệ sinh thân thể sạch sẽ, cắt móng tay, móng chân, giặt quần áo bằng xà phòng, tắm rửa thân thể, tẩy uế giường, chiếu bằng các dung dịch tẩy uế thông dụng.

+ Tiêm kháng sinh, truyền huyết thanh. Việc tiêm vắc xin phòng sốt phát ban chỉ tiến hành trong tình trạng đặc biệt nguy hiểm và cho những người tiếp xúc với nguồn truyền nhiễm như nhân viên ở các trạm kiểm dịch, bệnh viện, phòng thí nghiệm.

+ Cách ly người bệnh với người lành.

e) Bệnh thương hàn

- Triệu chứng: Sốt ly bì, mê man và đi ỉa ra máu, thủng ruột dẫn đến tử vong nhanh.

- Cách phòng chống

+ Bảo vệ tốt nguồn thức ăn, lương thực, thực phẩm.

+ Tổ chức ăn chín, uống sôi, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh.

+ Tổ chức cách ly người bệnh với người lành.

+ Dùng các loại thuốc đặc trị như Cloxit hoặc Clorômxyêtin và các loại thuốc kháng sinh đường ruột khác.

f) Bệnh than

- Triệu chứng

+ Bệnh than thể da: Nha bào than đột nhập vào cơ thể qua chỗ da bị xây sát. Thời gian nung bệnh từ 3-5 ngày. Đầu tiên da nổi nốt sần rát, ngứa, không đau, phù nề xung quanh. Trong 24-36 giờ chuyển thành mụn phỏng chứa dịch và máu. Mụn phỏng vỡ loét ở giữa và lõm xuống tạo thành vẩy đen khô, xung quanh có nhiều mụn nhỏ viền quanh màu đỏ hơn. Sau 1-2 tuần vẩy đen khô bong ra thường không để lại sẹo, mụn than thường không mưng mủ và không đau, toàn thân sốt cao 39-40°C, rét run, đau đầu, bạch cầu tăng cao hơn 20 000/mm³ có thể dẫn đến viêm não. Nếu điều trị không kịp thời bệnh nhân sẽ bị chết.

+ Bệnh than thể tiêu hoá: Thời gian mang bệnh từ 2-5 ngày sau khi ăn phải thức ăn có mầm bệnh than; biểu hiện sốt cao, đau bụng từng cơn, phân lỏng lẫn máu, cổ chướng nôn ra máu, thủng ruột và chết.

+ Bệnh than thể hô hấp: Là thể ít gặp trong thiên nhiên nhưng chiếm tỷ lệ cao trong VKSH. Triệu chứng chia làm 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1: Kéo dài từ 1-3 ngày, thấy nhức đầu, ho, khó thở, sốt rét từng cơn, đau ngực, đau bụng.

Giai đoạn 2: Kịch phát nhanh biểu hiện sốt cao, khó thở, ... hạch trung thất to thường có dịch màng phổi, xuất huyết màng não, huyết áp tụt dẫn đến tử vong.

- Cách phòng chống

+ Cách ly tuyệt đối người bệnh và gia súc mắc bệnh than.

+ Khi người và súc vật chết phải chôn sâu 2 mét và đổ vôi bột.

+ Tiến hành tẩy uế các trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay...) và các nguyên liệu nghi ngờ bị nhiễm bệnh than trước khi đưa vào chế biến.

+ Đối với quần áo, đồ dùng sinh hoạt phải nấu hấp trong dung dịch xà phòng hoặc hơi foocmalin, tiêm phòng cho súc vật khoẻ.

+ Đối với người để phòng bệnh than cần tiêm vắc xin và điều trị bằng thuốc kháng sinh như pêlixilin, streptomycin, sunfamít liều cao.

g) Bệnh cúm

- Triệu chứng: Sốt cao liên tục 39-40°C và kéo dài từ 4-7 ngày, mệt mỏi, ăn ngủ kém, môi khô, lưỡi bẩn, mạch đập nhanh, huyết áp dao động, nước tiểu vàng. Bệnh nhân bị bệnh cúm nặng có thể bị biến chứng hay còn gọi là cúm ác tính. Bệnh nhân cúm ác tính thường cảm thấy lo lắng, vật vã, mê sảng, có thể co giật, da xám xịt, mắt quàng thâm, môi tím tái, mạch đập nhanh, huyết áp tụt, xuất

huyết dưới da, khó thở, ho ra đờm bọt màu hồng, bệnh nhân bị tử vong sau 1 ữ 3 ngày trong tình trạng suy hô hấp, trụy tim mạch.

- Cách phòng chống
- + Cách ly người bệnh với người lành, nghỉ ngơi, ăn uống đủ chất dinh dưỡng.
- + Uống thuốc an thần như: Sedusen, Rotunda Andaxin và thuốc giảm ho long đờm: Sirô, Codein, Tecpincodein...
- + Điều trị bằng phương pháp dân gian như: xông hơi, ăn cháo hành tía tô, ngâm chân tay bằng nước ấm, nhỏ mũi bằng nước tỏi, vệ sinh răng miệng.

3. Phòng chống vũ khí sinh học

a) Vệ sinh phòng dịch thường xuyên

- Thực hiện nếp sống vệ sinh
- Tiêm chủng phòng dịch cho người và súc vật
- Diệt côn trùng, diệt chuột gây bệnh truyền nhiễm.

b) Đề phòng khi địch sử dụng vũ khí sinh học

Sử dụng khí tài phòng hoá và uống thuốc phòng dịch.

Các khí tài dùng để đề phòng khi địch tập kích VKSH bao gồm nhiều loại khác nhau, như khí tài đề phòng cho cá nhân, khí tài đề phòng cho tập thể, các loại khí tài tiêu tủy. Việc sử dụng đúng các loại khí tài đề phòng bảo đảm một cách chắc chắn cho bộ đội, không bị sát thương bởi vi sinh vật gây bệnh tiếp xúc với cơ thể.

Uống thuốc phòng dịch có tác dụng quan trọng việc ngăn ngừa dịch bệnh truyền nhiễm. Biện pháp này thường do quân y tiến hành có sự điều phối chặt chẽ giữa các đơn vị với địa phương, là biện pháp bổ sung cho các phương tiện đề phòng cá nhân, tập thể đối với VKSH.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả

- Quan sát, trinh sát, phát hiện kịp thời địch sử dụng VKSH. Nhanh chóng thông báo, báo động cho các phân đội có biện pháp phòng chống hiệu quả. Những dấu hiệu nghi ngờ địch sử dụng VKSH

- Đánh dấu khoanh vùng khu nhiễm, xác định ranh giới giữa khu vực bị nhiễm trùng với khu vực sạch.

- Diệt trùng khu vực nhiễm

- Tiêu huỷ các nguồn gây bệnh bao gồm việc diệt các loại côn trùng trung gian mang mầm bệnh như chuột, bọ xít, ruồi, muỗi, ve... và các đồ vật, quần trang bị nhiễm trùng do địch thả xuống.

- Tổ chức theo dõi bệnh dịch và tình trạng sức khoẻ của nhân dân trong khu vực nghi ngờ bị địch tập kích VKSH.

- Tổ chức cấp cứu điều trị khi xác định chính xác đối phương sử dụng các loại vi sinh vật gây bệnh.

D. VŨ KHÍ LỬA

1. Khái niệm

Vũ khí lửa là loại vũ khí sát thương phá hoại dựa trên cơ sở sử dụng năng lượng của chất cháy có nhiệt độ cao và ngọn lửa mạnh khi cháy tạo nên, nhằm tiêu diệt, sát thương sinh lực, thiêu huỷ vũ khí, trang bị kỹ thuật, công trình quốc phòng, kho tàng...

2. Phân loại chất cháy

a) Phân loại chất cháy theo trạng thái tồn tại

- Chất cháy thể rắn: Chất cháy nhiệt nhôm, các muối giàu ôxy.
- Chất cháy thể lỏng: Xăng, dầu hoả, dầu diezen.
- Chất cháy thể khí: Etylenôxyt, khí đốt.
- Phân loại theo thành phần hoá học:
- Chất cháy cần ôxy của không khí: Các sản phẩm của dầu mỏ (Xăng, dầu, napan...), Phôtpho trắng.
- Chất cháy không cần oxy của không khí: Chất cháy kim loại (nhiệt nhôm, các muối giàu ôxy).

b) Phân loại theo nguồn gốc của chất cháy

- Chất cháy lấy từ sản phẩm dầu mỏ: Xăng, dầu, napan, dầu keo OP2, Crép...
- Chất cháy kim loại: Tecmit, Electron, Natri, Kali...
- Chất cháy hỗn hợp: Pyrôgen, Tryetyl nhôm..
- Chất cháy Phôtpho trắng.

3. Một số loại chất cháy chủ yếu

a) Chất cháy Napan (NP)

- Thành phần:

Xăng: 92-98%

Chất đông dầu M1 hoặc M2: 2-8%.

Chất đông dầu M1 là xà phòng nhôm của một số axit hữu cơ, trong đó tỷ lệ của các axit hữu cơ gồm:

Axit Panmitic (dầu dừa): 50%

Axit Ôlêic: 25%

Axit Naphtaric: 25%

Nguyên liệu sản xuất: Là các axit thuộc dãy Paraphin, Olephin và axit Naphtaric kỹ thuật.

Chất đông dầu M2 gồm: 95% M1+5% Silicagen (để chống vón cục).

- Đặc tính: Độ dính bám cao, thời gian cháy kéo dài. Cháy cần ôxy của không khí, dễ mồi cháy bằng ngọn lửa. Khi cháy có ngọn lửa màu vàng, nhiều khói đen, khả năng cháy lớn. Có thể cháy nổi trên mặt nước; nhiệt độ cháy: 900 - 1000°C.

- Phương pháp sử dụng: Chất cháy Napan thường được đóng nạp trong bom cháy, đạn cháy, súng phun lửa và các phương tiện khác; sử dụng máy bay, pháo binh, súng phun lửa, lựu đạn cháy để tập kích vào các mục tiêu của đối phương.

b) Chất cháy Tecmit (TH)

- Thành phần

Ôxit sắt: (Fe₂O₃; Fe₃O₄): 76%

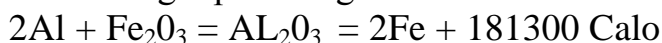
Bột nhôm (Al): 24%

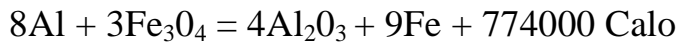
Ngoài ra còn một số phụ gia như Ba(NO₃)₂, lưu huỳnh, chất kết dính.

- Đặc tính:

Cháy không cần ôxy của không khí trên cơ sở phản ứng nhiệt nhôm.

Bột nhôm tham gia phản ứng với ôxit sắt toả ra một nhiệt lượng lớn:





Khi cháy có ngọn lửa sáng chói, không có khói.

Nhiệt độ môi cháy: 1150~1250⁰c.

Nhiệt độ khi cháy đạt trên 2200⁰c.

- Phương pháp sử dụng: Chất cháy Tecmit được đóng nạp vào bom cháy, đạn cháy, lựu đạn cháy. Sử dụng máy bay, pháo binh, lựu đạn để tập kích vào các mục tiêu của đối phương.

c) Chất cháy Etylen ôxyt

- Thành phần:

Propan: C₃H₈

Etylenôxyt: CH₂CH₂O

- Đặc tính: Là chất cháy thể khí, nhiệt độ cháy tạo ra khoảng 2000⁰C; khi cháy tạo ra đám cháy lan rộng nhanh, tạo ra sản phẩm nước và cacbonic, tạo ra tiếng nổ lớn, áp suất cao có thể phá sập hầm hào, nhà cửa, phát quang các bụi rậm, sát thương gây cháy bỏng, kích nổ bãi mìn....

- Phương pháp sử dụng: Chất cháy Etylenôxyt thường đóng nạp trong bom, đạn, sử dụng máy bay, pháo binh cho nổ trên không là chủ yếu.

d) Chất cháy phốtpho trắng

- Thành phần:

Loại rắn (WP): Phốtpho trắng nguyên chất, giống sáp ong, màu vàng nhạt, mùi khét.

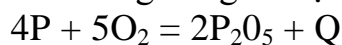
Loại dẻo (PWP): Phốtpho trắng pha với cao su tổng hợp làm tăng độ ổn định trong quá trình cháy, khả năng dính bám cao hơn, thời gian cháy kéo dài.

- Đặc tính:

Không tan và ổn định trong nước (dùng nước để bảo quản và dập cháy)

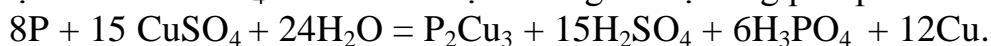
Tan trong dầu thông, mỡ (không dùng thuốc mỡ bôi lên vết bỏng do chất cháy phốtpho gây nên)

Tự bốc cháy trong không khí (do bị ôxy hoá) ngọn lửa sáng xanh, có nhiều khói trắng rất độc với hệ thần kinh trung ương. Nhiệt độ cháy đạt khoảng 1200⁰C .



Khi cháy bị nóng chảy, dễ lọt vào khe, kẽ, ngấm vào gỗ gây cháy ngầm.

Tác dụng với một số muối kim loại như CuSO₄. Do đó, có thể sử dụng dung dịch muối CuSO₄ 5% để tiêu độc khi người bị bỏng phốtpho.



Do đặc điểm tự bốc cháy trong không khí, khi cháy toả ra nhiệt lượng lớn và đặc biệt là khói; vì vậy trong quân sự phốtpho trắng được sử dụng vừa là chất cháy vừa là chất tạo khói.

- Phương pháp sử dụng: Chất cháy phốtpho được đóng nạp vào bom, đạn, mìn, lựu đạn. Sử dụng máy bay, pháo binh, lựu đạn tập kích vào các mục tiêu của đối phương, tạo ra bãi mìn để tiêu diệt sinh lực và gây cản trở hành động chiến đấu của đối phương.

e) Chất cháy Pyrôgen(PT-1)

- Thành phần:

Xăng: 30%

Bột GUP: 49% (Gồm oxit magiê, than, nhựa đường)

Izobutyl metacrylat: 3%
Bột Magiê: 10%
Dầu hoả: 3%
Ba (NO₃)₂ hoặc NaNO₃: 5%

- Đặc tính: Pyrogen là hợp chất cháy thể keo, cháy trong không khí, mỗi cháy bằng ngọn lửa; nhiệt độ cháy 1400-1600°C

- Phương pháp sử dụng: Chất cháy PT-1 thường được nạp vào bom sử dụng máy bay tập kích vào các mục tiêu.

4. Tác hại của chất cháy

a) Đối với người

Chất cháy gây cháy bỏng trực tiếp hoặc gián tiếp do các mảnh chất cháy hoặc do các đám cháy của các vật liệu xung quanh gây ra. Chất cháy còn tạo hơi hoặc khói độc, gây thiếu oxy trong vùng cháy, kích thích mắt, cơ quan hô hấp gây trúng độc khí ôxít cacbon (CO) hoặc photpho. Mặt khác, đám cháy còn gây nên choáng ngất do nóng rát, gây tâm lý hoang mang cho đối phương.

b) Đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật

Chất cháy có thể thiêu huỷ làm nóng chảy, biến dạng VKTB, kỹ thuật; nhất là khi chất cháy rơi trên nhiên liệu hoặc chất nổ sẽ dẫn đến những vụ cháy nổ rất nguy hiểm.

c) Đối với công sự trận địa, công trình kiến trúc

Chất cháy tạo ra đám cháy lan truyền phạm vi rộng, phá huỷ thành phố, làng mạc, công trình kiến trúc, công trình quân sự, kho tàng, phát quang rừng, làm ô nhiễm môi trường hoặc gây ra những sự cố hoá chất độc.

5. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa

a) Biện pháp đề phòng

- Huấn luyện và phổ biến cho mọi người những kiến thức về chất cháy, VKL, phương tiện và âm mưu, thủ đoạn sử dụng chất cháy của địch, các biện pháp đề phòng, dập cháy, chữa chữa người bị bỏng.

- Bao tiêu độc cấp cứu trang bị cho mọi người trong chiến đấu cần có thêm các loại dung dịch chữa bỏng như KMnO₄ 5%; CuSO₄ 5%, viên Nabica...

- Từng người phải thành thạo biện pháp dập cháy trên các đối tượng, biết sử dụng các phương tiện dập cháy ứng dụng tại chỗ như cành cây, áo nylon, vải bạt, chăn chiếu... để dập cháy, biết lợi dụng địa hình, địa vật, công trình kiến trúc để ẩn nấp khi đám cháy xảy ra.

- Từng cơ quan, đơn vị phải xây dựng kế hoạch phòng chống cháy nổ. Các dụng cụ phương tiện dập cháy phải thường xuyên được kiểm tra, sẵn sàng làm nhiệm vụ. Tổ chức luyện tập, diễn tập phòng chống cháy nổ theo phương án đã được cấp trên phê chuẩn.

- Bố trí các kho tàng phải phân tán, phát quang vành đai chống cháy rộng từ 20-25m.

- Công sự chiến đấu phải làm nấp đậy bằng các vật liệu khó cháy, giao thông hào phải từng đoạn có nắp để ẩn nấp khi địch tập kích VKL, dọn sạch các vật dễ cháy xung quanh hầm hào.

- Các phương tiện, trang bị kỹ thuật, vũ khí đạn dược khi chưa chiến đấu cần phải che chắn bằng vải bạt, lưới phòng hoá hoặc cho vào hầm. Buộc

lưới phòng hoá hoặc vải bạt, cấu trúc hầm sao cho thuận tiện, khi triển khai chiến đấu được nhanh chóng.

b) Dập cháy

- Phương pháp dập cháy

+ Phương pháp làm lạnh (hạ nhiệt độ): Dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt để hạ thấp nhiệt độ của đám cháy.

+ Phương pháp làm loãng: Dùng các chất không tham gia phản ứng cháy, phun vào vùng cháy để làm loãng các chất tham gia phản ứng cháy.

+ Phương pháp kìm hãm phản ứng cháy: Bằng cách phun vào vùng cháy các chất không tham gia phản ứng cháy, có khả năng biến đổi chiều của phản ứng từ tỏa nhiệt thành thu nhiệt.

+ Phương pháp cách ly: Dùng các chất chữa cháy phủ lên bề mặt, cách ly chất cháy với ôxy của không khí. Phương pháp này dùng để dập đối với các chất cháy cần ôxy của không khí.

- Nguyên tắc dập cháy

+ Trước khi chữa cháy cần xác định xem đám cháy thuộc loại nào, chất cháy gì, đám cháy có diện tích bao nhiêu, hướng gió, sử dụng phương tiện chữa cháy nào đạt hiệu quả cao nhất để xác định phương án chữa cháy cho phù hợp.

+ Khi dập cháy phải đứng đầu hướng gió.

+ Nếu hai đám cháy cùng xảy ra một lúc thì triển khai dập đám cháy có nguy cơ lan rộng trước hoặc đồng thời dập cả hai đám cháy nếu đủ lực lượng, phương tiện chữa cháy.

Tập trung lực lượng, phương tiện chia cắt, ngăn chặn sự lan truyền của đám cháy. Tuyệt đối cấm phun nước, bột vào đám cháy những nơi có thiết bị mạng điện, đất đèn, kim loại kiềm.

- Thực hành dập cháy

+ Dập tắt đám cháy dầu keo: Lấy đất, cát phủ lên đám cháy hoặc dùng chăn, chiếu, bạt, bao tải, giẻ nhúng nước trùm lên đám cháy, dùng cành lá cây tươi dập cháy. Sử dụng bình chữa cháy CO₂, bình bột, xe cứu hoả và các dụng cụ ứng dụng khác.

+ Dập tắt đám cháy Phốtpho trắng: Trong quá trình dập đám cháy Phốtpho trắng cần phải sử dụng khí tài đề phòng chế sẵn và ứng dụng để đề phòng khói độc Phốtpho. Lấy đất, cát, bùn phủ lên đám cháy. Phun nước vào đám cháy liên tục và giữ ẩm sau khi đã dập tắt đám cháy. Xúc, gạt, chôn lấp các mảnh Phốtpho chưa cháy. Dập các đám cháy ngầm phải triệt để.

+ Dập tắt đám cháy kim loại: Dùng lượng nước lớn và có áp lực cao phun liên tục để hạ thấp nhiệt độ đám cháy.

+ Dập đám cháy trên người: Khi bị cháy có thể cởi nhanh quần áo, trang bị ra khỏi người, thứ tự vật dễ cháy nổ trước, quần áo sau.

Nếu cháy áo mưa, áo khoác nguy trang... trên người thì nhanh chóng cởi bỏ chúng ra khỏi người, áp mặt cháy xuống đất, dùng cành cây đập hoặc dùng chân dẫm lên chỗ đang cháy.

Khi đám cháy dính vào các vị trí khuỷu tay, khuỷu chân thì nhanh chóng làm động tác gấp chi tối đa. Nếu bị cháy trên lưng, ngực, bụng thì làm động tác lăn ép vị trí cháy xuống đất, chú ý hướng đổ người để lăn, không để cho đám

cháy tạt lên phía sau gáy, trên mặt, nếu đang ở trong hầm, hào thì ép chặt vị trí cháy vào thành vách công sự.

Có thể lợi dụng các nguồn nước tự nhiên ở gần đó để dập cháy. Nếu đám cháy do chất cháy Napan thì phải lấy hơi dài lặn ra xa khỏi khu vực cháy.

Khi dập cháy trên người, không dùng tay không để dập cháy, không xoa tay làm đám cháy lan rộng.

Không được dùng bình cứu hoả dùng dập đám cháy cho người tránh bị ngạt hoặc nhiễm độc hoá chất.

c) Cấp cứu người bị bỏng

- Nguyên tắc chung

Nếu người vừa bị bỏng, vừa bị thương thì phải băng bó cầm máu vết thương trước, xử lý vết bỏng sau. Nếu có triệu chứng nhiễm độc toàn thân thì toàn thân thì phải cấp cứu nhiễm độc trước, xử lý vết bỏng sau.

Xử lý vết bỏng phải kịp thời, chính xác, không để tổn thương thêm hoặc bị nhiễm trùng gây khó khăn cho chuẩn đoán và điều trị bệnh ở tuyến sau.

- Cấp cứu

+ Dùng băng vô trùng băng lại, nếu vết bỏng rộng thì dùng vải sạch phủ lên, không sờ tay vào vết bỏng; bôi các loại thuốc như nước vôi, nước mắt, nước giải, nước lá cây... để phòng bị nhiễm trùng.

+ Không làm vỡ nốt rộp phỏng, nếu quần áo bị dính vào vết bỏng cứ để nguyên mà băng lại. Có thể dùng nước chè ấm hay thuốc tím KMnO_4 5% hoặc rượu để rửa xung quanh vết bỏng trước khi băng, thay băng. Nếu biết chắc chắn không phải vết bỏng Phôtpo trắng thì bôi một lớp mỡ kháng sinh Penicilin.

+ Giữ ấm cho bệnh nhân, cho ăn uống nóng, kiêng thật nhẹ nhàng về trạm quân y hay trạm y tế gần nhất.

+ Khi bị bỏng chất cháy Phôtpo trắng thì phải dùng nước sạch để dập cháy, sau đó dùng một trong các dung dịch: CuSO_4 5%, Na_2CO_3 2-8%, H_2O_2 3% tẩm vào miếng gạc đắp lên vết bỏng và dùng băng băng lại. Trường hợp mắt bị bỏng Phôtpo trắng phải rửa bằng nước sạch cho Phôtpo trắng theo nước ra ngoài, tiếp đó nhỏ dung dịch CuSO_4 5%, thuốc kháng sinh sau đó đưa về tuyến sau điều trị.

Chú ý: Không bôi thuốc mỡ lên vết bỏng Phôtpo trắng. Không nên dùng lượng dung dịch CuSO_4 quá nhiều để tránh nhiễm độc đồng. Nếu bị nhiễm hơi độc do Phôtpo trắng thì xử lý tương tự như bị nhiễm chất độc thần kinh.

III. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

A. TỔ CHỨC

1. **Lên lớp:** Giới thiệu theo đội hình lớp học

2. **Ôn tập:** Từng người hoặc nhóm trong đội hình lớp .

B. PHƯƠNG PHÁP

1. Lên lớp

Giảng viên giới thiệu từng nội dung, phân tích giải thích, sử dụng tranh vẽ, băng hình, lấy ví dụ để chứng minh làm rõ nội dung.

Sinh viên kết hợp nhe, quan sát và ghi chép nội dung chính.

2. Ôn tập

Giảng viên phổ biến ý định ôn tập (nội dung, tổ chức, phương pháp, thời gian, địa điểm, quy định ôn tập). Theo dõi giúp đỡ sinh viên, giải đáp thắc mắc (nếu có). Nhận xét buổi học.

Sinh viên thực hiện đúng ý định của giảng viên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Dựa vào đâu để nhận biết được đích sử dụng vũ khí hạt nhân? Để phòng chống các nhân tố sát thương của vũ khí hạt nhân ta phải làm gì? Tại sao phải làm như vậy?

2. Đặc điểm, tác hại của vũ khí hóa học và biện pháp phòng chống một số loại chất độc hóa học chủ yếu ?

3. Phân tích giống và khác nhau về đặc điểm, tác hại của vũ khí sinh học với vũ khí thông thường?

4. Một số bệnh chính do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống ?

5. Cách phân loại chất cháy, một số chất cháy được sử dụng chủ yếu trong chiến tranh và biện pháp chung đối với vũ khí lửa ?

Bài 6

CẤP CỨU BAN ĐẦU VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Hệ thống, củng cố kiến thức cho sinh viên về những nội dung đã học ở phổ thông trung học, giới thiệu một số kiến thức cơ bản về vết thương chiến tranh, phương pháp xử trí, cấp cứu ban đầu một số vết thương do vũ khí thông thường gây ra.

- Tự ôn luyện kiến thức đã học; nắm chắc các nội dung cơ bản về cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.

II. NỘI DUNG

A. HỆ THỐNG NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ BĂNG BÓ, CHUYỂN THƯƠNG

1. Nguyên tắc băng

- Băng kín vết thương, không bỏ sót vết thương. Cần kiểm tra vết thương trước khi băng, đặc biệt khi bị thương vào ban đêm, khi bị nhiều vết thương trên cơ thể.

- Băng đủ chặt, không băng lỏng quá vì gây chảy máu hoặc tuột băng trong quá trình vận chuyển, không được buộc chặt quá vì gây thiếu máu cho cơ thể đoạn dưới vết thương. Không làm ô nhiễm vết thương, làm bẩn vết thương trong quá trình băng.

- Băng sớm sẽ mất ít máu, giảm đau và tránh ô nhiễm vết thương, giúp cho tuyến điều trị có hiệu quả. Nếu vết thương nhẹ băng sớm vẫn có thể tiếp tục chiến đấu.

2. Các kiểu băng cơ bản

a) Băng vòng xoắn

Băng vòng xoắn là đưa cuộn băng đi nhiều vòng từ dưới lên trên theo hình xoắn lò xo hoặc như hình con rắn quấn quanh thân cây.

Cách băng: sau khi đã đặt gạc phủ kín miệng vết thương, đặt đầu ngoài cuộn băng ở dưới vết thương. Tay trái quay đầu cuộn băng, tay phải giữ cuộn băng ngửa lên trên, cuốn hai đến ba vòng băng đè lên nhau để giữ chặt đầu băng, cuộn nhiều vòng băng theo hướng từ dưới lên trên, vòng băng sau đè lên khoảng 2/3 vòng băng trước cho đến khi vết thương được phủ kín. Đầu cuối của băng được cố định cho thật chặt bằng cách dùng kim băng hoặc xé đôi đầu cuối cuộn băng sau đó buộc chặt vừa phải ở phía trên vết thương. Chú ý kiểu băng này thường áp dụng để băng các vết thương ở các đoạn chi trên, chi dưới, vùng ngực, vùng bụng. Các vòng băng phải quấn đều nhau và xiết tương đối chặt.

b) Băng số 8

Băng số 8 là kiểu băng đưa cuộn băng vòng theo hình số 8. Kiểu băng này phức tạp hơn, nhưng rất phù hợp với những vết thương ở vùng vai, nách, bẹn, hông, cẳng tay, gót chân, đùi, cẳng chân..., tùy theo vị trí vết thương định băng mà đưa cuộn băng theo hình số 8 to hay nhỏ khác nhau.

3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên thân thể

- Băng vai, băng nách theo kiểu số 8:

Băng hai vòng đầu ở phía trên vết thương, để cố định đoạn đầu của băng. Đưa cuộn băng vòng theo hình số 8, hai vòng của số 8 luôn dưới hai nách và bắt chéo nhau ở trước vùng vai bị thương, đầu còn lại cố định vào cánh tay trên.

- Băng ngực:

Đặt đường băng đầu tiên đi chéo từ dưới rốn lên vai trái vòng ra sau lưng, đầu băng để thừa một đoạn đủ để buộc hai đầu băng với nhau. Băng vòng xoắn quanh ngực từ dưới lên trên, các vòng băng xiết tương đối chặt, nhất là đối với vết thương ngực hở. Đường băng cuối cho vòng ra sau lưng vắt qua vai trước để buộc với đầu băng.

- Băng bụng:

Đầu tiên phủ gạc lên vết thương, nếu có phủ tạng lòi qua vết thương, không được nhét vào ổ bụng mà cuốn gạc thành vòng tròn hình vành khăn. Sau đó úp lên vết thương, băng hai vòng đầu đè lên nhau giữa cuộn băng. Tiếp đó băng

theo kiểu số 8 một vòng, đi trên vành khăn một vòng, đi dưới vành khăn cho tới khi phủ kín vết thương, đầu còn lại của băng cố định bằng kim băng.

- Băng bẹn, băng mông theo kiểu số 8:

Băng hai vòng đè lên nhau ở vị trí 1/3 trên đùi để cố định đầu băng. Băng theo hình số 8, vòng trên cuốn lên hai mào chấu bắt chéo trước bẹn rồi vắt ra sau đùi. Băng nhiều vòng số 8 cho đến khi che kín vết thương, đầu còn lại cố định bằng kim băng.

- Băng đầu gối, gót chân, khuỷu tay:

Băng theo kiểu số 8, đầu tiên cố định hai vòng bên dưới gối (gót chân, khuỷu tay), đưa tiếp cuộn băng theo hình số 8 qua khoeo vòng lên gối (gót chân, khuỷu tay) cho tới khi kín vết thương, sau đó cố định đầu băng còn lại bằng kim băng.

- Băng bàn chân, bàn tay theo kiểu số 8:

Băng vòng đầu tiên sát cổ ngón chân, ngón tay, sau đó đưa cuộn băng theo hình số 8 vòng sau cổ chân, cổ tay và bắt chéo ở mu bàn chân, bàn tay, đầu còn lại cố định buộc vào bàn chân, bàn tay.

- Băng trán theo kiểu vành khăn:

Băng theo hình vòng tròn từ trán ra sau gáy, sao cho đường băng trán nhích dần lên từ trên xuống dưới và đường băng sau gáy nhích dần lên từ dưới lên trên.

- Băng đầu theo kiểu quai mũ:

Buộc một đầu băng vào vai trái (nếu người bị thương nhẹ có thể cho thương binh cầm một đầu băng) đưa cuộn băng vắt ngang từ đầu trái sang phải, sau đó gấp ngược trở lại xoắn vào đoạn băng chỗ mang tai, vòng một vòng qua trán, qua gáy. Từ đó qua mang tai vắt lên đỉnh đầu xoắn đoạn mang tai bên đầu cố định vắt tiếp tục che kín vết thương, đầu còn lại cố định bằng kim băng.

4. Chuyển thương

Tùy theo địa hình, điều kiện thời tiết, tình trạng cụ thể của vết thương, khoảng cách vận chuyển mà sử dụng phương tiện tải thương cho phù hợp. Ví dụ: công thương binh; mang thương binh bằng đai số 8; diu thương binh; bò vận chuyển thương binh; khênh thương binh bằng cáng, bằng võng...

a) Mang thương binh bằng tay

Mang thương binh bằng tay áp dụng trong chiến đấu để vận chuyển thương binh ở những khoảng cách ngắn như: bò chuyển thương binh; bế chuyển thương binh; công chuyển thương binh.

b) Mang thương binh bằng dây đai

Biện pháp mang thương binh bằng dây đai rất phù hợp với địa hình rừng núi, vì hai tay người tải thương được tự do để có thể bám, nắm, leo, trèo... (không áp dụng với thương binh gãy xương cột sống và gãy xương chi dưới).

c) Khiêng thương binh bằng cáng, bằng võng

Vận chuyển thương binh bằng cáng, bằng võng là biện pháp phổ biến, thường dùng nhất. Cáng, võng là phương tiện vận chuyển thuận lợi và an toàn nhất cho thương binh.

Những điểm chú ý khi vận chuyển thương binh bằng cáng, bằng võng:

- Theo dõi tình trạng toàn thân của thương binh (sắc mặt, hơi thở, mạch, huyết áp...) để xử lý đúng và kịp thời.
 - Những thương binh có garô được nói đúng thời gian qui định.
 - Những thương binh vùng hàm, cổ trước: phải đặt thương binh nằm sấp, vì máu, dịch khi nằm ngửa có thể chảy vào đường hô hấp và có thể gây ngạt thở.
 - Với những thương binh vết thương ở bụng: phải đặt thương binh ở tư thế nằm ngửa, chân hơi co lại để tạo áp lực trong ổ bụng, giảm tránh các phủ tạng lòi ra ngoài.
 - Đối với những thương binh bị thương ngực, phải đặt trong tư thế nằm, nửa ngồi, nhằm giúp cho thương binh dễ thở.
 - Những thương binh bị thương ở cột sống hoặc vết thương vỡ khung chậu, phải đặt thương binh ở trên ván cứng, không khiêng bằng cáng, vồng.
 - Khi khiêng thương binh phải cho chân đi trước.
 - Khi leo núi (lên dốc) phải cho đầu thương binh đi trước, nếu khiêng cáng phải giữ thẳng bằng.
 - Tuyệt đối không để ngã, rơi thương binh, khi đặt xuống phải đặt nhẹ nhàng, tránh những chấn động mạnh.

B. CẤP CỨU BAN ĐẦU VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH

1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh

a) Vũ khí lạnh (guom, giáo, lê, dao găm, chông,...)

Các tổn thương do vũ khí lạnh gây nên nhìn chung tương đối đơn giản, ít để lại di chứng.

b) Vũ khí nổ (vũ khí thông thường) gồm: Súng bộ binh, hỏa lực pháo binh, bom, mìn và lựu đạn...

Vũ khí nổ sát thương bằng tác động trực tiếp của đầu đạn, mảnh phá, viên bi trong bom, đạn gây nên vết thương chọt, vết thương xuyên, vết thương dập nát nhiều ngõ ngách, vết thương gãy xương, vết thương mạch máu, vết thương thần kinh hoặc vết thương các tạng trong cơ thể.

Các loại vũ khí nổ sát thương bằng tác động của sức nổ như: bom, mìn, đạn phá nổ ... gây sức ép mạnh đối với người ở gần tâm nổ, tạo những chấn thương kín ở các tạng có khi rất nặng.

c) Vũ khí hạt nhân (thuộc loại vũ khí sát thương hàng loạt)

Vũ khí hạt nhân nổ, tạo ra các nhân tố sát thương như: sóng chấn động, bức xạ quang, bức xạ xuyên, chất phóng xạ.

Vũ khí hạt nhân gây nên tổn thương hỗn hợp làm cho vết thương nặng và phức tạp. Một người có thể đồng thời bị các tổn thương như: bỏng và bệnh phóng xạ; chấn thương và bệnh phóng xạ; bỏng và chấn thương.

d) Vũ khí hóa học (thuộc loại vũ khí sát thương hàng loạt)

Vũ khí hóa học là loại vũ khí sử dụng chất độc hóa học chứa đựng trong tên lửa, bom, đạn pháo ... Vũ khí hóa học gây ô nhiễm bầu khí quyển và mặt đất. Các chất độc hóa học có thể gây tổn thương hàng loạt đối với người và động vật; gây ô nhiễm nguồn nước, lương thực, thực phẩm, phá hoại cây cối, mùa màng...

Đặc điểm của những tổn thương do vũ khí hóa học gây ra là:

- Nhiễm độc toàn thân.
- Nhiễm độc thần kinh.
- Gây loét nát.
- Gây ngạt thở.

e) Vũ khí sinh học (thuộc loại vũ khí sát thương hàng loạt)

Vũ khí sinh học là loại vũ khí chứa các loại vi khuẩn, vi trùng ... gây bệnh như: vi rút Rích-ketsia, nấm, độc tố do vi khuẩn tiết ra,... Dịch có thể dùng gián điệp, biệt kích trực tiếp làm ô nhiễm các nguồn thức ăn, nước uống,... hoặc có thể dùng đạn pháo, bom chứa côn trùng, vi sinh vật gây bệnh. Khi bom, đạn nổ vi sinh vật, côn trùng tung ra xung quanh làm ô nhiễm hoặc dùng máy bay phun thành các đám mây vi sinh vật dạng sương làm nhiễm một vùng rộng lớn. Vũ khí sinh học thường gây bùng nổ các vụ dịch hàng loạt, mãnh liệt, nhiều người mắc trong một thời gian. Triệu chứng có thể đa dạng khó chuẩn đoán. Tuy nhiên, sau khi mầm bệnh vào cơ thể người, gây được bệnh hay không còn phụ thuộc vào sức miễn dịch của từng người.

2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ (vũ khí thông thường)

a) Khái niệm về vết thương kín, vết thương hở

- Vết thương kín:

Vết thương kín là loại vết thương không bị rách da hoặc chảy máu bên ngoài, thường gọi là chấn thương như: chấn thương ngực kín, chấn thương bụng kín, gãy xương kín do sức ép của bom, đạn nổ sập hầm, đổ cây. Loại vết thương này cũng rất nguy hiểm cần được phát hiện sớm và xử trí kịp thời.

- Vết thương hở:

Vết thương hở là loại vết thương rách da và các mô, gặp rất phổ biến trong các vết thương chiến tranh.

Tùy theo tính chất của tổn thương để phân biệt vết thương phần mềm, vết thương mạch máu, vết thương gãy xương, vết bỏng, vết thương có tổn thương phủ tạng.

b) Vết thương phần mềm

Vết thương phần mềm là vết thương có tổn thương da, gân cơ trong đó cơ là chủ yếu.

- Đặc điểm của vết thương phần mềm:

Vết thương ở các bộ phận khác đều kết hợp có tổn thương phần mềm. Số thương binh có vết thương phần mềm đơn thuần chiếm 50 đến 60% tổng số thương binh, số này có điều kiện điều trị và trở về chiến đấu sớm nhất.

Vết thương phần mềm được xử lý tốt là cơ sở cho việc điều trị tốt đối với các tổn thương khác như: gãy xương, vết thương thần kinh,...

Vết thương do mảnh phá (mảnh bom, đạn, lựu đạn,...) thường bị dập nát, nhiều ngõ ngách.

- Biến chứng:

Tất cả vết thương do vũ khí nổ đều bị ô nhiễm. Nhiễm khuẩn nặng hay nhẹ ở vết thương phụ thuộc vào những yếu tố sau:

+ Các mô dập nát và hoại tử, di vật càng nhiều nhiễm khuẩn càng nặng, vết thương có nhiều ngõ ngách dễ bị nhiễm khuẩn uốn ván, hoại tử sinh hơi.

+ Vùng bị thương càng nhiều khối cơ dày (vùng mông, đùi, bắp chân) càng bị nhiễm khuẩn nặng.

+ Sức đề kháng của thương binh kém cũng dễ làm cho nhiễm khuẩn nặng thêm.

- Cấp cứu đầu tiên (sơ cứu):

+ Băng vết thương: nhằm bảo vệ vết thương không bị ô nhiễm thêm, cầm máu tại vết thương, hạn chế được các biến chứng xấu.

+ Đưa thương binh ra khỏi nơi nguy hiểm, cắt dấu thương binh vào nơi tương đối an toàn, tổ chức vận chuyển về cơ sở điều trị.

c) Vết thương mạch máu

- Đặc điểm của vết thương mạch máu:

+ Vết thương mạch máu phần lớn là có kết hợp với các tổn thương phần mềm, gãy xương, đứt dây thần kinh,... thường là phức tạp, cấp cứu điều trị tương đối khó khăn.

+ Vết thương do đạn súng trường, súng máy hoặc do mảnh đạn đều có thể gây tổn thương mạch máu từ nhỏ đến dập nát, đứt hẳn.

+ Vết thương gãy xương có nhiều mảnh xương sắc cạnh cũng có thể gây thủng, rách hoặc đứt mạch máu trong quá trình vận chuyển thương binh (nếu không được cố định tốt).

+ Nguy hiểm nhất là các loại tổn thương động mạch lớn, tổn thương động mạch tứ chi (loại này thường hay gặp).

- Biến chứng:

+ Choáng do mất máu nhiều dễ dẫn đến tử vong.

+ Vết thương mạch máu đều bị ô nhiễm.

+ Cháy máu lần thứ hai (thứ phát).

- Cấp cứu đầu tiên (sơ cứu):

Khi có vết thương mạch máu phải cầm máu tạm thời nhanh và tốt ở tại nơi bị thương là rất quan trọng và cần thiết để cứu sống thương binh. Yêu cầu cầm máu tạm thời là: khẩn trương, nhanh chóng, đúng chỉ định theo yêu cầu của vết thương. Biện pháp cầm máu tạm thời phải tùy theo tính chất chảy máu, không làm bừa, làm ẩu, nhất là không được đặt ga rô tùy tiện.

d) Vết thương gãy xương

Những vết thương gãy xương trong chiến tranh phần lớn là gãy xương hở do mảnh đạn, bom, mìn gây nên, nhưng cũng có thể gãy xương kín, tổn thương càng phức tạp.

- Đặc điểm vết thương gãy xương:

+ Đối với vết thương gãy xương kín: da không rách, có thể da chỗ gãy xương bị bầm tím, cũng có thể đầu xương gãy đội mặt da lên, ấn vào chỗ xương gãy có tiếng lạo sạo, chi bị gãy không tự vận động được và bị biến dạng so với bên lành.

+ Đối với vết thương gãy xương hở: da bị rách, mô xung quanh, chỗ gãy xương bị dập nát. Có thể nhìn thấy đầu xương gãy hoặc một số mảnh xương vụn theo ra ngoài vết thương. Chi bị gãy không tự vận động được và bị biến dạng so với bên lành.

- Biến chứng:

Choáng đau đớn (nhất là vết thương gãy xương lớn như xương đùi, xương chậu); nhiễm khuẩn nặng.

- Cấp cứu đầu tiên (sơ cứu): Khi thương binh gãy xương, động tác cấp cứu phải làm theo thứ tự sau:

+ Cầm máu tạm thời (nếu kèm theo đứt mạch máu).

+ Băng (đối với vết thương hở).

+ Cố định tạm thời gãy xương.

+ Đưa thương binh vào nơi tương đối an toàn, để chờ vận chuyển về tuyến sau.

e) Bỏng

Bỏng trong chiến tranh do các loại vũ khí gây cháy như: bom lửa; napan (mangesium, thermit) chất lân trắng; súng phun lửa; đạn và mìn cháy; các loại tên lửa và vũ khí hạt nhân. Bỏng nặng hay nhẹ phải căn cứ vào diện tích và độ sâu của vết bỏng (nếu bị bỏng 10% cơ thể trở lên là bỏng nặng).

- Cấp cứu khi bị bỏng:

+ Dập tắt lửa bằng nước, chăn, vải, đất, cát... nếu lửa napan phải ngâm vùng cơ thể đang cháy xuống nước mới dập tắt được.

+ Bỏng do chất lân phải dùng băng ướt, có thể dùng sunfát đồng 5% hoặc thuốc tím 3% hoặc nước vôi 5% đắp lên vết bỏng (không được bôi thuốc mỡ lên vết bỏng trước khi băng).

+ Băng các vết bỏng, không làm vỡ nốt phỏng, băng hơi ép chặt để tránh thoát huyết tương, băng phải vô khuẩn (không được bôi một thứ thuốc gì trên vết bỏng trước khi băng, trừ bỏng do lân).

+ Nếu bỏng quá rộng không thể băng được có thể dùng vải, chăn, màn sạch phủ lên vết bỏng.

+ Về trạm quân y (nơi điều trị) cho thuốc giảm đau, cho uống nước muối và Nabica (cứ 1 lít nước pha 1 thìa muối ăn + 1/2 thìa Natribicarbonat) cho uống từng ngụm một, nếu thương binh nôn ngừng cho uống, khi hết nôn lại tiếp tục cho uống, ủ ấm và vận chuyển nhẹ nhàng về tuyến sau.

f) Tồn thương do vùi lấp

- Nguyên nhân gây ra tồn thương vùi lấp:

Trong chiến tranh bom, đạn có thể làm sập, đổ nhà cửa, hầm, hào, công sự, đường hầm gây tai nạn vùi lấp. Trong hòa bình tai nạn này cũng thường gặp như khi: mưa lũ, bão làm sập, sụt lở đất đá, đổ nhà cửa, cây cối, khai thác hầm mỏ,... Bệnh nhân bị vùi lấp có khi cả người hoặc một phần cơ thể. Khi bị vùi lấp, nguy cơ trước mắt là ngạt thở do thiếu oxi. Trong những giờ sau cơ thể bị hội chứng đè ép dẫn tới suy thận cấp gây tử vong. Nạn nhân còn có thể bị kèm theo các thương tổn khác như chấn thương sọ não, cột sống, gãy xương tứ chi.

- Hội chứng đè ép:

+ Thời kỳ đầu: Trong 10 đến 12 giờ đầu sau khi người bị vùi lấp được bới ra, có khi họ chưa có dấu hiệu gì đặc biệt ngoài cảm giác kiến bò ở vùng cơ thể bị chèn ép. Có khi họ chỉ thấy viêm tấy hoặc phù nề nhẹ tại vùng bị vùi lấp.

+ Thời kỳ toàn phát: 10 đến 12 giờ sau khi được bới ra, nạn nhân có thể có những dấu hiệu rõ ràng và nặng dần lên, ở chi thể bị đè ép, phù nề lan rộng,

căng to, biến dạng, đau. Nạn nhân không cử động được hoặc cử động khó khăn, da nhợt nhạt, lạnh xám.

+ Triệu chứng choáng xuất hiện: Mạch nhanh và nhỏ, huyết áp tụt nhanh, nước tiểu giảm dần, sau không tiểu tiện được, báo hiệu suy thận cấp dễ dẫn tới tử vong.

- Cách xử trí:

+ Phải nhanh chóng đào, bới lấy nạn nhân ra, nhưng cũng phải hết sức bình tĩnh, quan sát khu vực sập đổ và tư thế của nạn nhân để tránh vì đào bới mà nạn nhân bị vùi lấp thêm. Trong chiến tranh còn phải cảnh giác đề phòng bom bi nổ chậm, mìn lá, ... có thể gây thương vong cho cả nạn nhân và người cứu chữa.

+ Khi đào bới được phần đầu, cổ, ngực nạn nhân, việc làm trước tiên là lấy sạch di vật, đất cát,.. trong mũi, miệng rồi thổi ngạt nếu nạn nhân không tự thở được.

+ Khẩn trương đào, bới tiếp các phần khác còn lại, nhưng không vội vàng gây đau đớn thêm cho nạn nhân dẫn tới choáng nặng. Chú ý đề phòng chống biến chứng của hội chứng đè ép. Khi chi thể bị chèn ép, đừng vội tháo gỡ ngay mà cần đặt một garô sát trên chỗ bị đè ép với áp lực vừa đủ làm cho máu chảy chậm lại khi chi được giải phóng.

+ Đào, bới xong đặt nạn nhân trên nền đất phẳng hoặc cáng, tiếp tục chống ngạt đến khi nạn nhân tự thở được. Phải kiên nhẫn và liên tục vì có khi 2 đến 3 giờ sau mới có kết quả.

+ Chống nóng hoặc lạnh cho nạn nhân, kiểm tra các tổn thương khác kèm theo để xử trí, có thể cho nạn nhân uống nước nếu khát.

g) Vết thương bụng, vết thương ngực

Vết thương bụng do hỏa khí là loại vết thương nặng. Vết thương do mảnh bom, đạn gây ra nặng hơn vết thương do đạn bắn thẳng. Trong vết thương thấu bụng, thương tổn kết hợp nhiều bộ phận như cùng một vết thương có thể bị thương tổn cả dạ dày, ruột hoặc gan, lách,... ngay sau khi bị thương, choáng mất máu là biến chứng sớm nhất, viêm phúc mạc là biến chứng nặng gây tử vong cao.

Vết thương thấu ngực cũng là loại vết thương nặng và chia ra 3 loại: Vết thương ngực kín; vết thương ngực mở, thường nặng hơn vết thương ngực kín; vết thương khí phế mạc van, có thể gây ngạt thở. Vết thương thấu ngực thường làm tổn thương phổi, tim. Trong các vết thương ngực mở, xương sườn hay bị gãy, vết thương ngực, bụng kết hợp lại càng trầm trọng hơn.

- Triệu chứng và chuẩn đoán:

+ Đối với vết thương thấu bụng: Triệu chứng có khi đầy đủ rõ rệt, nhưng cũng có khi khó phán đoán. Triệu chứng rõ khi vết thương rộng, có lòi ruột hoặc mạc nối hoặc các dịch mật, thức ăn, phân chảy ra ngoài. Nếu có tổn thương các tạng đặc hoặc đứt mạch máu trong ổ bụng thì hội chứng chảy máu trong xuất hiện sớm. Biểu hiện: mạch nhanh, nhỏ, yếu, khó đếm; huyết áp tụt nhanh; thở nhanh và nóng; bụng không tham gia nhịp thở; da lạnh màu da xanh tái, có triệu chứng choáng sớm. Đau là triệu chứng thường gặp và sớm xuất hiện đau ở vùng bụng (để tự nhiên vẫn đau, sờ mó vào đau tăng hơn). Lúc đầu

đau quanh vết thương sau đau lan ra ở khắp ổ bụng. Cần chú ý khi thương binh bị choáng ít kê. Nếu thương tổn tạng rỗng sẽ có phản ứng thành bụng, sốt cao, đau bụng ngày một tăng. Thành bụng co cứng, lúc đầu ở một khu vực, sau lan rộng dần. Có khi nôn, bí trung đại tiện.

+ Đối với vết thương thấu ngực kín, thường có triệu chứng: Khạc ra máu; có tràn khí dưới da; thở nhanh, nóng, thở khò khè, nhiều đờm.

+ Đối với vết thương thấu ngực mở: Chuẩn đoán dễ dàng, hơi thở phì phò qua lỗ vết thương khi thương binh hít thở. Triệu chứng toàn thân nặng, có choáng, khó thở.

+ Đối với vết thương khí phế mạc van: Có thể do vết thương thành ngực gây ra (van ngoài) hoặc do phế quản, phế nang bị rách gây ra (van trong). Khi thở vào, không khí qua vết thương lọt vào khoang phế mạc, khi thở ra không khí không thoát ra được làm áp lực khoang phế mạc tăng dần lên và dẫn tới khó thở càng tăng, mũi, môi tái tím, ngực bên bị thương vồng lên.

+ Vết thương ngực – bụng là một vết thương trầm trọng, khó chuẩn đoán, nhất là vết thương chột, lỗ vào nhỏ. Nếu có mạc nối, phủ tạng ở ổ bụng hoặc cơ, thức ăn lòi ra ở lỗ vết thương ngực hoặc khi thương binh có vết thương ngực lại có dấu hiệu đau khu trú hay toàn ổ bụng kèm theo, thì cần nghĩ đến có tổn thương ổ bụng.

- Cách xử trí: Vết thương thấu bụng, thấu ngực hoặc ngực và bụng đều là loại vết thương nặng cần cấp cứu. Cấp cứu đầu tiên phải đúng phương pháp và nhanh chóng chuyển về cơ sở phẫu thuật. Đối với vết thương bụng, thời gian phẫu thuật sớm là biện pháp cơ bản để cứu sống thương binh, tốt nhất vào khoảng từ 6 đến 12 giờ sau khi bị thương. Cách xử trí cụ thể:

+ Đối với vết thương thấu bụng: Băng bó che kín vết thương, khi băng nếu có các phụ tạng lòi ra ngoài tuyệt đối không được nhét vào ổ bụng. Có thể dùng bát hoặc gáo dừa sạch úp lên chỗ phụ tạng lòi ra, rồi băng chặt lại hoặc dùng băng làm vành khăn để bao quanh chỗ phụ tạng lòi ra, sau đó mới băng lại. Nếu thương binh có hiện tượng choáng rõ rệt, cần để thương binh được yên tĩnh ở nơi tạm cất dấu, tiêm thuốc trợ lực, trợ sức, ủ ấm cho thương binh trước khi chuyển về tuyến sau. Khi vận chuyển, đặt thương binh nằm ngửa, ép vào chỗ băng để tạng đỡ lòi thêm ra. Không cho thương binh ăn, uống và không tiêm moóc phin.

+ Đối với vết thương thấu ngực mở: Băng chặt kín hoặc nút kín; khâu kín vết thương nếu có điều kiện; kê cao đầu; lau đờm giải để phòng chống ngạt; nếu gãy nhiều xương sườn thì băng vòng quanh ngực; vận chuyển nhanh về tuyến phẫu thuật, khi chuyển để thương binh ở tư thế nằm, đầu, ngực kê cao.

h) Vết thương sọ não, vết thương cột sống

Vết thương sọ não phân làm hai loại: Vết thương phạm mềm ở sọ; vết thương thấu não làm vỡ xương và thương tổn não. Vết thương sọ não do đạn bắn thẳng thường là vết thương chột rất nặng, khả năng nhiễm khuẩn cao. Vị trí vết thương có thể ở vùng trán, thái dương hoặc ở vùng đáy sọ và liên quan nhiều đến các xoang.

Vết thương cột sống được phân làm hai loại: Vết thương cột sống không chạm tủy sống; vết thương cột sống có chạm tủy sống. Thương tổn ở tủy có thể do các mảnh bom, đạn trực tiếp gây nên, dịch tủy chảy ra sẽ là một nguyên nhân gây nhiễm khuẩn. Mất dịch tủy nhiều sẽ có hiện tượng suy kiệt nhanh. Thương tổn ở tủy có nhiều mức độ nặng, nhẹ khác nhau, nhưng nói chung là nguy hiểm. Vì vậy, việc cấp cứu đầu tiên vết thương cột sống hết sức quan trọng, đặc biệt phải chú ý đến cách vận chuyển và tư thế cố định thương binh.

- Triệu chứng và chuẩn đoán:

+ Đối với vết thương sọ não: Vết thương phần mềm chỉ thương tổn da, gân, mạc cơ, nhưng rất có thể phối hợp với chấn động hoặc dập não gây chảy máu trong sọ rất nguy hiểm. Vết thương thấu não đều kèm theo thương tổn các phần mềm, xương sọ. Có thể bị phù não và gây rối loạn tim, mạch, hô hấp,... Sau khi bị thương thường có rối loạn tri giác mấy phút cho tới mấy ngày, từ li bì đến hôn mê. Ngoài ra có thể bị nôn mửa, bị choáng do mất nhiều máu hoặc có thể kèm theo các vết thương khác ở vùng bụng, ngực,... Khi nạn nhân hôn mê sâu có thể phát hiện liệt chi, bằng cách nhấc chân, tay nạn nhân lên rồi thả rơi xuống, chi bị liệt sẽ rơi nặng nề hoặc kích thích bằng kim châm, chi liệt sẽ không nhúc nhích.

+ Đối với vết thương cột sống: Vết thương cột sống không chạm tủy thường không có triệu chứng gì đặc biệt, tổn thương sẽ dần hồi phục. Nhưng vết thương cột sống tủy bị đứt hoàn toàn hoặc dập nát nhiều, nạn nhân sẽ liệt, mất cảm giác vĩnh viễn,... Vết thương cột sống chạm tủy có các triệu chứng sau:

Choáng: Choáng nặng thường gặp trong các trường hợp thương tổn vùng tủy ở cột sống, cổ hoặc thương tổn tủy kèm theo các phủ tạng khác.

Liệt chi thể: Nếu thương tổn này ở vùng cổ sẽ liệt cả chân và tay, nếu thương tổn tủy ở vùng thắt lưng trở xuống sẽ liệt hai chân, ở chi thể liệt các phần xạ gân, xương đều mất.

Rối loạn cảm giác: Ở phần dưới vết thương các cảm giác đau, nóng, lạnh đều mất hoặc giảm.

Bí đái hoặc đái dầm dề, bí ỉa hoặc phân chảy ra mà không biết.

- Cách xử trí: Nói chung vết thương sọ não và vết thương cột sống có chạm tủy đều là vết thương nặng. Vì đều có khả năng liệt chi hoặc nguy hiểm đến tính mạng. Nguyên tắc chung cấp cứu đầu tiên là:

+ Chống choáng.

+ Chống khó thở bằng cách lau sạch đờm, dãi.

+ Băng bó, cầm máu, cố định đúng kỹ thuật.

+ Vận chuyển nhanh thương binh về sau, nhưng phải thật nhẹ nhàng.

Đối với vết thương sọ não cần chú ý: Vận chuyển trên cứng cứng và không đội cứng; vết thương cột sống vùng cổ thì cố định bằng nẹp Cờ-ra-me (nếu có) hoặc chèn hai bên đầu, cổ và đặt nạn nhân nằm ngửa; nếu thương tổn ở các đoạn khác của cột sống, đặt nạn nhân nằm sấp trên cứng, cố định nạn nhân vào cứng cứng, chống xô dịch.

i) Vết thương hàm – mặt, mắt

Vết thương hàm mắt chia làm 3 loại: Vết thương khu trú ở phần mềm; vết thương phạm xương (sọ, mặt); vết thương phối hợp (vết thương ngực, bụng).

Vết thương mắt thường đe dọa mù mắt, chia làm 3 loại: Loại tổn thương nhẹ có các vết thương cách mi mắt hoặc có dị vật ở nông (màng tiếp hợp, giác mạc) hay bỏng nhẹ ở màng tiếp hợp, giác mạc. Loại tổn thương vừa có các vết thương rách hoặc sút một phần nhỏ cả mi mắt hay bỏng độ II ở mi, ở màng tiếp hợp, ở giác mạc. Loại tổn thương nặng, vết thương rách, sút rộng hoặc toàn bộ mi mắt, vết thương xuyên thủng hoặc nghi xuyên nhãn cầu, bỏng độ III, IV ở mi hoặc tử da mi, có màng giả phủ lên màng tiếp hợp, giác mạc đục và dày.

- Cách xử trí:

+ Vết thương hàm mắt: Bảo tồn tối đa tất cả tổ chức da, niêm mạc, xương răng mà chỉ lọc bỏ những phần chắc chắn hỏng hoặc những mảnh xương vụn và răng đã rời ra. Chống chỉ định cắt bỏ phần mềm (cắt lọc dự phòng). Xử trí vết thương phần mềm: Đối với vết thương dập da, tổ chức dưới da bầm tím tại chỗ, lau cồn sát trùng (trừ vùng mắt). Đối với vết thương sứt da nông, rửa bằng nước xà phòng hoặc nước muối ấm hoặc dung dịch sát trùng. Đối với vết thương da nông hoặc bị cắt rửa nước muối sinh lí, băng ép cầm máu. Đối với vết thương nặng cầm máu bằng băng ép, băng nút hoặc kẹp. Khi vận chuyển có thể cố định lưỡì, chống choáng.

+ Vết thương mắt: Làm sạch mắt, dùng bông sạch gạt các bụi bẩn ở trong và ngoài mắt rồi băng lại, không rửa mắt ngay, trừ khi bỏng mới được rửa mắt, kết hợp nhặt bỏ các bụi hóa chất và phải rửa nhiều lần trong 10 đến 15 phút bằng nước thường. Mắt bị hỏng không băng, nhỏ thuốc mắt sát khuẩn (1 đến 2 giọt Cloromixêtin). Nếu vết thương xuyên hoặc nghi xuyên nhãn cầu, không làm động tác banh mắt làm mở rộng thêm vết thương gây biến chứng nặng thêm.

III. TỔ CHỨC PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

1. Tổ chức

- Lên lớp: theo biên chế lớp học.

- Luyện tập: Theo từng nhóm trong đội hình lớp, cá nhân nghiên cứu kết hợp bút kí và tài liệu, trao đổi trong tổ, nhóm để nắm chắc nội dung.

2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Hệ thống tóm tắt mục A (băng bó, chuyển thương) có thể kiểm tra một số sinh viên về kiến thức đã học ở phổ thông trung học. Giới thiệu lần lượt từng nội dung ở mục B, giảng giải kết hợp phân tích, chứng minh bằng mô hình học cụ, tranh vẽ... cuối buổi học có thể kiểm tra một số sinh viên về những nội dung trọng tâm.

- Đối với sinh viên: Ôn tập những kiến thức đã học ở phổ thông trung học (mục A) ghi chép kết hợp nghe, nhìn để nắm chắc nội dung bài học, tích cực luyện tập thành thạo động tác băng bó, chuyển thương. Nắm vững cách xử trí một số vết thương ban đầu và những vấn đề cần chú ý khi chuyển thương với từng loại vết thương nặng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân biệt vết thương kín, vết thương hở? Cách cấp cứu ban đầu vết thương phần mềm?
2. Đặc điểm vết thương gãy xương? Thực hành cố định gãy xương đùi?
3. Hội chứng dè ép? Cách xử trí khi nạn nhân bị vùi lấp?
4. Thực hành cố định, vận chuyển nạn nhân có vết thương cột sống bằng cứng.
5. Thực hành băng khuỷu tay, băng trán.

Bài 7

BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Huấn luyện cho sinh viên những nội dung cơ bản về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp nhằm tăng cường sức khỏe; góp phần hoàn thiện các tố chất thể lực như: nhanh, mạnh, bền, khéo; làm cơ sở thuận lợi cho sinh viên khi tham gia vào lực lượng vũ trang hoặc hội thao quốc phòng.

- Nắm được cách tổ chức, phương pháp luyện tập; tích cực luyện tập, từng bước nâng cao thành tích của cá nhân và tập thể. Và bảo đảm an toàn trong luyện tập và thi đấu.

II. NỘI DUNG

A. ĐIỀU LỆ

1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu

a) Đặc điểm

Thi đấu ba môn quân sự phối hợp (thể thao Quốc phòng) được tiến hành theo các bài tập nằm trong chương trình giáo dục Quốc phòng. Mục đích của thi đấu ba môn quân sự phối hợp là giáo dục cho học sinh, sinh viên ý chí quyết tâm giành thắng lợi, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo khả năng thực hiện các

bài tập đa dạng, sức chịu đựng cường độ thể lực và sự căng thẳng về tâm lý trong quá trình thi đấu thể thao.

Thi đấu ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của nhà trường. Để thi đấu đạt kết quả tốt, học sinh, sinh viên phải luyện tập và hoàn thành những yêu cầu về chỉ tiêu rèn luyện đã quy định cho các lứa tuổi và từng đối tượng.

Thi đấu ba môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội. Trong thi đấu cá nhân phải xác định kết quả, vị trí cho tất cả những người dự thi. Trong thi đấu đồng đội lấy kết quả của các cá nhân tổng hợp thành kết quả của đồng đội và dựa vào đó xếp hạng cho từng đội. Thi đấu cá nhân, đồng đội là đồng thời xác định kết quả của cá nhân và của đồng đội để xếp hạng cho cá nhân và đồng đội.

b) Điều kiện thi đấu

Thi đấu ba môn quân sự phối hợp, đấu thủ tham dự cuộc thi phải bảo đảm đủ các điều kiện:

- Hiểu, nắm vững quy tắc và được luyện tập thường xuyên.
- Có chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của bác sĩ.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi

a) Trách nhiệm của người dự thi

- Người dự thi phải hiểu điều lệ, quy tắc cuộc thi và nghiêm túc thực hiện điều lệ, quy tắc thi đấu.

- Có mặt đúng thời gian tại cuộc thi, đủ trang bị, trang phục quy định, có thẻ hoặc giấy chứng nhận thi đấu và tuân thủ đúng quy chế thi đấu.

- Thực hiện đúng hướng dẫn của trọng tài.

- Tuân thủ nghiêm quy tắc quản lý, sử dụng súng và đạn.

b) Quyền hạn của người dự thi

- Được bản thử để kiểm tra súng, luyện tập và thực hiện các bài tập ở những địa điểm đã quy định của Hội đồng Trọng tài.

- Chỉ khi thật cần thiết mới được phép báo cáo trực tiếp với trọng tài những vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc thi. Trong các trường hợp khác, nếu có yêu cầu gì đối với trọng tài thì dùng lời nói hoặc làm văn bản báo cáo với đoàn trưởng (đội trưởng) chuyển lên Hội đồng Trọng tài.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

Mỗi đoàn (đội) dự thi nhất thiết phải có cán bộ có phẩm chất, tư cách vững vàng và hiểu biết sâu về chuyên môn làm đoàn trưởng. Đoàn trưởng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kỷ luật của các đấu thủ khi ở địa điểm thi đấu cũng như tại nơi ở và bảo đảm cho mỗi đấu thủ hoặc đội vào thi đấu kịp thời. Khi vắng đoàn trưởng thì đội trưởng thay thế. Khi đội trưởng vắng phải chỉ định một trong các đấu thủ thay mặt để chỉ huy đội.

Đoàn trưởng (đội trưởng) có nhiệm vụ nộp cho Hội đồng Trọng tài danh sách đấu thủ dự thi và những tài liệu cần thiết do điều lệ, quy tắc cuộc thi quy định.

a) Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng)

- Hiểu và thực hiện điều lệ, quy tắc và quy chế của cuộc thi.

- Bảo đảm kịp thời đưa đoàn (đội) đến địa điểm thi đấu với trang phục, súng đạn cần thiết đã quy định, chịu trách nhiệm trước nhà trường về việc bảo đảm an toàn mọi mặt của đoàn (đội) mình.

- Thường xuyên có mặt ở địa điểm thi đấu và chỉ được tạm vắng khi tổng trọng tài hoặc phó tổng trọng tài cho phép.

- Thông báo cho các đấu thủ của đoàn (đội) mình các quyết định của Hội đồng trọng tài những thay đổi về thời gian, chương trình thi đấu của cuộc thi...

- Báo cáo với Hội đồng trọng tài về những thay đổi trong đăng ký và những đấu thủ do tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục thi đấu được.

- Tham dự cuộc họp của Hội đồng trọng tài với quyền hạn tư vấn và tham dự bốc thăm.

b) Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

- Chuyển đến Hội đồng trọng tài những khiếu nại của đoàn (đội).

- Đề nghị hội đồng trọng tài kiểm tra và giải thích kết quả thi đấu sau khi đã thông báo sơ bộ về thành tích.

- Đoàn trưởng (đội trưởng) không được phép can thiệp vào công việc của trọng tài và cũng không được tự ý quyết định thay đổi đấu thủ hoặc rút đấu thủ khỏi cuộc thi nếu không được Hội đồng trọng tài cho phép. Trong quá trình thi đấu cũng không được phép giúp đỡ vận động viên.

4. Thủ tục khiếu nại

- Tất cả những khiếu nại đều phải đưa đến Hội đồng trọng tài, có thể đưa trước khi bắt đầu cuộc thi, trong quá trình cuộc thi và sau khi kết thúc cuộc thi, nhưng không chậm quá một giờ sau khi kết thúc môn thi đó.

- Đoàn trưởng (đội trưởng) có thể đưa khiếu nại bằng văn bản có chỉ dẫn các mục, các điểm của quy tắc hoặc điều lệ cuộc thi mà người khiếu nại bị cho là vi phạm.

- Tổng trọng tài phải xem xét các khiếu nại trong thời gian ngắn nhất. Nếu khiếu nại đó cần phải kiểm tra thì quyết định cần được thực hiện trong vòng 24 giờ từ lúc nhận được đơn khiếu nại và kết luận trước khi xác định thành tích cuối cùng của cuộc thi.

- Quyết định của tổng trọng tài về khiếu nại là quyết định cuối cùng và không xét lại nữa.

5. Xác định thành tích xếp hạng

Thi vô địch cá nhân và đồng đội được xác định theo điều lệ cuộc thi:

- Khi xếp hạng cá nhân, vận động viên nào có thành tích (tổng số điểm) cao hơn được xếp trên. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số vận động viên thì vận động viên nào có kết quả cao hơn trong các môn thi sẽ được xếp trên.

- Khi xếp hạng đồng đội, căn cứ vào tổng số điểm của các vận động viên trong từng đội để xếp hạng cao thấp cho các đội. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số đội thì đội nào có vận động viên xếp thứ hạng cao (nhất, nhì, ba, v.v.) sẽ được xếp vị trí cao hơn.

B. QUY TẮC THI ĐẤU

1. Quy tắc chung

Điều 1. Mỗi vận động viên phải thi đấu ba nội dung trong hai ngày theo trình tự sau đây:

- Ngày thứ nhất: Sáng thi bắn súng quân dụng, chiều ném lựu đạn.
- Sáng ngày thứ hai: Chạy vũ trang 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 2. Trang phục và trang bị thi đấu

- Mặc quần áo lao động hoặc thể thao, đi giày hoặc chân đất.
- Súng quân dụng (tiểu liên AK; SKS).
- Đeo số thi đấu ở ngực và đeo kết quả bốc thăm ở lưng, không được thay đổi số áo trong suốt cuộc thi.

2. Quy tắc thi đấu các môn

a) Bắn súng quân dụng

Điều 3. Điều kiện bắn.

- Dùng súng trường SKS (hoặc tiểu liên AK), lực cò không nhẹ dưới 2kg
- Mục tiêu cố định, bia số 4 có vòng
- Cự ly bắn: 100m
- Tư thế bắn: nằm bắn có bệ tỳ
- Số đạn bắn: 3 viên (súng trường tự động, tiểu liên bắn phát một).

Điều 4. Thứ tự bắn

Theo trình tự bốc thăm, vận động viên phải có mặt ở vị trí điểm danh trước giờ thi đấu của mình 30 phút để làm công tác chuẩn bị, điểm danh, kiểm tra súng, đạn và trang bị.

Điều 5. Quy tắc bắn

- Khi vào tuyến bắn, sau khi khám súng và có lệnh “Nằm chuẩn bị bắn” của trọng tài trưởng, vận động viên mới được làm công tác chuẩn bị. Khi chuẩn bị xong vận động viên phải báo cáo “số...chuẩn bị xong” và chỉ được sau khi có lệnh của trọng tài.

- Vận động viên được phép dùng vải bạt, nilon để nằm bắn
- Khi có lệnh bắn, mọi trường hợp cướp cò, nổ súng coi như đã bắn. Đạn thia lia không tính thành tích.
- Đạn chạm vạch được tính điểm vòng trong, đạn không nổ được bù thêm.
- Trong thi đấu, súng bị hỏng hóc, phải báo cáo với trọng tài nếu được phép mới được ra ngoài sửa hoặc đổi súng.

Điều 6. Vi phạm quy tắc bắn

- Nổ súng trước khi có lệnh bắn của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn bắn súng.

- Nổ súng sau khi có lệnh thôi bắn của trọng tài sẽ bị cảnh cáo, viên đạn đó không được tính thành tích và bị trừ thêm 2 điểm trên bia.

- Trong thi đấu nếu bắn nhầm mà trọng tài xác định được thì viên đạn đó vẫn được tính điểm cho người bắn nhầm nhưng bị trừ 2 điểm trên bia.

Nếu trên bia có 2 điểm chạm, không phân biệt rõ điểm chạm của từng người thì cả hai đều có quyền nhận viên đạn có điểm chạm cao nhất hoặc cả hai đều bắn lại. Thành tích bắn lại xử trí như sau:

+ Dù đạt được bao nhiêu nhưng so với nhau, nếu ai có điểm bắn lại cao hơn sẽ lấy điểm cao của bia đang xét, điểm thấp giành cho người có điểm bắn thấp hơn.

+ Nếu điểm bắn lại cả hai đều cùng bằng nhau ai có điểm chạm gần trung tâm hơn sẽ lấy điểm cao của bia đang xét. Ngoài ra phải trừ 2 điểm trên bia đối với người bắn nhảm.

+ Mọi hành động gian lận như đối súng (dùng súng chưa được kiểm tra), đối người dự thi không có trong danh sách báo cáo, hoặc vi phạm các điểm a; d của Điều 5, hoặc vi phạm quy tắc an toàn thì dù là vô tình hay cố ý, tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn bắn súng.

Nếu bắn súng thể thao: cự ly 50m, bia số 7B, nằm bắn có bệ tỳ, bắn 3 viên tính điểm (như bắn súng quân dụng).

b) Ném lựu đạn xa, trúng hướng

Điều 7. Điều kiện ném

- Lựu đạn ngang, hình trụ, cán gỗ dài 12cm, trọng lượng 600 gram (nam) và 500-520m (nữ).

- Bãi ném: Ném trong đường hành lang rộng 10m, đường chạy rộng 4m, dài từ 15-20m.

- Tư thế ném: Cầm súng (không dương lê), có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà.

- Số quả ném: Ném thử 1 quả, ném tính điểm 3 quả.

- Thời gian ném: 5 phút (kể cả ném thử)

Điều 8. Thứ tự ném

Theo kết quả bốc thăm, phân chia bãi ném vào đợt ném, vận động viên khởi động ở ngoài, đến lượt ném mới vào vị trí chuẩn bị.

Điều 9. Quy tắc ném

- Vận động viên chỉ được ném sau khi có lệnh của trọng tài, có thể ném thử hoặc không. Muốn ném thử hoặc ném tính điểm, vận động viên phải báo cáo “Số... xin ném thử”. Khi có lệnh “Số... chú ý”, “1 quả ném thử” hoặc “3 quả tính điểm” bắt đầu, vận động viên mới được ném. Mỗi quả ném đều có hiệu lệnh bằng còi của trọng tài.

- Khi ném, một tay cầm súng (không dương lê) có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà. Khi đang chạy lấy đà, nếu cảm thấy chưa tốt, vận động viên có quyền chạy lại với điều kiện không được để một bộ phận nào của thân thể chạm hoặc vượt ra ngoài vạch giới hạn, kể cả lựu đạn tuột tay rơi ra ngoài vạch giới hạn.

- Lựu đạn phải rơi trong phạm vi hành lang rộng 10m, rơi trúng vạch vẫn được tính thành tích.

- Ném xong cả 3 quả tính điểm rồi mới đo thành tích của cả 3 lần ném và lấy thành tích của lần ném xa nhất. Mỗi lần lựu đạn rơi trong hành lang, trọng tài đều cầm cờ đánh dấu điểm rơi, thành tích lấy chẵn tới cm.

- Thời gian ném: 5 phút kể cả từ khi trọng tài cho lệnh ném thử.

Điều 10. Vi phạm quy tắc ném

- Khi được lệnh ném của trọng tài, nếu do sơ ý lựu đạn rơi bên ngoài vạch giới hạn thì coi như đã ném quả đó.

- Lựu đạn rơi ngoài phạm vi hành lang không được tính thành tích.

- Tự động ném trước khi có lệnh của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn ném lựu đạn.

- Mọi hành động gian lận, như đổi người, đổi trang bị hoặc vi phạm điểm a, b, d của Điều 9 thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu.

c) Chạy vũ trang

Điều 11. Điều kiện chạy

a. Đường chạy tự nhiên

b. Cự ly chạy: 3000m (nam), 1500m (nữ).

Điều 12. Thứ tự chạy

a. Vận động viên phải có mặt ở vị trí tập kết trước giờ thi đấu của mình 20 phút để điểm danh, kiểm tra trang bị và khởi động.

b. Trọng tài điểm danh và sắp xếp vị trí cho các vận động viên theo thứ tự bốc thăm.

Điều 13. Quy tắc chạy

a. Xuất phát: Mỗi đợt xuất phát không quá 20 người. Khi có lệnh “vào chỗ” của trọng tài, các vận động viên về vị trí của mình và chuẩn bị chờ lệnh. Tay và chân không được chạm vào vạch xuất phát.

b. Khi có lệnh chạy (bằng súng phát lệnh hoặc phát cờ) vận động viên mới bắt đầu chạy.

c. Khi chạy trên đường, vận động viên không được gây trở ngại cho các đấu thủ khác. Khi muốn vượt phải vượt về phía bên phải. Nếu đối thủ chạy trước không chạy vào sát mép đường chạy vận động viên chạy sau được phép vượt lên bên trái đối thủ đó. Dù vượt bên nào cũng không được gây trở ngại như xô đẩy, chen lấn đối thủ chạy trước. Vận động viên chạy trước cũng không được cản trở, chèn ép đối thủ chạy sau khi đối thủ này muốn vượt lên trước.

d. Khi về đích, vận động viên dùng một bộ phận thân người chạm vào mặt phẳng cắt ngang vạch đích hoặc dây đích (trừ đầu, cổ, tay và chân) và khi toàn bộ cơ thể đã vượt qua mặt phẳng đó mới coi là chạy hết cự li.

Điều 14. Vi phạm quy tắc chạy

a. Vi phạm các điểm sau đây sẽ bị xoá bỏ thành tích:

- Chạy không hết đường qui định.

- Nhờ người mang vũ khí, trang bị hoặc diu đỡ trước khi về đích.

- Về đích thiếu súng.

- Chen lấn thô bạo, cố tình cản trở làm ảnh hưởng tới thành tích hoặc gây thương tích cho đối thủ.

b. Về đích thiếu trang bị sẽ bị phạt bằng cách cộng thêm vào thành tích chạy thời gian như sau:

- Thiếu số áo cộng 10 giây.

- Thiếu thắt lưng, cộng 10 giây.

c. Vi phạm điểm a của Điều 12, điểm a, b, c, d của Điều 13 hoặc có hành động gian lận thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn chạy vũ trang.

3. Cách tính thành tích

a) Cách tính điểm và xếp hạng

- Tính điểm và xếp hạng cá nhân

Điều 15. Tính điểm bắn súng quân dụng

Căn cứ vào kết quả điểm chạm, cộng điểm của ba viên bắn tính điểm. Đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau, sẽ so sánh ai có vòng 10; 9; 8... nhiều hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp bằng nhau.

Điều 16. Tính điểm ném lựu đạn

Căn cứ vào thành tích ném xa nhất, đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm) vận động viên nào có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét trực tiếp các quả ném đó, vận động viên nào ném xa hơn xếp trên (tính đến cm), nếu vẫn bằng nhau thì xét quả thứ hai, thứ ba.

Điều 17. Tính điểm chạy vũ trang

Căn cứ vào thời gian chạy (sau khi đã xử lí các trường hợp phạm quy) để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên nào có điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ xét vận động viên nào có thời gian chạy ít hơn xếp trên, nếu vẫn bằng nhau, xếp bằng nhau.

Điều 18. Tính điểm cá nhân toàn năng

Căn cứ điểm của cả ba môn, vận động viên nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng điểm nhau, sẽ lần lượt so sánh thứ tự (các môn chạy vũ trang, bắn súng, ném lựu đạn) vận động viên nào có thứ hạng cao xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau, xếp bằng nhau.

- Tính điểm và xếp hạng đồng đội

Điều 19. Tính điểm đồng đội từng môn

Cộng điểm từng môn của các vận động viên trong đội. Đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có vận động viên xếp thứ hạng cao hơn xếp trên.

Điều 20. Tính điểm đồng đội toàn năng

Cộng điểm toàn năng của các vận động viên trong đội, đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

- Tính điểm và xếp hạng toàn đoàn.

Điều 21: Xếp hạng toàn đoàn

Cộng điểm của đồng đội nam và đồng đội nữ, đoàn nào có tổng số nhiều hơn xếp lên trên. Nếu bằng nhau, đoàn nào có đội nữ xếp hạng cao hơn xếp trên.

b) Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản

- Tính điểm từng môn.

+ Bắn súng quân dụng (áp dụng cho cả nam và nữ)

Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng
30	1000	24	500	18	220	12	110	6	50
29	900	23	450	17	190	11	100	5	40
28	800	22	400	16	170	10	90	4	30
27	710	21	350	15	150	9	80	3	20
26	630	20	300	14	130	8	70	2	10
25	560	19	250	13	120	7	60	1	0

+ Ném lựu đạn:

Nam: 60m được tính 1000 điểm:

Xa hơn 60m, cứ 4cm được tính 1 điểm

Kém hơn 60m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

Nữ: 40m được tính 1000 điểm:

Xa hơn 40m, cứ 4cm được tính 1 điểm

Kém hơn 40m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

(Theo nguyên tắc tính điểm tròn số: từ 3cm trở lên được tính tròn 1 điểm, dưới 3cm thì không điểm).

+ Chạy vũ trang (nam 3000m; nữ 1500m):

Nam: 10 phút được tính 1000 điểm:

Nhanh hơn 10 phút thì 1 giây được 5 điểm

Chậm hơn 10 phút thì 1 giây trừ 3 điểm.

Nữ: 5 phút 30 giây được tính 1000 điểm:

Nhanh hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây được 5 điểm

Chậm hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây trừ 3 điểm.

MỘT SỐ MẪU BIỂU VÀ VĂN BẢN

Mẫu số 1: PHIẾU ĐĂNG KÝ THI ĐẤU 3 MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

Đơn vị: Số thăm:.....

Thứ tự	Họ và tên	Số áo	Nội dung						
			Bắn súng		Ném lựu đạn		Chạy vũ trang		
			Đợt	Bộ	Đợt	Bãi	Đợt	ô (hàng)	

Ngày tháng năm

Đoàn trưởng (Đội trưởng)

(Ký tên)

Mẫu số 2: DANH SÁCH THI ĐẤU MÔN:

Thời gian bắt đầu từ.....giờ.....ngày.....

Đợt	Bộ; Ô (hàng); Bãi.....	Họ và tên	Đơn vị	Số đạn	Ghi chú

Ngày tháng năm

Đoàn trưởng (Đội trưởng)

(Ký tên)

Mẫu số 3: BIÊN BẢN THÀNH TÍCH MÔN THI:
Thời gian bắt đầu từ.....giờ.....ngày.....

Thứ tự	Họ và tên	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Xếp hạng	Ghi chú

Thư ký
(Ký tên)

Trọng tài trưởng
(Ký tên)

Mẫu số 4: PHIẾU THI BẮN SÚNG QUÂN DỤNG

Cuộc thi 3 môn quân sự phối hợp năm:.....

Phiếu thi:

Họ và tên: Số áo:.....

Đơn vị:

Đợt:Bê

3 viên bắn tính điểm:

1	2	3	Cộng (+)

Thành tích:Điểm:

Xếp hạng:

Vận động viên
(ký tên)

Thư ký
(ký tên)

Mẫu số 5: BIÊN BẢN THÀNH TÍCH CÁ NHÂN TOÀN NĂNG

Thứ tự	Họ và tên	Đơn vị	Điểm			Cộng điểm	Xếp hạng
			Bắn súng	N.Lựu đạn	C. trang V		

Tổng thư ký
(ký tên)

Tổng trọng tài
(ký tên)

Mẫu số 6: BIÊN BẢN TÍNH THÀNH TÍCH ĐỒNG ĐỘI TOÀN NĂNG

Thứ tự	Đơn vị	Điểm			Cộng điểm	Xếp hạng
		Bắn súng	Ném lựu đạn	Chạy vũ trang		

Tổng thư ký
(ký tên)

Tổng trọng tài
(ký tên)

III. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

A. TỔ CHỨC

Giới thiệu lí thuyết, thực hành theo lớp học. Luyện tập theo nhóm, tổ học tập. Thi đấu theo đội của các môn thi.

B. PHƯƠNG PHÁP

1. Lên lớp

a) Giới thiệu điều lệ, quy tắc thi thi đấu

Vận dụng phương pháp thuyết trình để giảng, kết hợp với mô hình vật mẫu, sân bãi để làm rõ nội dung.

b) Giới thiệu động tác

Vận dụng phương pháp trực quan bằng động tác mẫu của giảng viên và đội mẫu đã được chuẩn bị để giới thiệu theo 2 bước:

- *Bước 1:* Làm nhanh

Giảng viên mang đeo vũ khí, trang bị đầy đủ sau đó trên cương vị người thi đấu làm nhanh động tác 1 lần. Trong quá trình làm động tác không phân tích mà làm nhanh động tác sát với thực tế thi đấu.

- *Bước 2:* Làm chậm, phân chia cử động, phân tích động tác

Giảng viên giới thiệu động tác với nhịp độ chậm, kết hợp phân tích, giải thích làm rõ ý nghĩa động tác và cách thực hiện động tác. Làm dứt điểm từng cử động, không nói và làm liên tục người học khó theo dõi, dễ dẫn đến nhầm lẫn động tác.

2. Luyện tập

- Trước khi luyện tập, giảng viên phải tổ chức khởi động, khám súng để bảo đảm an toàn. Phổ biến nội dung, thời gian, tổ chức phương pháp, địa điểm, vật chất, kí tín hiệu và các quy định trong luyện tập.

- Căn cứ vào kỹ thuật bắn súng và ném lựu đạn của chương trình giáo dục quốc phòng để luyện tập hai môn bắn súng và ném lựu đạn. Căn cứ vào kỹ thuật chạy bền trong ba môn điền kinh để vận dụng tập luyện môn chạy vũ trang.

- Khi luyện tập từng môn phải tiến hành từ tập nhẹ đến nặng, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, tập phân đoạn đến tổng hợp.

- Luyện tập toàn diện, kết hợp chặt chẽ tập luyện nội dung 3 môn quân sự phối hợp với giáo dục công tác vệ sinh (ăn uống, ngủ, nghỉ, v.v...) giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cao để bảo đảm an toàn trong quá trình luyện tập và thi đấu.

IV. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Động tác bắn súng trường SKS (CKC); tiểu liên AK. Kỹ thuật ném lựu đạn, trúng hướng. Kỹ thuật chạy bền.
2. Điều kiện và quy tắc thi đấu từng môn.
3. Nội dung luyện tập thi đấu cụ thể của từng môn.

Bài 8

TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU TIẾN CÔNG

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Huấn luyện cho sinh viên nắm được đặc điểm mục tiêu, thủ đoạn đối phó của địch ở một số mục tiêu thường gặp trong công sự và mục tiêu ngoài công sự; cách đánh và hành động của từng người khi đánh từng loại mục tiêu.

- Nắm được những nội dung cơ bản về đặc điểm của địch, cách đánh và hành động của từng người khi đánh chiếm từng loại mục tiêu; biết vận dụng kỹ thuật và các động tác chiến đấu cơ bản vào thực hiện đánh chiếm mục tiêu.

II. NỘI DUNG

1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

a) Nhiệm vụ

Trong chiến đấu tiến công, từng người hoặc cùng với tổ có thể đánh chiếm một số mục tiêu:

- Địch trong ụ súng, lô cốt, chiến hào, giao thông hào, căn nhà.
- Xe tăng, xe bọc thép địch.
- Tên địch, tốp địch ngoài công sự.

b) Yêu cầu chiến thuật

- Bí mật, bất ngờ, tinh khôn, mưu mẹo.

- Dũng cảm, linh hoạt, kịp thời.

- Biết phát hiện và lợi dụng nơi sơ hở, hiểm yếu của địch, tiếp cận đến gần tiêu diệt địch.

- Độc lập chiến đấu, chủ động hiệp đồng, liên tục chiến đấu.
- Phát huy cao độ hiệu quả của vũ khí, trang bị tiêu diệt địch, tiết kiệm

đạn.

- Đánh nhanh, sạch sạo kỹ, vừa đánh vừa địch vận.

2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ

a) Hiểu rõ nhiệm vụ

- Nội dung:

+ Mục tiêu phải đánh chiếm: loại mục tiêu gì (ụ súng, lô cốt, tên địch, tốp địch...), vị trí và tính chất của mục tiêu (ở đâu, trong công sự hay ngoài công sự, bộ binh hay xe tăng...), những mục tiêu có liên quan.

+ Nhiệm vụ (hiệp đồng với ai, đánh chiếm mục tiêu nào, ở đâu, sau khi đánh chiếm xong mục tiêu phải làm gì), cách đánh (thứ tự, phương pháp tiêu diệt mục tiêu).

+ Kí, tín, ám hiệu liên lạc và báo cáo.

+ Bạn có liên quan: ở bên phải, bên trái là ai, làm nhiệm vụ gì.

- Phương pháp:

Khi nhận nhiệm vụ, chiến sĩ phải kết hợp nhìn và nghe, nhận đầy đủ, chính xác. Nếu nội dung nào chưa rõ phải hỏi lại để người chỉ huy bổ sung cho đầy đủ.

b) Làm công tác chuẩn bị

- Nội dung:

Công tác chuẩn bị chiến đấu của từng người phải được tiến hành thường xuyên. Trong chiến đấu tiến công, nội dung làm công tác chuẩn bị của từng người gồm: xác định tư tưởng, ý chí quyết tâm chiến đấu; nhận bổ sung vũ khí, trang bị, thuốc quân y; gói buộc lương nỏ,...

- Phương pháp:

Khi làm công tác chuẩn bị phải căn cứ vào ý định của người chỉ huy, nhiệm vụ được phân công, thời gian có để tiến hành công tác chuẩn bị cho phù hợp, bảo đảm nhanh, gọn, đầy đủ, chính xác.

Sau khi hoàn thành công tác chuẩn bị phải kiểm tra lại công tác chuẩn bị như súng, đạn, thủ pháo, thuốc nổ, ... những trang bị cần thiết cho chiến đấu, cách mang đeo và báo cáo với người chỉ huy. Quá trình làm công tác chuẩn bị phải hỗ trợ, giúp đỡ đồng đội làm công tác chuẩn bị.

3. Thực hành chiến đấu

a) Vận động đến gần địch

- Trước khi vận động:

Phải quan sát tình hình địch, tình hình ta, xem xét địa hình, thời tiết cụ thể trong phạm vi chiến đấu để chọn đường tiến (đường vận động). Vận động theo đường nào, đến đâu, thời cơ và động tác vận động trong từng đoạn; vị trí tạm dừng và cách nghi binh lừa địch.

- Khi vận động:

Phải luôn quan sát, nắm chắc tình hình địch, triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, thời tiết, ánh sáng, tiếng động, v.v. để vận dụng các tư thế, động tác vận động cho phù hợp, bảo đảm mọi hành động nhanh, bí mật, an toàn, đến vị trí đúng thời gian qui định.

Quá trình vận động phải giữ vững đường tiến, hướng tiến, sẵn sàng chiến đấu, tìm mọi cách để đến sát mục tiêu được phân công.

Khi đến đúng vị trí đã qui định phải nhanh chóng chuẩn bị súng đạn, lựu đạn, pháo tay, v.v, quan sát nắm tình hình địch, hành động của đồng đội và sẵn sàng tiêu diệt mục tiêu. Nắm vững thời cơ để xung phong tiêu diệt địch, chiếm mục tiêu.

b) Cách đánh từng loại mục tiêu

- Đánh địch trong ụ súng, lô cốt

+ Đặc điểm mục tiêu:

Ụ súng của địch có nắp hoặc không có nắp, thường làm bằng gỗ đất, bê tông cốt thép lắp ghép; cấu trúc theo kiểu nửa chìm, nửa nổi, có lỗ bắn ra các hướng, cửa ra vào quay vào phía trong, xung quanh và trên nắp thường xếp các bao cát, có thể có hàng rào chắn đạn B40, B41 vây quanh. Nối liền các ụ súng với nhau thường bằng tường đất hoặc bằng các hào sâu, bên cạnh ụ súng có các hố bắn.

Ụ súng thường được bố trí nơi địa hình có lợi khi hỗ trợ, chi viện cho nhau trong quá trình chiến đấu, nguy trang kín đáo khó phát hiện.

Lô cốt là mục tiêu được xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép, gạch, đá, có nhiều ngăn, có phần nổi phần chìm. Phần nổi có thể một hoặc hai tầng, cấu trúc theo kiểu hình lăng trụ (thường có 5 đến 8 cạnh), các hướng đều có lỗ bắn bố trí độ cao thấp khác nhau, bên ngoài và trên nắp thường xếp các bao cát hoặc đắp đất, có thể có dây thép gai trùm lên trên hoặc dùng lưới chống đạn B40, B41 vây xung quanh. Bên cạnh lô cốt có các hố bắn, có đường hào có nắp hoặc không có nắp để cơ động về phía sau. Bên trong lô cốt xây bậc cao thấp theo các lỗ bắn, lô cốt lớn có thể chia thành 2 hoặc 3 ngăn. Cửa lô cốt thường chìm và nối với các đường hào nổi hoặc hào ngầm.

Khi chưa bị tiến công, địch thường lợi dụng ụ súng, lô cốt kết hợp mắt thường với sử dụng các phương tiện quan sát như ống nhòm, kính nhìn đêm, v.v. để quan sát phát hiện đối phương. Khi bị tiến công, chúng dựa vào ụ súng, lô cốt dùng hỏa lực ngăn chặn ta từ xa đến gần. Khi nguy cơ bị tiêu diệt, địch lợi dụng ụ súng, lô cốt cố thủ chờ lực lượng từ mục tiêu khác đến phối hợp cùng phản kích, hoặc cũng có thể lợi dụng công sự, địa hình, địa vật rút chạy về phía sau, có thể rút chạy bằng trực thăng vũ trang bốc quân.

+ Cách đánh:

Trước khi đánh, chiến sĩ phải quan sát xác định loại mục tiêu sẽ đánh (ụ súng hay lô cốt, cách cấu trúc, bằng gỗ đất hay bằng bê tông cốt thép), xác định hoạt động của địch bên trong ụ súng, lô cốt và hoạt động của địch xung quanh, xem xét địa hình để tìm ra chỗ sơ hở, chỗ yếu của mục tiêu như góc tử giác, lối ra vào, nơi ta có thể tiếp cận kín đáo từ bên sườn, phía sau. Căn cứ vào mục tiêu, địa hình, địa vật và vũ khí, trang bị của mình để xác định cách đánh cho phù hợp.

Đánh ụ súng không có nắp: bí mật tiếp cận vào bên sườn, phía sau, đến cự ly thích hợp, dùng thủ pháo, lựu đạn ném vào bên trong ụ súng; lợi dụng uy lực của vũ khí và khói đạn nhanh chóng xông lên bắn găm, bắn gần, đâm lē, đánh báng để tiêu diệt những tên còn sống sót.

Đánh ụ súng có nắp, lô cốt: lợi dụng góc tử giác, tiếp cận vào bên sườn, phía sau đặt thuốc nổ (lượng nổ khối) vào nơi mỏng yếu hoặc nhét thủ pháo, lựu đạn, thủ pháo vào lỗ bắn, cửa ra vào để tiêu diệt địch bên trong. Trường hợp lô cốt, ụ súng có hàng rào trùm phải dùng lượng nổ dài, lượng nổ khối để phá hoặc dùng kéo để cắt. Nếu lỗ bắn có lưới chắn, có thể buộc lựu đạn, thủ pháo thành chùm hoặc buộc móc vào thuốc nổ móc vào lưới để phá lưới, sau đó tiếp tục nhét lựu đạn, thủ pháo vào trong ụ súng, lô cốt. Khi lựu đạn hoặc

thủ pháo nổ, nhanh chóng xông vào bên trong bắn găm, bắn gần, đâm lê, đánh báng để tiêu diệt địch.

Nếu cửa ra vào địch đóng kín thì dùng thuốc nổ đặt vào nơi mỏng yếu để phá, sau đó tiêu diệt địch bên trong.

Trường hợp địa hình trống trải, địch kiểm soát chặt chẽ khó bí mật tiếp cận đến gần, phải lợi dụng địa hình, địa vật, khéo léo nghi binh, lừa địch để tiếp cận vào bên sườn phía sau diệt địch.

Trường hợp được trang bị B40, B41 vận động đến cự ly thích hợp bắn phá huỷ ụ súng, lô cốt rồi nhanh chóng xung phong lên lục soát, tiêu diệt nốt những tên địch còn sống sót.

- Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào

+ Đặc điểm mục tiêu:

Chiến hào, giao thông hào được hình thành bằng các đoạn chiến hào, giao thông hào nối liền nhau hoặc đứt đoạn. Cấu trúc theo kiểu gấp khúc, mỗi đoạn dài từ 5m đến 7m. Hào đào sâu, có nắp (bằng bê tông, gỗ, đất) hoặc không có nắp, cũng có thể hào được xếp nổi bằng bao cát. Thành hào phía trước thường cấu trúc các vị trí bắn. Liên kết các đoạn chiến hào, giao thông hào bằng các ngã ba, ngã tư hào. Dọc theo hào, địch có thể bố trí các loại vật cản như mìn dè nổ, mìn vương nổ, v.v. để ngăn chặn đối phương cơ động trong hào.

Khi chưa bị tiến công, địch lợi dụng đường hào để cơ động. Khi bị tiến công, địch lợi dụng hào sử dụng hỏa lực từ các công sự bắn, các ngã ba, ngã tư hào để ngăn chặn đối phương và để cơ động, phản kích. Khi có nguy cơ bị tiêu diệt, chúng tận dụng hào để rút chạy.

+ Cách đánh:

Trước khi đánh, chiến sĩ phải quan sát nắm chắc tình hình địch ở trên hào, địch dưới hào, tình hình đồng đội chiến đấu và địa hình, địa vật xung quanh để xác định cách đánh cụ thể cho phù hợp. Khi đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào phải triệt để lợi dụng các đoạn ngoặt của hào, thực hiện đánh chắc, tiến chắc, sục sạo kỹ, chia cắt quân địch ra từng bộ phận để tiêu diệt.

Trường hợp hào không có nắp:

Bí mật đến gần hào để xem xét, nghe ngóng, nếu có địch ở dưới hào, dùng lựu đạn, bắn găm, bắn gần tiêu diệt địch rồi mới nhảy xuống hào. Khi tiến ở dưới hào, súng cầm ở tư thế bắn găm, bắn gần, tùy theo hào sâu hay nông, rộng hay hẹp để vận dụng tư thế động tác vận động cho phù hợp. Thường phải lợi dụng đoạn hào ngoặt, tiến sát bên thành hào và dùng các tư thế vận động thấp để tiến.

Khi gặp ngã ba, ngã tư hào phải dùng mưu mẹo nghi binh lừa địch để thăm dò, phát hiện, nếu có địch thì ném lựu đạn, bắn gần vào các ngách hào tiêu diệt địch rồi mới vượt qua.

Nếu địch ném lựu đạn xuống hào phải nhanh chóng nhặt ném trở lại, hoặc đá hát ra xa; sau đó lợi dụng chỗ ngật của hào, hầm để ẩn nắp nhưng phải sẵn sàng đánh địch sau khi lựu đạn nổ. Khi gặp hỏa lực địch bắn phải nhanh chóng lợi

dụng ngách hào để tránh, sau đó dùng các biện pháp nghi binh, đánh lừa địch để tiêu diệt chúng.

Khi tiến dưới hào gặp chông, mìn, cạm bẫy...phải quan sát đề phòng địch bắn bất ngờ. Nếu chưa có địch thì tùy theo tình hình để dùng vũ khí, trang bị phá huỷ hoặc cắt, gỡ hoặc đánh dấu lại, sau đó vượt qua hoặc tìm đường tránh để tiếp tục tiến. Trường hợp không tiến theo hào được, phải nhanh chóng nhảy lên hào để tiến, trước khi nhảy lên hào phải quan sát phía trên hào có địch không, nếu có địch phải nổ súng kiểm chế hoặc thực hiện các động tác nghi binh, đánh lừa địch. Khi lên khỏi hào phải lợi dụng địa hình, địa vật vận động đánh vào bên sườn phía sau tiêu diệt địch, hoặc dùng hoả lực kiểm chế, phối hợp với đồng đội tiêu diệt địch.

Trường hợp làm nhiệm vụ đánh lướt, đánh nhanh địch ở dưới hào thì có thể ở trên hào vừa vận động vừa dùng lựu đạn, thủ pháo, bắn găm để khống chế, uy hiếp, tiêu diệt địch, nhanh chóng phát triển theo nhiệm vụ đã xác định.

Trường hợp hào có nắp:

Nếu hào có nắp từng đoạn có thể lợi dụng chỗ trống để lẳng lựu đạn, thủ pháo vào bên trong kết hợp bắn găm, bắn găm tiêu diệt địch, sau đó nhanh chóng vào lũng sục diệt nốt những tên địch còn sống sót ở bên trong. Khi vào sục sạo, diệt địch ở bên trong hào phải chú ý đề phòng địch ở trên hào.

Nếu hào có nắp kéo dài có thể dùng thuốc nổ đặt vào nơi mỏng yếu để phá sập từng đoạn rồi lẳng lựu đạn, thủ pháo, bắn găm tiêu diệt địch ở bên trong.

- Đánh địch trong căn nhà

+ Đặc điểm mục tiêu:

Từng người cùng với tổ có thể đánh địch trong căn nhà 1-2 phòng, căn nhà một tầng hoặc nhiều tầng.

Căn nhà thường được xây dựng kiên cố bằng gạch, đá, v.v, cấu trúc thành các phòng, có hệ thống cửa ra vào, cửa sổ. Bên ngoài cửa có đắp bao cát tạo thành các ụ chiến đấu. Đối với căn nhà nhiều tầng cấu trúc cầu thang thường ở bên trong, bên ngoài có thiết bị ống dẫn nước, cột thu lôi, v.v.

Địch bố trí thường kết hợp lực lượng trong nhà với lực lượng ở ngoài nhà. Trong nhà chúng thường lợi dụng cửa sổ, cửa ra vào, ô thoáng, v.v. bố trí hoả lực ngăn chặn đối phương ở các hướng. Các đoạn ngoặt của cầu thang địch thường bố trí hoả lực khống chế dọc cầu thang, bố trí vật cản ngăn chặn đối phương phát triển theo cầu thang.

Khi chưa bị tiến công, địch ở trong nhà lợi dụng cửa sổ, cửa ra vào, ô thoáng phối hợp lực lượng ở bên ngoài nhà quan sát phát hiện đối phương. Khi bị tiến công, chúng sử dụng hoả lực từ hệ thống cửa sổ, cửa ra vào, cầu thang và các thiết bị, vật kiến trúc trong nhà để ngăn chặn ta tiến công. Nguy cơ bị tiêu diệt, chúng thường lợi dụng các vật kiến trúc trong từng phòng để chống trả, cố thủ chờ lực lượng đến tăng viện hoặc cũng có thể rút chạy sang nhà khác.

+ Cách đánh:

Trường hợp bí mật tiếp cận sát nhà: phải lợi dụng địa hình, địa vật, nơi sơ hở của địch, bí mật vận động vào sát nhà (nơi ném được lựu đạn, thủ pháo,

bắn gần vào trong nhà được) bất ngờ dùng lựu đạn, thủ pháo ném vào trong nhà; sau khi lựu đạn, thủ pháo nổ lợi dụng cửa sổ, cửa ra vào bắn quyết vào bên trong đồng thời xông vào người áp vào thành tường, nơi kín đáo quan sát diệt nốt địch còn sống sót, giữ chắc phạm vi đã chiếm và chi viện cho đồng đội chiến đấu.

Nếu căn nhà có nhiều phòng thì căn cứ vào tình hình địch và nhiệm vụ của mình để dùng lựu đạn, thủ pháo đánh vào từng phòng trong phạm vi được phân công, đánh đến đâu sức sạo kỹ đến đó, đánh xong phòng này rồi mới phát triển sang phòng khác. Khi phát triển sang phòng khác phải chủ động khéo léo nghi binh lừa địch để tiến.

Trường hợp khó tiếp cận sát nhà: tìm mọi cách nghi binh lừa địch, thu hút địch về một hướng rồi vòng hướng khác nhanh chóng đến bên sườn phía sau tiếp cận sát nhà, bất ngờ dùng lựu đạn, thủ pháo và nổ súng tiêu diệt địch (cách đánh tiếp theo tương tự như trường hợp bí mật tiếp cận sát nhà).

Động tác đánh địch ở cầu thang: trước hết phải quan sát phát hiện địch bố trí cụ thể ở cầu thang, trên, dưới và xung quanh cầu thang; cấu trúc cụ thể của cầu thang, thẳng hay ngoặt sang bên nào để xác định những nơi ta có thể lợi dụng tiêu diệt địch và phát triển chiến đấu thuận lợi. Sau đó đột nhiên, bất ngờ dùng lựu đạn, thủ pháo và hoả lực bắn mạnh vào địch, lợi dụng lúc địch đang lúng túng, hoang mang nhanh chóng tiến lên (hoặc xuống) bắn gần, bắn gần, đâm lê, đánh báng tiêu diệt địch. Giữ chắc vị trí đã chiếm ở cầu thang, phối hợp với đồng đội từng bước phát triển đánh chiếm phần cầu thang còn lại.

Nếu cầu thang thẳng, có thể bất ngờ ném lựu đạn lên (hoặc xuống) đầu cầu thang rồi nhanh chóng xung phong vận dụng các tư thế bắn gần, bắn gần, đâm lê tiêu diệt địch ở cầu thang. Nếu cầu thang có đoạn ngoặt, lợi dụng phía tay vịn tiến đến gần chỗ ngoặt, bất ngờ ném lựu đạn hoặc vừa bắn vừa xung phong lên (hoặc xuống), vận dụng động tác đánh gần để tiêu diệt địch. Sau đó cùng với đồng đội phát triển đánh địch tiếp theo.

- Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép địch

+ Đặc điểm mục tiêu: Xe tăng, xe bọc thép địch có thể bố trí trong công sự hoặc cơ động, triển khai ngoài công sự.

Xe tăng, xe bọc thép khi bố trí trong công sự thường bố trí ở công sự nửa chìm, nửa nổi hoặc đắp đất, xếp bao cát xung quanh tạo thành công sự nổi, xung quanh có thể có lưới chắn đạn B41, B40, bên cạnh xe có các ụ chiến đấu bảo vệ.

Xe tăng, xe bọc thép khi cơ động có thể có bộ binh ngồi trên xe hoặc cơ động hai bên sườn, phía sau xe để chiến đấu bảo vệ xe khi bị đối phương tiến công.

Đặc điểm chung của xe tăng, xe bọc thép là có vỏ thép dày, hoả lực mạnh, sức cơ động cao. Nhưng tầm quan sát hạn chế, dễ bị tiêu diệt khi ta tiếp cận gần.

+ Cách đánh:

Trước khi đánh xe tăng hoặc xe bọc thép địch, chiến sĩ phải quan sát địa hình, địa vật xung quanh, xác định loại xe, lực lượng địch trên xe và xung quanh xe; vị trí bố trí hoặc hướng, đường, tốc độ vận động của xe; tính chất

hoạt động, nơi sơ hở của chúng. Căn cứ vào vũ khí, trang bị và nhiệm vụ của mình, ý định của người chỉ huy, địa hình địa vật, đặc điểm và tính chất cụ thể của mục tiêu để xác định cách đánh cho phù hợp.

+ Trường hợp đánh xe tăng hoặc xe bọc thép của địch dừng tại chỗ hoặc bố trí trong công sự: lợi dụng địa hình, địa vật, nơi sơ hở của địch, bí mật đến gần đột nhiên nổ súng tiêu diệt bộ binh trên xe hoặc xung quanh xe, sau đó nhanh chóng xông đến xe dùng thuốc nổ, thủ pháo, mìn, lựu đạn chống tăng, v.v. phá huỷ xe.

+ Trường hợp đánh xe tăng, xe bọc thép địch đang vận động: Thời cơ tốt nhất đánh xe tăng, xe bọc thép địch đang vận động là lúc xe vận động tốc độ chậm (khi xe đang vượt qua vật cản, leo dốc, cơ động trong đoạn đường cua, v.v.). Chiến sĩ nhanh chóng vận động đón đầu xe, nhảy lên xe dùng bộc phá đặt vào chỗ mỏng yếu của xe, điểm hỏa bộc phá phá huỷ xe; nhanh chóng nhảy xuống lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp. Khi bộc phá nổ, xông lên bắn găm, bắn gần tiêu diệt nốt tên địch còn sống sót. Nếu trên xe hoặc hai bên sườn phía sau xe có bộ binh đi kèm, phải phối hợp chặt chẽ với đồng đội để chia cắt bộ binh với xe, hoặc tiêu diệt bộ binh, sau đó thực hiện tiêu diệt xe.

Nếu chiến sĩ được trang bị súng diệt tăng B41, B40 thì dùng hỏa lực của hỏa khí để tiêu diệt xe.

- Đánh tên địch, tốp địch ngoài công sự

+ Đặc điểm mục tiêu:

Tên địch, tốp địch có thể đang cơ động hoặc đã triển khai đội hình chiến đấu chuẩn bị tiến công.

Tốp bộ binh địch khi vận động thường lợi dụng địa hình, địa vật như trục đường hoặc sườn đồi, bờ mương, máng, v.v. thành đội hình hàng dọc hoặc chữ A, chữ V, khi dừng lại chiếm địa hình có lợi, triển khai đội hình có tên ở phía trước, tên ở phía sau yểm hộ lẫn nhau.

Tốp bộ binh có xe tăng, xe bọc thép đi kèm khi cơ động có thể bộ binh ngồi trên xe hoặc bộ binh cơ động phía trước hoặc phía sau hai bên sườn xe. Khi dừng lại lợi dụng địa hình, địa vật có lợi, bộ binh thường bố trí phía trước và hai bên sườn xe.

Khi chưa bị tiến công, địch luôn cảnh giác quan sát phát hiện trên các hướng. Khi bị tiến công, nhanh chóng triển khai đội hình, lợi dụng địa hình, địa vật, kết hợp hỏa lực của bộ binh với hỏa lực của xe tăng, xe bọc thép chống trả quyết liệt. Nguy cơ bị tiêu diệt, chúng thường từng bước cơ động về phía sau dưới sự chi viện của hỏa lực hoặc lợi dụng địa hình có lợi và xe để ngăn chặn đôi phương, chờ lực lượng đến ứng cứu giải toả.

+ Cách đánh:

Trước khi đánh, chiến sĩ phải quan sát xác định vị trí, tính chất của mục tiêu, địa hình, địa vật xung quanh và tình hình cụ thể về ý định của người chỉ huy, bản thân, đồng đội để xác định cách đánh cho phù hợp.

Nếu địa hình kín đáo: bí mật vận động đến bên sườn, phía sau mục tiêu dùng lựu đạn, thủ pháo kết hợp bắn găm, bắn gần tiêu diệt địch.

Nếu địa hình trống trải: khéo léo nghi binh lừa địch, thu hút chúng về một hướng rồi bí mật, bất ngờ luồn sang hướng khác nhanh chóng vận động đến bên sườn phía sau mục tiêu để tiêu diệt địch hoặc khắc phục sự trống trải của địa hình rồi tiến lên khoảng cách thích hợp dùng vũ khí chế áp địch và nhanh chóng xung phong tiêu diệt địch.

Trong quá trình tiến công tên địch, tốp địch ngoài công sự phải chú ý hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội và luôn quan sát theo dõi đề phòng mục tiêu di chuyển.

- Trường hợp đánh 2; 3 mục tiêu địch xuất hiện cùng một lúc

Khi gặp 2; 3 mục tiêu địch xuất hiện cùng một lúc, chiến sĩ phải xác định mục tiêu nào nguy hại nhất để tiêu diệt trước, sau đó tiêu diệt các mục tiêu còn lại. Đánh đến đâu chắc đến đó. Cũng có thể dùng lựu đạn, thủ pháo đánh lướt nhanh các mục tiêu, sau đó quay lại lần lượt đánh, sục sạo, tiêu diệt từng mục tiêu. Phải khéo léo nghi binh lừa địch để khi đánh mục tiêu này không bị hoả lực của mục tiêu khác ngăn cản hoặc sát thương.

4. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu

Khi đánh chiếm được mục tiêu, chiến sĩ có thể được giao nhiệm vụ chốt giữ mục tiêu, phát triển chiến đấu, rời khỏi trận đánh, v.v.

Dù trong trường hợp nào người chiến sĩ cũng phải căn cứ vào nhiệm vụ được giao, tình hình địch và địa hình để tiến hành các công việc cho phù hợp.

Thứ tự nội dung tiến hành các công việc sau khi đánh chiếm được mục tiêu: nhanh chóng chiếm địa hình có lợi phòng tránh hoả lực địch sát thương, đồng thời kiểm tra lại súng, đạn, vũ khí trang bị và kết quả chiến đấu báo cáo với cấp trên. Sẵn sàng tham gia bắn máy bay bay thấp, trực thăng vũ trang, ngăn chặn bộ binh, xe tăng, xe bọc thép địch phản kích từ nơi khác đến. Cứu chữa thương binh, thu chiến lợi phẩm, bắt tù hàng binh, đưa thương binh nặng, tử sĩ, tù hàng binh về nơi qui định. Sẵn sàng nhận nhiệm vụ tiếp theo.

III. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

1. Tổ chức

- Lên lớp: Lấy lớp học làm đơn vị giảng dạy.
- Luyện tập: Luyện tập thực hành phân chia thành các tổ, nhóm 7-10 người (tiểu đội) để luyện tập. Quá trình luyện tập có người tập có người bình tập.

2. Phương pháp

a) Đối với giáo viên:

Giáo viên giảng theo trình tự các bước cơ bản sau:

Bước 1: Làm thủ tục thao trường, phổ biến ý định huấn luyện

- Làm thủ tục thao trường: Giáo viên nhận học sinh, nắm sĩ số, vật chất, trang bị mang theo; báo cáo cấp trên (nếu có); phổ biến những qui định ở thao trường như qui định nơi để vật chất huấn luyện, sách, vở; qui định việc đi lại, đứng trong hàng, khi giải lao v.v.

- Phổ biến ý định huấn luyện: Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, tổ chức và phương pháp của người dạy, người học.

Bước 2: Thực hành giảng nội dung theo giáo án xác định

- Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

Giáo viên lần lượt nêu nội dung nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật. Phân tích 2-3 yêu cầu chiến thuật. Khi phân tích từng yêu cầu, giáo viên giảng giải ngắn gọn các vấn đề (ý nghĩa; nội dung; biện pháp thực hiện yêu cầu) và dùng kinh nghiệm chiến đấu để chứng minh hoặc dùng phương án để minh họa ở thực địa.

- Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ

Giáo viên lần lượt giới thiệu nội dung cụ thể của chiến sĩ khi hiểu rõ nhiệm vụ, khi làm công tác chuẩn bị. Lấy ví dụ tại thực địa minh họa cho nội dung để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ.

- Hành động của từng người thực hành đánh chiếm mục tiêu

Khi giáo viên giảng nội dung này thường phân ra thành 2 giai đoạn: vận động đến gần mục tiêu và thực hành đánh chiếm mục tiêu.

+ Vận động đến gần mục tiêu: Giáo viên giảng giải rõ nội dung công việc của người chiến sĩ trước khi vận động và khi vận động. Sau đó làm mẫu, không tổ chức học sinh luyện tập.

+ Thực hành đánh từng loại mục tiêu: Đây là nội dung trọng tâm của đề mục (bài). Mỗi loại mục tiêu, giáo viên giảng theo trình tự:

Giảng nguyên tắc: Giáo viên nêu đặc điểm mục tiêu, cách đánh. Từng nội dung cụ thể giáo viên lấy kinh nghiệm chiến đấu chứng minh, hoặc phương án, mô hình ở thực địa, v.v. để minh họa.

Nêu tình huống.

Học sinh xử trí tình huống: có thể gọi học sinh trình bày bằng miệng hoặc bằng động tác.

Tổ chức mạn đàm ngắn; giáo viên phân tích, kết luận miệng cách xử trí.

Giáo viên kết luận bằng động tác mẫu.

Tổ chức luyện tập: Tùy theo việc chuẩn bị bãi tập để tổ chức luyện tập cho phù hợp, thông thường huấn luyện xong 2-3 mục tiêu mới tổ chức cho học sinh luyện tập.

Kiểm tra; nhận xét, chuyển nội dung huấn luyện.

- Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu

Trình tự cơ bản khi giảng nội dung: Giáo viên giảng nguyên tắc, nêu tình huống, sau đó có thể gọi học sinh trình bày cách xử trí, giáo viên kết luận bằng miệng.

Bước 3: Kết thúc huấn luyện

- Nhận xét.

- Đánh giá kết quả buổi học hoặc toàn bài.

- Chuyển nội dung.

* *Chú ý:*

Quá trình phân tích, giáo viên phân tích ngắn, gọn, dễ hiểu, chú ý giành nhiều thời gian cho học sinh luyện tập.

b) Đối với học sinh:

Kết hợp nhìn, nghe và ghi nắm nội dung. Khi luyện tập có người tập có người bình tập. Những động tác khó thường tập theo 3 bước: làm chậm (vừa làm vừa nghiên cứu từng cử động của động tác), làm nhanh, làm tổng hợp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đặc điểm mục tiêu, thủ đoạn đối phó của địch khi bị tiến công.
2. Yêu cầu chiến thuật khi đánh mục tiêu địch trong công sự, ngoài công sự.
3. Cách đánh từng loại mục tiêu.
4. Nội dung công việc chuẩn bị của chiến sĩ khi đánh chiếm một mục tiêu.

Bài 9

TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU PHÒNG NGỰ

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Huấn luyện cho sinh viên nắm được đặc điểm, thủ đoạn tiến công của địch; nội dung công tác chuẩn bị và hành động của từng người trong chiến đấu phòng ngự.
- Nắm được nội dung cơ bản về yêu cầu chiến thuật, công tác chuẩn bị và hành động chiến đấu của từng người trong phòng ngự; biết vận dụng kỹ thuật và các động tác chiến đấu cơ bản vào quá trình chiến đấu phòng ngự.

II. NỘI DUNG

1. Đặc điểm tiến công của địch

- Trước khi tiến công: địch thường sử dụng các lực lượng, phương tiện trinh sát từ trên không kết hợp với biệt kích, thám báo, bọn phản động nội địa ở mặt đất để phát hiện ta. Sử dụng hoả lực của máy bay, pháo binh đánh phá mãnh liệt với cường độ cao, liên tục, dài ngày vào trận địa phòng ngự của ta.
- Khi tiến công: Hoả lực các loại bắn vào các trận địa phía sau. Bộ binh, xe tăng, xe bọc thép thực hành xung phong vào trận địa phòng ngự của ta. Khi xung phong, xe tăng, xe bọc thép dẫn dắt bộ binh hoặc dừng lại ở tuyến xuất phát tiến công dùng hoả lực chi viện trực tiếp cho bộ binh xung phong.

Khi ta phòng ngự chưa vững chắc, địa hình thuận lợi cho xe tăng, xe bọc thép cơ động, v.v. có thể xe bọc thép địch chở bộ binh trực tiếp xung phong vào trận địa phòng ngự của ta. Cũng có thể lợi dụng đêm tối, sương mù, v.v. chúng bí mật tiếp cận áp sát trận địa phòng ngự của ta để bắt ngờ tiến công.

Khi chiếm được một phần trận địa, địch lợi dụng địa hình, địa vật, công sự giữ chắc nơi đã chiếm, đồng thời nhanh chóng cơ động lực lượng từ phía sau lên tiếp tục phát triển vào chiều sâu trận địa phòng ngự của ta.

- Sau mỗi lần tiến công bị thất bại: Địch thường lùi ra phía sau, củng cố lực lượng, dùng hoả lực đánh phá vào trận địa. Sau đó tiến công tiếp.

2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

a) Nhiệm vụ

Trong chiến đấu phòng ngự, chiến sĩ có nhiệm vụ cùng với tổ, tiểu đội đảm nhiệm các nhiệm vụ sau:

- Dựa vào công sự trận địa tiêu diệt và đánh bại địch tiến công ở phía trước, bên sườn, phía sau trận địa phòng ngự.

- Đánh địch đột nhập.

- Tham gia làm nhiệm vụ đánh địch vòng ngoài.

Ngoài ra còn tham gia làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, v.v. trong phạm vi trận địa phòng ngự.

b) Yêu cầu chiến thuật

- Có quyết tâm chiến đấu cao. Chuẩn bị mọi mặt chu đáo, bảo đảm đánh địch dài ngày.

- Xây dựng công sự chiến đấu vững chắc, ngày càng kiên cố, nguy trang bí mật.

- Thiết bị bắn chu đáo, phát huy được hỏa lực ngăn chặn và tiêu diệt được địch trên các hướng.

- Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội, bạn tạo thành thế liên hoàn đánh địch.

- Kiên cường, mưu trí, dũng cảm, chủ động, kiên quyết giữ vững trận địa đến cùng.

3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ

a) Hiểu rõ nhiệm vụ

Chiến sĩ thường nhận nhiệm vụ tại thực địa. Khi nhận nhiệm vụ phải kết hợp nhìn, nghe để nhớ kỹ. Nếu chưa rõ phải hỏi lại để cấp trên bổ sung cho hoàn chỉnh. Nội dung gồm:

- Phương hướng, vật chuẩn, đặc điểm địa hình nơi phòng ngự.

- Địch ở đâu, có thể tiến công từ hướng nào, đường nào, bằng phương tiện gì, thời gian địch có thể tiến công. Lực lượng, thủ đoạn, hành động cụ thể của địch khi tiến công.

- Phạm vi quan sát và diệt địch, v.v. yêu cầu nhiệm vụ được giao. Mục đích, ý nghĩa nơi phải giữ.

- Bạn có liên quan (bên phải, bên trái là ai, phạm vi quan sát và diệt địch của họ ở đâu, ...), cách liên lạc, báo cáo với cấp trên (kí, tín, ám hiệu hiệp đồng, báo cáo).

- Mức độ công sự, nguy trang, vật chất cần phải chuẩn bị, thời gian hoàn thành và thời gian sẵn sàng đánh địch.

b) Làm công tác chuẩn bị

- Xác định vị trí phòng ngự và cách đánh địch

- + Xác định vị trí phòng ngự:

Chiến sĩ phải căn cứ vào nhiệm vụ và ý định của cấp trên, nhiệm vụ của mình, tình hình địch (đường, hướng tiến công, thủ đoạn, cách đánh của chúng, ...), địa hình, thời tiết, vũ khí, trang bị, đồng đội liên quan để xác định vị trí phòng ngự cho thích hợp. Vị trí chiến đấu phải bảo đảm tiện đánh địch và chi viện cho đồng đội trên các hướng, bảo vệ mình và giữ vững mục tiêu.

Vị trí phòng ngự của từng người thường do tiểu đội, trung đội trưởng xác định, giao cho chiến sĩ.

Vị trí phòng ngự của từng người thường gồm mục tiêu cần giữ và một số địa hình, địa vật xung quanh.

Vị trí chiến đấu phòng ngự nên chọn ở nơi: Địa hình kín đáo, hiểm hóc, bất ngờ. Tiềm quan sát phát hiện địch trong mọi tình huống chiến đấu, mọi điều kiện thời tiết ngày, đêm. Tiềm cơ động, phát huy uy lực của vũ khí, tiềm hiệp đồng với đồng đội đánh được địch trên nhiều hướng, giữ vững vị trí được giao. Tiềm cải tạo địa hình xây dựng công sự vững chắc, bảo đảm đánh được địch liên tục, dài ngày.

+ Xác định cách đánh:

Phải xác định đánh địch trên các hướng, trong đó có hướng chính, hướng phụ. Trên mỗi hướng cần xác định đánh địch trong các trường hợp:

Đánh địch tiến công vào trận địa: Nắm vững thời cơ, kịp thời chiếm lĩnh vị trí chiến đấu, tăng cường quan sát nắm chắc tình hình mọi mặt, để địch vào trong tầm bắn hiệu quả, theo lệnh của người chỉ huy, tích cực, chủ động và hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội kết hợp dùng súng, mìn, lựu đạn, v.v. kiên quyết tiêu diệt, ngăn chặn địch, đánh bại địch tiến công, giữ vững vị trí được giao.

Đánh địch đột nhập trận địa: Nắm vững nhiệm vụ được giao (mục tiêu, đường vận động, nơi triển khai, cách đánh và thời cơ xung phong), bí mật lợi dụng công sự, địa hình, địa vật cơ động tiếp cận, chiếm lĩnh đúng vị trí, đúng thời gian qui định. Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội bắn chia cắt quân địch ở bên ngoài với quân địch đột nhập trận địa. Nắm vững thời cơ, bất ngờ xung phong, bắn găm, bắn gần, đâm lê, đánh báng tiêu diệt địch, nhanh chóng khôi phục lại vị trí đã bị mất.

- Bố trí vũ khí, làm công sự và vật cản

Sau khi xác định vị trí bố trí và xác định cách đánh địch, phải khẩn trương tổ chức bố trí vũ khí để sẵn sàng đánh địch, làm công sự chiến đấu, vật cản, hầm nghỉ ngơi, đường cơ động, ngụy trang, thiết bị bắn đêm, v.v. Khi bố trí vũ khí, làm công sự và bố trí vật cản phải kết hợp chặt chẽ với nhau tạo thành nơi phòng ngự vững chắc, ngăn chặn, tiêu diệt và đánh bại tiến công của địch, giữ vững vị trí được giao. Đồng thời khi bố trí vũ khí và làm công sự phải đúng ý định cấp trên.

+ Bố trí vũ khí:

Vũ khí bắn thẳng: bố trí ở nhiều vị trí, ở những nơi phát huy hết uy lực của vũ khí, bảo đảm hiểm hóc, bất ngờ và tiềm cơ động đánh địch trong mọi tình huống, cả ban ngày và ban đêm.

Vũ khí diệt tăng B40, B41, AT bố trí ở những nơi, những hướng tiềm diệt xe tăng, xe thiết giáp và các hoả điểm của địch. Mìn chống tăng thường bố trí ở những nơi dự kiến xe tăng, xe thiết giáp địch cơ động, triển khai; nơi địa hình có nhiều cản trở đến tốc độ cơ động của xe tăng, thiết giáp địch.

Sử dụng lựu đạn: chỉ nên dùng trong tầm có hiệu quả (thông thường khi địch cách vị trí chiến đấu khoảng 20-30m) hoặc dùng làm bẫy, vật cản như các loại mìn.

+ Công sự và đường cơ động:

Công sự chiến đấu phải có công sự chính, phụ, có đủ thiết bị bắn ban ngày, ban đêm kết hợp có hầm ếch, hầm còi để ẩn nấp. Công sự trận địa phải được xây dựng thật vững chắc, kiên cố nhất là ở những nơi địch trực tiếp uy hiếp đến trận địa của mình và bảo đảm được yêu cầu vừa sẵn sàng chiến đấu cao, vừa tránh được sát thương do hỏa lực địch.

Nối liền các hố chiến đấu với hầm nghỉ ngơi, hầm ẩn nấp phải khéo léo kết hợp, lợi dụng địa hình, địa vật để làm các đoạn hào chiến đấu, hào giao thông để làm đường cơ động. Thành hào phía trước phải cấu trúc các vị trí bắn bảo đảm tiện cơ động trong quá trình ngăn chặn, tiêu diệt địch.

Xây dựng công sự chiến đấu trước, công sự ẩn nấp sau, vị trí chính trước, phụ sau. Công sự và đường cơ động phải được ngụy trang kín đáo, bí mật, đào đến đâu ngụy trang ngay đến đó.

+ Vật cản:

Vật cản bao gồm chông, mìn các loại, cạm bẫy, cửa sập, củ ấu, v.v. bố trí ở những nơi địch tiếp cận triển khai tiến công, những nơi khuất ta khó quan sát phát hiện địch. Vật cản thường do cấp trên bố trí, cũng có thể chiến sĩ được giao nhiệm vụ bố trí các loại vật cản, khi bố trí phải thực hiện nghiêm những qui định của cấp trên, vật cản phải kết hợp chặt chẽ với công sự và hỏa lực của bản thân, tiện sử dụng và bảo vệ.

- Chuẩn bị vật chất bảo đảm cho chiến đấu

Trong chiến đấu phòng ngự, vật chất bảo đảm chiến đấu thường gồm các loại vũ khí, trang bị, như: súng, đạn, lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng công sự trận địa, v.v.

Để thực hiện tốt yêu cầu chiến đấu phòng ngự, một trong những yếu tố hết sức quan trọng là bảo đảm vật chất, do đó từng người phải tích cực, chủ động chuẩn bị đầy đủ, toàn diện trên tất cả các mặt, cả số lượng và chất lượng bảo đảm cho chiến đấu liên tục, dài ngày.

Vũ khí, lương thực, thực phẩm ngoài số có thường xuyên, phải có một lượng cần thiết để dự trữ chiến đấu. Lượng dự trữ chiến đấu nhiều hay ít phải căn cứ vào qui định của cấp trên, tùy theo yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu và khả năng của ta để xác định lượng cụ thể cho phù hợp. Đồng thời từng người phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản thật tốt vũ khí trang bị, vật chất được trang bị.

Các loại dụng cụ và vật liệu xây dựng công sự trận địa, như: xẻng, cuốc, tre, gỗ, ngụy trang, v.v. phải được chuẩn bị trước khi chiếm lĩnh xây dựng trận địa và bảo đảm hết sức chu đáo, đầy đủ. Căn cứ vào qui định cụ thể của người chỉ huy và thực trạng nguyên vật liệu hiện có để chuẩn bị cho phù hợp. Quá trình xây dựng công sự trận địa phải triệt để tận dụng nguyên vật liệu tại chỗ.

4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu

a) Khi địch chuẩn bị tiến công

Trước khi tiến công địch thường dùng các lực lượng, phương tiện trinh sát từ trên không và từ mặt đất như máy bay, biệt kích, bọn phản động nội địa để phát hiện trận địa của ta, do đó mọi hành động của từng người phải hết sức bí mật, không để địch từ trên không hay từ mặt đất phát hiện, chấp hành

nghiêm túc mọi qui định về đi lại, sinh hoạt, ăn ở, luôn sẵn sàng chiến đấu cả ban ngày và ban đêm.

Khi địch dùng hoả lực của máy bay, pháo binh, tên lửa đánh phá vào trận địa phải triệt để lợi dụng công sự trận địa, địa hình, địa vật để ẩn nấp, tránh sát thương, đồng thời phải tích cực, chủ động quan sát nắm chắc tình hình mọi mặt, nhất là tình hình địch trong phạm vi đảm nhiệm. Nếu địch tập kích chất độc hoá học vào khu vực trận địa, phải nhanh chóng dùng khí tài phòng hoá (chế sẵn hoặc ứng dụng) để phòng chống, đồng thời sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, kịp thời dùng kí, tín, ám hiệu (theo hiệp đồng) báo cáo với cấp trên và thông báo cho đồng đội biết để phòng tránh.

Trường hợp địch dùng máy bay, pháo binh đánh phá nhưng chưa tiến công bằng bộ binh hoặc bộ binh cơ giới, thì sau mỗi đợt đánh phá của địch phải tranh thủ sửa chữa, củng cố lại công sự, vật cản, chông mìn, v.v. để sẵn sàng đánh địch. Nếu được lệnh bắn máy bay địch, chiến sĩ phải nắm vững thời cơ, hiệp đồng chặt chẽ với tổ, tiểu đội và bạn để bắn máy bay địch.

Trường hợp làm nhiệm vụ quan sát hay trực chiến của tiểu đội, trong quá trình địch trinh sát, bắn phá chuẩn bị, chiến sĩ phải bình tĩnh, chủ động tăng cường quan sát phát hiện địch và kịp thời báo cáo với cấp trên, thông báo với bạn. Khi cần thiết có thể dùng vũ khí để tiêu diệt những tên, tốp địch tiến vào gần trận địa theo lệnh của người chỉ huy.

b) Khi địch tiến công

- Căn cứ vào cách đánh đã chọn và tình hình cụ thể về địch, ta để tranh thủ thời cơ lúc pháo địch chuyển làn, bộ binh, xe tăng, xe thiết giáp địch đang vận động, khói bom, đạn chưa tan nhanh chóng, bí mật chiếm vị trí chiến đấu, chờ địch đến gần, nắm vững thời cơ (có lệnh của cấp trên, địch vào trong tầm bắn hiệu quả, ...) bất ngờ dùng vũ khí (bắn súng, ném lựu đạn, nổ mìn,...) tiêu diệt địch, trước hết nhằm những xe địch, tên địch, tốp địch gần nhất, những tên chỉ huy, thông tin, những tên giữ súng máy, phóng lựu,... tiêu diệt trước. Kiên quyết tiêu diệt và ngăn chặn, không cho địch đến gần mục tiêu đảm nhiệm.

- Quá trình đánh địch, phải luôn quan sát nắm chắc diễn biến về địch, khéo nghi binh, lừa địch, linh hoạt, luôn tạo ra thế chủ động, bất ngờ đánh địch, giữ vững trận địa.

- Trường hợp địch chiếm được một phần trận địa, phải dựa vào công sự kiên quyết bám trụ giữ vững những công sự, phạm vi còn lại, dùng vũ khí đánh gần tiêu diệt địch, ngăn chặn không cho địch phát triển, báo cáo với cấp trên, sau đó phối hợp chặt chẽ với đồng đội khôi phục lại trận địa.

Khi được lệnh tham gia phản kích khôi phục trận địa phòng ngự của bạn, phải nắm chắc nhiệm vụ, ý định của trên và nhiệm vụ của bản thân, bí mật vận động đúng đường, vào đúng vị trí, đúng thời gian qui định, nắm chắc thời cơ xung phong, hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội xung phong bắn găm, bắn gần, đâm lê, đánh báng tiêu diệt địch đột nhập khôi phục lại trận địa bị mất.

- Trường hợp địch không trực tiếp đánh vào trận địa của mình, nhưng đánh vào trận địa phòng ngự của đồng đội, chiến sĩ phải tích cực, chủ động, hiệp đồng chặt chẽ, chi viện và hỗ trợ cho đồng đội tiêu diệt địch.

Trong quá trình chiến đấu, với mọi tình huống, chiến sĩ phải nắm chắc tình hình diễn biến về địch, mệnh lệnh của cấp trên, đồng thời tích cực, chủ động đánh bại địch tiến công và kịp thời xử trí các tình huống.

c) Sau mỗi lần đánh bại địch tiến công

Sau mỗi lần tiến công bị thất bại, địch thường lùi về phía sau, dùng hỏa lực của không quân, pháo binh, tên lửa đánh phá vào trận địa phòng ngự của ta, sau đó tiếp tục tiến công. Vì vậy, chiến sĩ phải căn cứ vào tình hình cụ thể để kiên quyết, chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Khi địch rút chạy phải căn cứ vào ý định, mệnh lệnh của cấp trên, tình hình địch cụ thể để tích cực, chủ động sử dụng hỏa lực của bản thân phối hợp chặt chẽ với đồng đội bắn truy kích tiêu diệt những tên địch, xe chiến đấu của địch trong tầm bắn hiệu quả.

- Phán đoán thủ đoạn tiến công mới của địch để bổ sung cách đánh cho phù hợp.

- Chủ động cứu chữa thương binh, củng cố công sự trận địa, bổ sung vật chất, v.v. báo cáo tình hình với cấp trên. Sẵn sàng đánh địch tiến công tiếp theo.

III. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

1. Tổ chức

a) Lên lớp: lấy lớp học làm đơn vị lên lớp.

b) Luyện tập: phân chia 7-10 người thành một nhóm (tiểu đội) trong đội hình lớp để luyện tập. Trong nhóm có người tập, người bình tập.

2. Phương pháp giảng dạy

a) Đối với giáo viên:

- Huấn luyện theo phương pháp đội ngũ chiến thuật, giảng lý thuyết gắn với động tác thực hành và minh họa tại thực địa, kết hợp lấy kinh nghiệm chiến đấu để chứng minh (nếu có).

- Sau khi phổ biến thủ tục thao trường và quán triệt ý định huấn luyện cho lớp học, giáo viên tiến hành giảng thứ tự từng nội dung theo giáo án đã xác định.

- Khi giảng từng nội dung hay từng vấn đề huấn luyện, giáo viên thường tiến hành trình tự theo các bước: nêu tiêu đề (tên) nội dung huấn luyện (vấn đề huấn luyện); yêu cầu đạt được; giảng giải nội dung (giảng nội dung lý thuyết hoặc thực hành); phân chia luyện tập (đối với nội dung thực hành chiến đấu); kiểm tra; nhận xét; chuyển nội dung huấn luyện tiếp theo.

- Giảng nội dung đặc điểm tiến công địch hoặc nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật giáo viên vận dụng phương pháp giảng giải, phân tích nội dung, kết hợp minh họa tại thực địa và chứng minh bằng kinh nghiệm chiến đấu (nếu có).

* *Ví dụ:* Giáo viên giảng nội dung “*Đặc điểm tiến công của địch*”, tiến hành như sau:

+ Nêu tiêu đề nội dung: Đặc điểm tiến công của địch.

+ Nêu yêu cầu đạt được khi học nội dung đặc điểm tiến công của địch.

+ Giảng giải nội dung đặc điểm về địch: giáo viên lần lượt nêu nội dung cụ thể về đặc điểm của địch trước khi tiến công, khi tiến công, sau mỗi lần tiến công bị thất bại. Trong mỗi nội dung giáo viên phân tích, kết hợp dùng kinh nghiệm chiến đấu (nếu có) để chứng minh hoặc dùng phương án tại thực địa (bãi tập) để minh họa.

+ Kiểm tra: (nếu cần).

+ Nhận xét lớp học.

+ Chuyển nội dung giảng dạy.

- Giảng một nội dung thực hành theo thứ tự cơ bản: giới thiệu nguyên tắc; nêu tình huống; làm động tác mẫu; tổ chức luyện tập. Trước khi làm động tác mẫu, giáo viên có thể gọi 2-3 học sinh trình bày cách xử trí hoặc làm động tác, sau đó tổ chức mạn đàm ngắn, kết luận, tổ chức luyện tập (nếu cần), kiểm tra, nhận xét, chuyển nội dung giảng dạy.

* Ví dụ: Giáo viên giảng nội dung “*Hành động của từng người khi địch chuẩn bị tiến công*”, giáo viên tiến hành trình tự như sau:

+ Nêu tên nội dung huấn luyện: “*Hành động của từng người khi địch chuẩn bị tiến công*”.

+ Nêu yêu cầu đạt được khi học nội dung hành động của từng người khi địch chuẩn bị tiến công.

+ Giới thiệu nguyên tắc: Nêu toàn bộ nội dung thủ đoạn của địch khi chuẩn bị tiến công và hành động của từng người khi địch chuẩn bị tiến công. Dùng kinh nghiệm chiến đấu chứng minh hoặc dùng phương án ở thực địa để minh họa.

+ Nêu tình huống.

+ Gọi 2-3 học sinh trình bày bằng miệng cách xử trí hoặc xử trí thông qua làm động tác. Sau đó cho học sinh tham gia ý kiến (2-3 học sinh).

+ Kết luận bằng động tác mẫu.

+ Tổ chức luyện tập: (nếu cần).

+ Kiểm tra.

+ Nhận xét.

+ Chuyển nội dung huấn luyện

- *Chú ý*: Giáo viên khi giảng giải, phân tích ngắn gọn, dễ hiểu, tập trung chủ yếu vào những nội dung trọng tâm, trọng điểm và giành nhiều thời gian cho học sinh luyện tập.

b) *Đối với học sinh*:

Quá trình học phải kết hợp nhìn, nghe và ghi để nắm nội dung. Khi luyện tập, tập theo hướng dẫn của giáo viên và phải có người tập, người bình tập.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đặc điểm, thủ đoạn của địch, trong quá trình tiến công và khi tiến công bị thất bại tiến công.

2. Yêu cầu chiến thuật. Nội dung chuẩn bị chiến đấu của chiến sĩ trong phòng ngự.

3. Hành động của chiến sĩ khi địch xung phong, khi địch đột nhập.

Bài 10

KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIÊU LIÊN AK

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Huấn luyện cho sinh viên một số nội dung cơ bản về lý thuyết ngắm bắn; động tác thực hành ngắm chụm và trúng, thành thực động tác thực hành bắn, biết bắn trúng vào mục tiêu cố định có tính điểm.

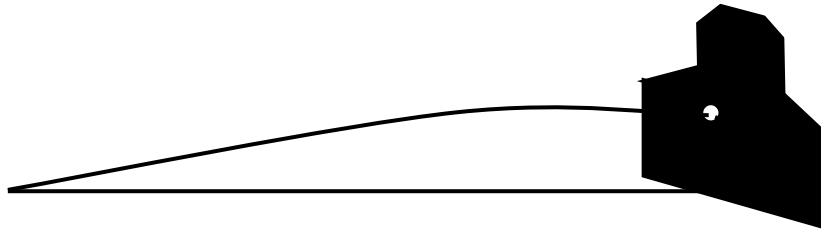
- Biết vận dụng một cách thành thạo lý thuyết ngắm bắn vào động tác thực hành bắn; tích cực luyện tập bắn mục tiêu cố định đạt kết quả cao nhất

II. NỘI DUNG

a) Khái niệm về ngắm bắn

- Tại sao phải ngắm bắn

Trong bắn súng, muốn bắn trúng mục tiêu phải ngắm bắn. Khi bắn đầu đạn vận động trong nòng súng ra ngoài không khí, ngay lập tức đầu đạn chịu tác động của không khí và lực hút trái đất, tạo thành đường cong không cân đối, nên người bắn phải xác định góc bắn, để cho quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

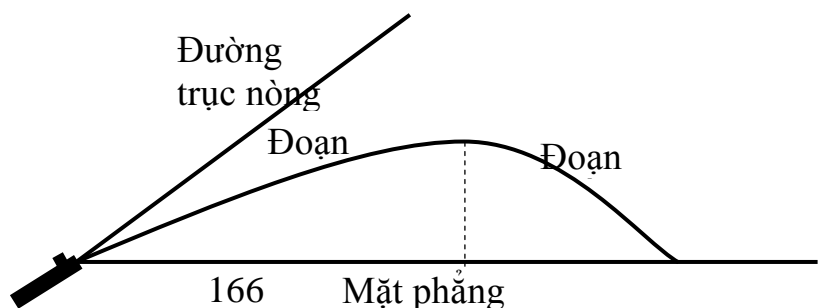


Hình1: Quỹ đạo đường đạn

Đối với súng tiêu liên AK ở cự ly 50m đầu đạn dần dần tách ra khỏi đường phóng, đồng thời chuyển động theo quán tính.

Vì vậy để đạn trúng một điểm trên mục tiêu, không thể đưa thẳng nòng súng vào điểm định bắn mà phải hướng nòng súng chệch lên trên 1 góc nhất định (góc bắn) để điểm chạm (điểm rơi) của đầu đạn trúng vào điểm định bắn trúng.

Nếu gọi đường đạn là đường do trọng tâm đầu đạn vạch ra trong không gian, có thể hình dung đường đạn là một đường cong không cân đối, đoạn đi lên (V_{max}) bao giờ cũng dài hơn đoạn đường đạn đi xuống (hình 2)



Hình 2: Đường đạn trong không gian

Để lấy hướng bắn và góc bắn nhanh chóng, chính xác người ta làm sẵn bộ phận ngắm trên súng. Sau khi người bắn ước lượng cự ly bắn, lấy thước ngắm tương ứng, dùng bộ phận ngắm ngắm vào mục tiêu, khi lấy được đường ngắm chính xác thực hiện bóp cò. Làm như vậy gọi là ngắm và bắn.

Vậy: *Ngắm là đóng súng vào mục tiêu, lấy góc bắn và hướng bắn để đưa quỹ đạo đường đạn vào điểm định bắn.*

b) Thứ tự thực hành ngắm

- Lấy thước ngắm

Người bắn căn cứ vào cự ly từ người bắn đến mục tiêu là bao nhiêu mét, thực hiện động tác lấy thước ngắm (lấy thước ngắm về tầm).

Ví dụ: Cự ly 300m, lấy thước ngắm 3.

Thực chất của bước này là tạo góc tương ứng giữa đường ngắm và trục nòng súng, tạo cho súng một góc bắn về tầm khi bắn.

- Lấy đường ngắm cơ bản

Lấy đường ngắm cơ bản thực chất là tạo cho súng một góc bắn về tầm và về hướng

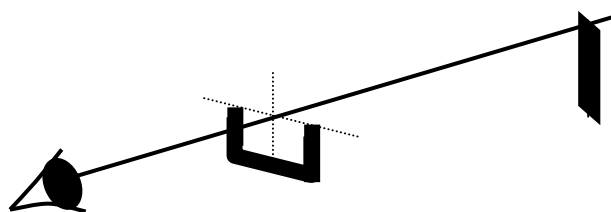
Nội dung lấy đường ngắm cơ bản là giống một đường thẳng từ mắt người ngắm qua khe thước ngắm đến đỉnh đầu ngắm, sao cho đỉnh đầu ngắm ở chính giữa và ngang bằng với 2 mép trên của thành khe ngắm (hoặc tâm lỗ ngắm) với điều kiện mặt súng không bị nghiêng

Việc lấy đường ngắm cơ bản có ý nghĩa quyết định đến tính chính xác của đường ngắm, hay độ chính xác của góc bắn về tầm và về hướng đối với mục tiêu (hình 3a, 3b)

+ Đường ngắm cơ bản

Với thước ngắm cơ khí:

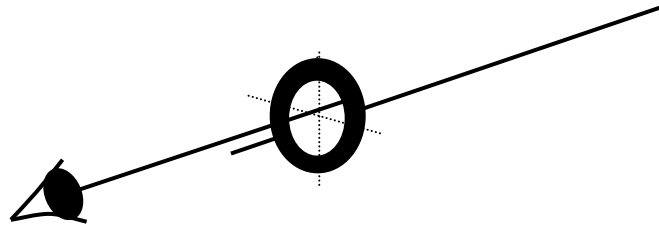
Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt ngắm qua chính giữa mép trên khe ngắm (tâm lỗ ngắm) đến chính giữa đỉnh đầu ngắm.



Hình 3a: Đường ngắm cơ bản với thước ngắm cơ khí

Với kính ngắm quang học:

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt qua tâm kính nhìn tới giao điểm của vạch khắc tầm và vạch khắc hướng đã xác định với điều kiện kính phải sáng tròn đều.



Hình 3b: Đường ngắm cơ bản với kính ngắm quang học

- Lấy đường ngắm đúng

Trong chiến đấu không phải lúc nào mục tiêu cũng ở cự li chắn tương ứng cự li ghi trên thước ngắm, ngoài ra đầu đạn còn chịu ảnh hưởng của gió, mật độ không khí, nhiệt độ môi trường...

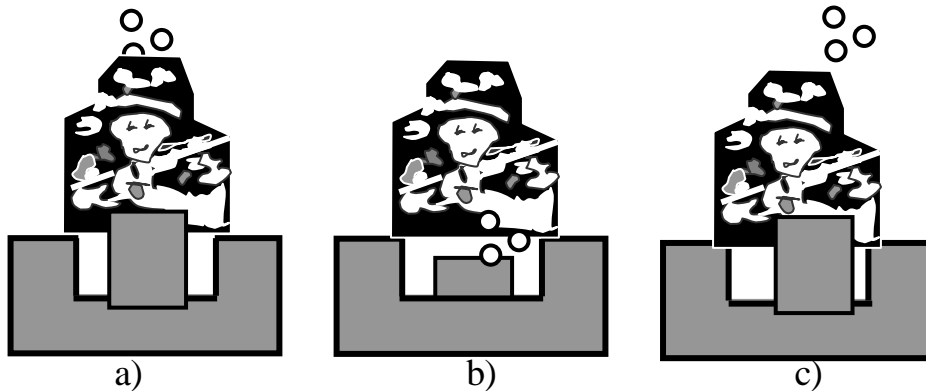
Lấy đường ngắm đúng là đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu

Việc lấy đường ngắm là một quá trình phối hợp liên tục giữa lấy đường ngắm cơ bản và đưa đường ngắm cơ bản vào điểm định ngắm trên mục tiêu, phải được duy trì trong suốt quá trình bắn (bắn phát một hoặc trong một loạt bắn liên thanh). Do đặc điểm mắt ngắm chỉ nhìn rõ được 2 điểm còn một điểm trên mục tiêu thường bị mờ.

c) Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn

- Lấy sai đường ngắm cơ bản

Lấy sai đường ngắm cơ bản là sai góc bắn về tâm và hướng bắn đối với mục tiêu nghĩa là: Lấy thước ngắm không đúng, đỉnh đầu ngắm không ở chính giữa và ngang bằng với 2 mép trên của thành khe ngắm (Hình 4)



Hình 4: Đường ngắm cơ bản sai

- a. Đầu ngắm cao hơn khe ngắm ; b. Đầu ngắm thấp hơn khe ngắm;
c. đầu ngắm cao hơn khe ngắm và lệch sang phải

Nếu đầu ngắm cao hơn khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu cao hơn so với điểm định bắn trúng (Hình 4a). Nếu đầu ngắm thấp hơn khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu thấp hơn so với điểm định bắn trúng (Hình 4b). Nếu đầu ngắm cao hơn khe ngắm và lệch sang phải thì điểm chạm trên mục tiêu cao và lệch sang bên phải so với điểm định bắn trúng (Hình 4c).

Bảng chỉ số sai lệch của đạn ở một số cự li của súng trường, tiểu liên có cùng mức sai lệch về đường ngắm cơ bản.

- Mặt súng nghiêng

Mặt súng nghiêng là hiện tượng mép trên thành khe ngắm không song song với mặt phẳng ngang. Khi bắn mặt súng nghiêng về bên nào thì đạn lệch về bên đó và thấp xuống.

- Lấy sai điểm ngắm

Khi bắn ngắm sai điểm ngắm bao nhiêu đạn sai lệch bấy nhiêu

Ví dụ: Khi người ngắm, ngắm sai so với điểm ngắm 5cm thì điểm chạm sai là 5cm so với điểm định bắn trúng.

Vì vậy trong quá trình ngắm mặc dù súng có rung động nhỏ, nếu người bắn lấy đường ngắm cơ bản đúng, đường ngắm đúng chuẩn xác, khi người bắn thực hành bóp cò kết thúc phát bắn đạn vẫn trúng mục tiêu.

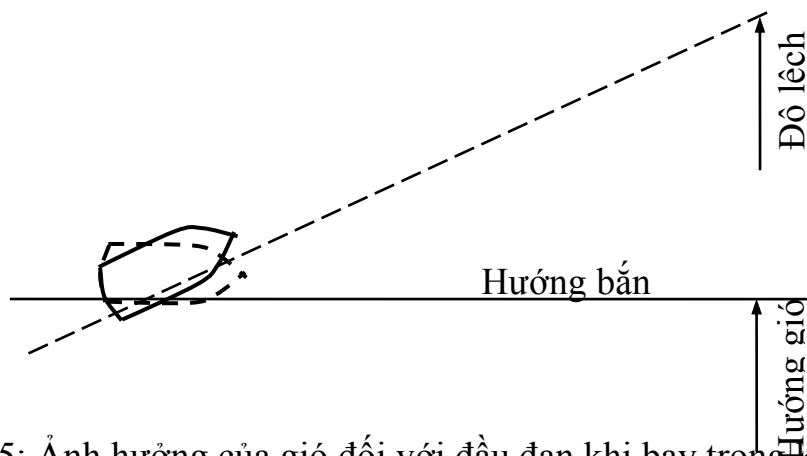
- Ảnh hưởng của gió

Ảnh hưởng của gió dọc theo hướng bắn: Nếu gió xuôi theo hướng bắn làm cho đầu đạn bay cao và xa hơn, nếu hướng gió ngược chiều với hướng bắn làm cho đầu đạn thấp xuống đạn gần hơn so với điểm định bắn trúng; nhưng đối với đạn súng bộ binh thông thường có sơ tốc lớn: (AKM :715m/s; RPĐ: 739m/s; súng đại liên PKMS: 825m/s) nếu bắn trong tầm bắn thẳng, ảnh hưởng gió dọc là không đáng kể.

Ảnh hưởng của gió ngang sẽ làm đạn lệch theo hướng theo chiều xuôi hướng gió; gió thổi từ phải sang trái làm đạn lệch sang trái và ngược lại (hình 5), nếu đạn có sơ tốc lớn ảnh hưởng của đầu đạn đến kết quả bắn là không đáng kể.

Ví dụ: Khi bắn súng AK; CKC; RPĐ khi gió thổi ngang so với hướng bắn ($70^\circ \div 90^\circ$), cự li 200m, tốc độ gió 2m/s mức sai lệch là 6cm; tốc độ gió 3m/s mức sai lệch là 10cm; tốc độ gió 4m/s mức sai lệch là 14cm.

Qua ví dụ trên ta có thể rút ra kết luận, khi bắn ở cự ly trong tầm bắn thẳng của các loại súng bộ binh có sơ tốc đầu đạn lớn, ảnh hưởng của đầu đạn là không đáng kể, nếu người bắn làm đúng động tác bắn, đảm bảo đạn vẫn trúng và chụm.



Hình 5: Ảnh hưởng của gió đối với đầu đạn khi bay trong không khí

2. Ngắm chụm và trúng

a) Ý nghĩa ngắm chụm và trúng

- Giúp cho người tập biết được mức độ chính xác đường ngắm của người tập khi thực hiện động tác ngắm bắn, biết độ trúng và độ chụm, điểm ngắm

sang phải hay sang trái, cao hay thấp... trong quá trình luyện tập để rèn luyện sửa đường ngắm cho người tập có kết quả tập tốt nhất.

- Giúp cho người chỉ huy (cán bộ) biết được mức độ tập của từng người để chỉ đạo giúp đỡ trong quá trình tập bắn

b) Tập ngắm chụm

- Vật chất tập ngắm chụm gồm: Súng CKC, AK; bệ ngắm; bao cát; bảng ngắm chụm có dán giấy trắng; đồng tiền di động (dụng cụ báo bia); bút chì đen vót nhọn.

- Thứ tự tập

+ Người phục vụ: Cắm bảng ngắm chụm có dán giấy trắng ở cự li 10m (cự li được tính từ tâm bệ đặt súng đến vị trí cắm bảng ngắm); làm xong ngồi sang phải hoặc trái, quay mặt vào bia phục vụ cho người tập ngắm, tay phải cầm đồng tiền di động, 3 ngón tay (ngón tay cái, ngón trỏ và ngón giữa) cầm cán đồng tiền, ngón đeo nhẫn và ngón út tì lên thành hoặc kẹp phía sau bảng ngắm để tránh sự rung động; đầu tiên đặt đồng tiền áp sát vào mặt bia ở một vị trí nhất định trên bảng ngắm chụm.

+ Người tập làm động tác nằm chuẩn bị bắn: Đặt súng trên bệ. (Trước khi đặt súng, tháo hộp tiếp đạn đặt sang một bên cạnh bệ ngắm), người ngắm thực hành điều chỉnh súng thẳng hướng bia và bắt đầu ngắm; khi ngắm, một tay chống vào cầm đỡ cho đầu khỏi rung động, một tay điều chỉnh súng đưa đường ngắm cơ bản vào chính giữa mép dưới vòng đen của đồng tiền (chú ý không được tỳ súng vào vai và điều chỉnh để ngắm); khi đã ngắm được người ngắm hô “được” và không đụng tay vào súng và hô tiếp “chắm”.

+ Người phục vụ: Giữ đồng tiền ở nguyên vị trí, dùng bút chì vót nhọn chấm thẳng vuông góc lỗ chính giữa tâm bia đồng tiền đen vào bảng bia có dán giấy trắng, sau khi chấm xong đưa bia đồng tiền ra chỗ khác, cách điểm vừa chấm từ 2cm ÷ 4cm.

+ Người tập: Súng để nguyên vị trí (không động vào súng), 2 tay chống vào má để đầu khỏi rung, tiếp tục ngắm và điều khiển người phục vụ đưa đồng tiền về vị trí ngắm lần đầu; cách điều khiển có thể dùng ký hiệu hoặc lời nói; khi vòng tròn đen của đồng tiền đã vào đúng đường ngắm (điểm ngắm trước); hô “chắm”; cứ như vậy tiếp tục ngắm tiếp lần 3;

Chú ý: (Trong quá trình ngắm không xô dịch người). Ngắm từ lần thứ 2 trở đi nếu động vào súng người tập phải ngắm lại từ đầu.

+ Người phục vụ: Sau mỗi lần đánh dấu bằng chì “chấm” xong đưa đồng tiền ra khỏi vị trí đánh dấu “chấm” như lần đầu.

Sau khi người tập đã ngắm xong 3 lần, người phục vụ dùng bút chì khoanh 3 điểm vừa chấm, đánh số lần ngắm, dùng 3 lỗ trên đồng tiền kiểm tra độ chụm của người tập để đánh giá kết quả tập như sau:

Loại giỏi: 3 điểm ngắm được chấm, lọt vào lỗ có đường kính 2mm

Loại khá: 3 điểm ngắm được chấm, lọt vào lỗ có đường kính 5mm

Loại đạt: 3 điểm ngắm được chấm, lọt vào lỗ có đường kính 10mm

c. Ngắm chụm và trúng

Giống như ngắm chụm chỉ khác: Trước khi người tập vào ngắm, giảng viên hoặc cán bộ hoặc người ngắm giỏi lấy đường ngắm đầu tiên làm chuẩn

(có thể dùng tập thể 3÷ 4 người ngắm giỏi kiểm tra chính xác); ngắm xong đánh dấu lại, coi đó là điểm kiểm tra. Súng để nguyên trên bệ tập; sau đó gọi từng người vào tập ngắm đủ 03 lần, ngắm xong ngoài việc bình độ chụm còn bình về độ trúng so với điểm kiểm tra. Cách bình thành tích ngắm trúng như sau:

- Tìm điểm ngắm trung bình của 3 điểm vừa ngắm
- So sánh điểm ngắm trung bình với điểm kiểm tra

Loại giỏi: Cách điểm kiểm tra 5cm trở lại

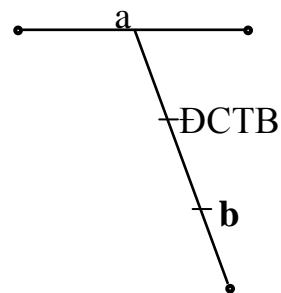
Loại khá: Cách điểm kiểm tra 10cm trở lại

Loại giỏi: Cách điểm kiểm tra 15cm trở lại

Ngắm chụm và ngắm trúng cần nâng dần từ dễ đến khó, lúc đầu không hạn chế thời gian, sau khi đã ngắm được giảng viên hoặc cán bộ phải hạn chế thời gian đối với người tập để rèn cho người tập ngắm nhanh và chính xác.

- Cách tìm điểm ngắm trung bình của 03 điểm vừa ngắm như sau:

- Tìm điểm chạm trung bình (Hình 6): Nối 2 điểm chạm gần nhất với nhau, được đoạn thẳng a, chia đoạn thẳng a thành 2 phần bằng nhau, nối điểm giữa đoạn thẳng a với điểm chạm thứ 3 được đoạn thẳng b, chia đoạn thẳng b thành 3 phần bằng nhau, điểm chia đoạn thẳng b gần điểm nối với đoạn thẳng a là điểm chạm trung bình của 3 điểm chạm, viết tắt là: (ĐCTB).



Hình 6: Điểm chạm trung bình

3. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK

a) Động tác nằm bắn

- Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu khi điều kiện địa hình không cho phép người bắn không thể vận dụng các tư thế quỳ, đứng bắn. Theo lệnh của người chỉ huy, người bắn phải thực hiện động tác nằm bắn để tiêu diệt mục tiêu...

- Động tác nằm bắn không tỳ

Động tác chuẩn bị bắn

+ Khẩu lệnh: "Mục tiêu.....nằm chuẩn bị bắn!".

+ Động tác: Người bắn tay phải xách súng lên ngang thắt lưng, nòng súng chéch lên trên về trước hợp với thân người một góc 45^0 .

Cử động 1: Chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải.

Cử động 2: Chông bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20 cm, mũi bàn tay hướng chéch về bên phải phía sau, thứ tự đặt cánh tay, khuỷu tay trái, đùi trái xuống đất.



Hình 7: Nằm chuẩn bị bắn

Cử động 3: Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái ngửa đỡ lấy thân súng khoảng dưới thước ngắm, duỗi chân phải về sau, người nằm úp xuống đất, hai bàn chân mở rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng sang hai bên. Người nằm chéch so với hướng bắn một góc khoảng 30^0 .

Động tác lắp đạn: Tay phải rời ốp lót tay, dùng ngón cái tay phải đẩy lấy giữ hộp tiếp đạn, tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng trao sang tay trái. Ngón giữa và ngón đeo nhẫn tay trái kẹp giữ hộp tiếp đạn vào mép phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất. Tay phải mở túi đựng hộp tiếp đạn, lấy hộp tiếp đạn có đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng hộp tiếp đạn.

Dùng ngón cái tay phải đẩy cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí bắn phát 1 hoặc liên thanh, đồng thời kéo bệ khoá nòng về phía sau hết cỡ rồi thả đột nhiên để lò xo đẩy về đẩy bệ khoá lao mạnh về phía trước, khoá nòng đẩy đạn vào buồng đạn, gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí an toàn. Tay phải nắm tay cầm trên súng, ngón trỏ duỗi thẳng đặt ra ngoài vành cò, mặt súng hướng lên trên. Mắt luôn quan sát mục tiêu chờ lệnh.

b) Động tác bắn

Đang ở tư thế nằm chuẩn bị bắn; để thực hành bắn trúng mục tiêu người bắn phải thực hiện các động tác: Giương súng, ngắm, bóp cò.

Động tác giương súng

Trước khi giương súng phải lấy thước ngắm động tác như sau

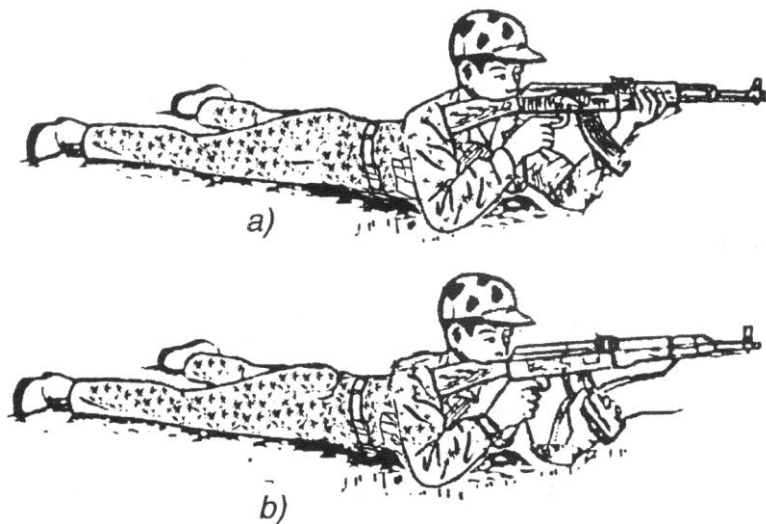
Tay trái nằm ốp lót tay dưới, giữ súng để mặt súng hướng lên trên. Tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ bóp then hãm cỡ thước ngắm xê dịch cho mép

trước cỡ thước ngắm khớp vào vạch khắc thước ngắm định lấy. Muốn lấy thước ngắm chữ “II” bóp then hãm cỡ thước ngắm, kéo cỡ thước ngắm về sau hết mức, thả tay ra rồi đẩy cỡ thước ngắm về trước nghe thấy tiếng "tách" là được. Sau đó tay phải gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về đúng vị trí đã định.

Trường hợp lấy thước ngắm ban đêm: Tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ bóp then hãm cỡ thước ngắm kéo hết cỡ về sau, sau đó đẩy nhẹ núm cỡ lên trên nghe "tách" ta được thước ngắm chữ “II”, tiếp tục bóp núm cỡ đẩy nhẹ lên trên cho núm cỡ rời khỏi khắc mắc chữ “II” buông tay ra, thấy mắc hoặc nghe tiếng "tách", tiếp tục làm như vậy lần 2 ta được thước ngắm 1; từ thước ngắm 1 trở đi cứ mỗi lần đẩy núm cỡ lên trên nghe một tiếng "tách" là tăng 1 thước ngắm.

Động tác: Tay trái ngửa nắm ốp lót tay dưới hoặc nắm hộp tiếp đạn, tùy theo tay dài, ngắn của từng người và tư thế bắn. Khi nắm ốp lót tay dưới, bàn tay ngửa, ốp lót tay dưới nằm trong lòng bàn tay, ngón tay cái duỗi thẳng hoặc cong tự nhiên, bốn ngón tay con khép kín cùng với ngón tay cái nắm chắc ốp lót tay (với súng AK cải tiến, các ngón con bám vào gờ nổi bên phải ốp lót tay). Khi nắm hộp tiếp đạn, hộ khẩu tay đặt phía sống hộp tiếp đạn các ngón con và ngón cái nắm chắc hộp tiếp đạn; má phải căng tay trái sát với má trái hộp tiếp đạn, căng tay hợp với mặt phẳng địa hình một góc khoảng $40^{\circ} \div 60^{\circ}$.

Tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, về nắm tay cầm, hộ khẩu tay nắm chính giữa phía sau tay cầm, đặt cuối đốt thứ nhất đầu đốt thứ 2 của ngón trỏ vào tay cò. Kết hợp 2 tay nâng súng lên, đặt phần trên đế báng súng vào hõm vai, 2 khuỷu tay chống xuống đất rộng bằng vai, kết hợp 2 tay giữ chắc súng cân bằng trên vai. Nhìn sơ qua đường ngắm thấy súng chưa đúng hướng thì dịch chuyển cả thân người để chỉnh súng vào mục tiêu, không dùng tay để điều chỉnh làm động tác giữ súng không tự nhiên, gò bó.



Hình 8: Nằm bắn không tỳ:
a) tay trái nắm ốp lót tay
b) tay trái nắm hộp tiếp đạn

Động tác ngắm: Khi lấy đường ngắm, má phải áp sát vào báng súng với lực vừa phải để đầu người ít bị rung động, không gối má vào báng súng làm mất súng nghiêng, khi bắn liên thanh dễ làm súng tụt dần xuống.

Khi ngắm: Mắt trái nheo tự nhiên, dùng mắt phải để ngắm hoặc có thể mở cả 2 mắt nhưng tập trung thị lực vào mắt ngắm; nhìn qua khe ngắm đến đầu ngắm lấy đường ngắm cơ bản; rồi đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu.

Động tác bóp cò: Trước khi bóp cò phải làm động tác ngưng thở để cho người và súng bớt rung động, có thể hít vào hoặc thở ra một ít rồi ngưng thở.

Bóp cò: Dùng lực độc lập của ngón trỏ bóp cò từ từ êm đều từ trước về sau theo trục nòng súng cho đến khi đạn nổ; không tăng cò đột ngột trong quá trình bóp cò, không bóp quá nhanh, làm rung động bắn mất chính xác. Muốn bắn liên thanh từ 2÷3 viên, khi bóp cò phải bóp hết cỡ rồi thả ra từ từ. Không bóp quá nhanh, mạnh, thả cò quá vội hoặc nháy cò đều dẫn đến bắn phát 1.

c) *Động tác thôi bắn*

(Thôi bắn gồm có thôi bắn tạm thời và thôi bắn hoàn toàn).

Thôi bắn tạm thời (ngừng bắn). Khẩu lệnh: "Ngừng bắn!"

Người bắn làm động tác như sau: Đang bắn hạ súng xuống, khoá an toàn hai tay giữ súng như khi chuẩn bị bắn, mắt quan sát mục tiêu. Nếu súng hết đạn, phải thay hộp tiếp đạn hết đạn ở súng ra và lắp hộp tiếp đạn có đạn vào súng.

Thôi bắn hoàn toàn: Khẩu lệnh: "Thôi bắn tháo đạn khám súng... đứng dậy"

Người bắn làm động tác như sau: Ngón trỏ tay phải thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống. Tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn kẹp hộp tiếp đạn vào bên phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất.

Tay trái vẫn giữ súng, mặt súng hướng lên trên; Tay phải kéo bộ khoá nòng từ từ về sau, ngón trỏ lướt trên cửa thoát vỏ đạn, các ngón con khép lại chắn cửa lắp hộp tiếp đạn để đỡ viên đạn từ trong buồng đạn văng ra.

Lắp viên đạn vừa tháo ở súng ra vào hộp tiếp đạn, bóp chết cò, khoá an toàn, lắp hộp tiếp đạn không có đạn trong túi đựng hộp tiếp đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào trong túi đựng.

+ **Động tác đứng dậy**

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay, hơi nghiêng người sang trái, co chân trái lên, đầu gối ngang thắt lưng đồng thời tay phải đưa súng về đặt trên đùi trái, hộp tiếp đạn quay sang phải, bàn tay trái thu về úp dưới ngực.

Cử động 2: Phối hợp sức tay trái và hai chân nâng người đứng dậy, xoay mũi bàn tay trái về trước, chân phải bước lên một bước, bàn chân ngang với mũi bàn tay trái đồng thời nâng người đứng dậy.

Cử động 3: Dùng gót chân phải làm trụ, xoay mũi bàn chân sang phải sao cho bàn chân hợp với hướng bắn một góc 22°30'; chân trái kéo lên ngang bàn chân phải về tư thế đứng nghiêm, làm động tác xách súng hoặc mang súng.

+ Động tác đứng dậy vận dụng trong chiến đấu

Trong chiến đấu ta có thể vận dụng đứng dậy bằng cách thứ 2 vọt tiến; 2 cử động sau:

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về sau, gập cánh tay vào phía thân người (nắm tay ngang vai phải, bàn tay ngửa nắm súng, khuỷu tay đặt ngoài súng, hộp tiếp đạn quay sang trái), cánh tay đặt xuống đất, tay phải thu về sau, bàn tay úp xuống đất và ngang vai trái, chân phải hơi co.

Cử động 2: Dùng sức của 2 tay và chân phải nâng người lên, đồng thời chân trái bước lên một bước nâng người đứng dậy, chân phải bước lên tiếp tục tiến.

- Động tác bắn có tỳ

Động tác cơ bản như nằm bắn không có tỳ chỉ khác:

+ Do bắn có vật tỳ cho nên khi giương súng đặt lên vật tỳ, đặt từ khâu đầu nòng đến phần trước ốp lót tay dưới lên vật tỳ, hộp tiếp đạn tựa vào vật tỳ để bắn cho chắc chắn, tay trái đặt hộ khẩu tay hoặc mu bàn tay lên vật tỳ (tuỳ theo vật tỳ cao hay thấp).

+ Nêu vật tỳ cao, tay trái có thể nắm hộp tiếp đạn.

+ Muốn bắn được trúng, chụm, trúng liên thanh khi giương súng phải đạt được các yếu tố chắc; đều; bền.

+ Chắc: Mặt súng phải thẳng bằng.

+ Chụm: Là 2 tay giữ súng chắc, ghì súng chắc vào vai.

+ Đều: Lực nắm súng và ghì súng phải đều nhau.

+ Bền: Lực nắm và giữ súng phải bền trong suốt quá trình loạt bắn.

4. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên ak bài 1b

a) Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

- Ý nghĩa

Bắn mục tiêu cố định là bài bắn cơ bản của các loại súng trường và súng tiểu liên nhằm rèn luyện cho người học động tác cơ bản biết bắn trúng, chụm vào các mục tiêu cố định ban ngày.

Hoàn thành tốt bài tập bắn này, là cơ sở cho các bài bắn sau này và trong chiến đấu khi chiến tranh nổ ra.

- Đặc điểm

+ Người bắn: Có thời gian chuẩn bị, nhưng thời gian bắn hạn chế vì vậy việc lấy đường ngắm phải nhanh, đúng động tác yếu lĩnh. Tư thế nằm bắn có tỳ đường ngắm ổn định.

+ Mục tiêu: Mục tiêu cố định có vòng tính điểm, cự ly từ người bắn đến mục tiêu gần, dễ quan sát.

- Yêu cầu

+ Tích cực, tự giác trong quá trình luyện tập, rút ra được những nhược điểm, khuyết tật trong từng tư thế, từng phát bắn để khắc phục.

+ Nắm chắc động tác cơ bản, tư thế bắn vững chắc.

Phân tích yêu cầu

Trong quá trình tập bắn phải công phu, tích cực, tự giác rèn động tác bắn cơ bản, khắc phục các động tác sai, thực hiện sai đâu sửa đấy một cách nghiêm túc, quá trình luyện tập phải tích lũy kiến thức, tập động tác từ dễ đến khó, có tính cơ bản, hệ thống.

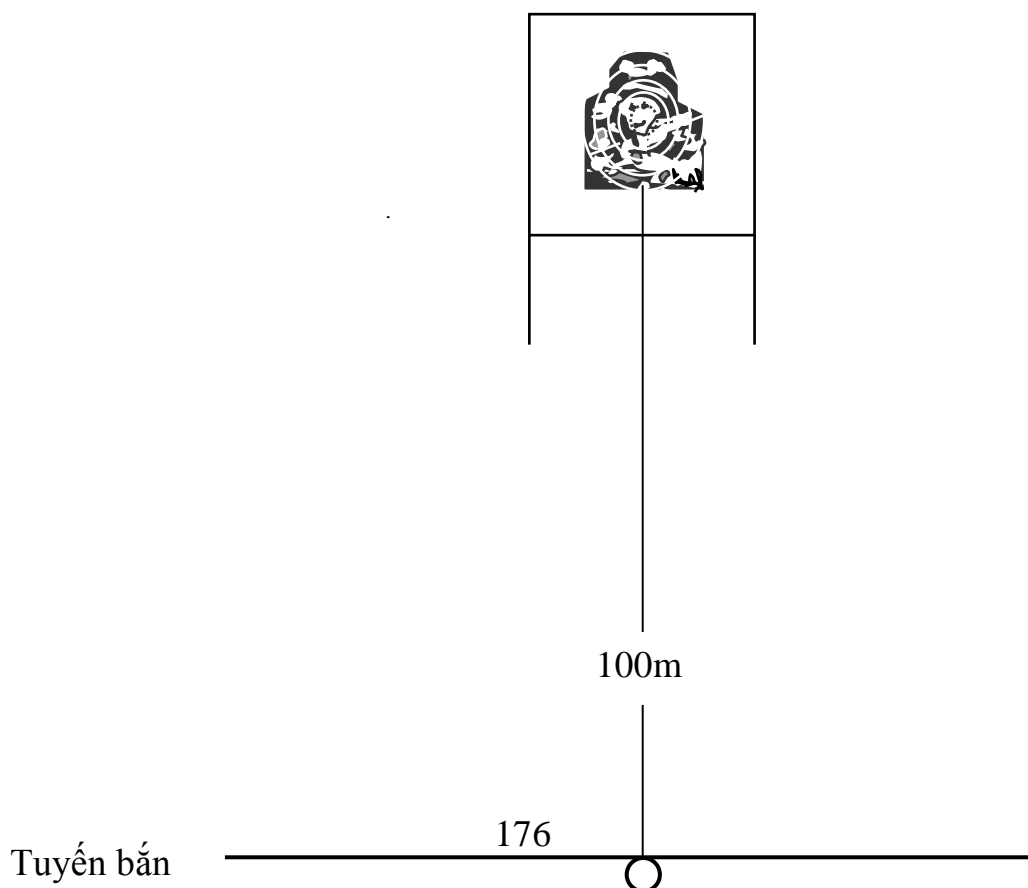
Khi thực hành tập bắn các loại súng bộ binh, việc rèn luyện bản lĩnh, tâm lý bắn rất quan trọng, có bản lĩnh, tâm lý tốt sẽ có động tác bắn chính xác, bắn trúng và chụm. Vì vậy ngoài việc nghiên cứu nắm chắc yếu lĩnh bắn, còn phải rèn luyện sức khỏe một cách toàn diện như: Chạy xa, thể dục thể thao, tập xà, tạ... có như vậy mới có được động tác giữ súng ổn định, vững chắc, hạn chế tâm lý khi vào bắn.

b) Phương án tập bắn

- Điều kiện tập
- Mục tiêu: Bia số 4 có vòng tượng trưng cho tên địch nằm bắn
- Cự ly bắn: 100m
 - Tính chất mục tiêu: Mục tiêu cố định
 - Tư thế: Nằm bắn có tỳ

PHƯƠNG ÁN TẬP BẮN

Bia số 4



c) Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm

- Cách chọn thước ngắm

Căn cứ

- + Độ cao đường đạn.
- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.
- + Điều kiện khí tượng (mưa, gió...).

Cách chọn: Khi chọn thước ngắm có thể chọn theo 2 cách :

- + Thước ngắm tương ứng cự ly bắn.
- + Thước ngắm lớn hơn cự ly bắn.

- Cách chọn điểm ngắm

Căn cứ :

- + Thước ngắm đã chọn.
- + Độ cao đường đạn khi bắn ở cự ly đó.
- + Tính chất mục tiêu (to, rõ...).
- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.
- + Điều kiện khí tượng (mưa, gió...).

Cách chọn: Với mục tiêu phương án tập trên thường chọn như sau:

- + Bia số 4: Chính giữa mép dưới mục tiêu.

Ví dụ: Dùng súng tiểu liên AK bắn vào mục tiêu bia số 4 cự ly 100m, chọn thước ngắm 3 (thước ngắm lớn hơn cự ly bắn), điểm ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Vì: Thước ngắm 3 ở cự ly 100m đường đạn cao hơn so với điểm ngắm đối với súng AK là 28cm, từ mép dưới mục tiêu lên tâm của vòng 10 bia số 4 khoảng 23 cm, như vậy đạn vẫn trúng vào vòng 10 trên mục tiêu.

Đối với súng trường CKC: Thước ngắm 3 ở cự ly 100m đường đạn cao hơn so với điểm ngắm là 25cm, từ mép dưới mục tiêu lên tâm của vòng 10 bia số 4 khoảng 23 cm, như vậy đạn trúng vào vòng 10 trên mục tiêu.

Kết luận : Bài bắn này ta chọn như sau: Với mục tiêu bia số 4 lấy thước ngắm 3, ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Chú ý: Có thể vận dụng lấy thước ngắm 1 ngắm đầu trúng đó, nhưng xác định điểm ngắm trên mục tiêu khó chính xác hơn so với ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

d) Thực hành tập bắn

-Trước khi tập: Người tập mang đeo trang bị đầy đủ ở tuyến chuẩn bị, khi có lệnh vận động vào tuyến xuất phát làm động tác chuẩn bị bắn.

- Có khẩu lệnh: “Tiến”; người tập nhanh chóng cơ động lên tuyến tập bắn đã xác định, làm động tác chuẩn bị bắn vào mục tiêu bia số 4.

- Khi có khẩu lệnh: “Bắn”; người tập làm động tác nằm bắn vào mục tiêu bia số 4 từ 3÷5 lần, tùy theo mức quy định trong kế hoạch tập của người phụ trách tiếp tục cho tập lần tiếp theo hoặc đổi tập cho bộ phận khác.

- Khi có khẩu lệnh: “Thôi tập!”; người tập thôi tập, khám súng, quay về vị trí phía sau chờ đợi tiếp tục tập lần tiếp theo.

đ) Kế hoạch luyện tập

Xây dựng kế hoạch luyện tập phải dựa trên quỹ thời gian, đối tượng huấn luyện để xác lập nội dung, tổ chức, phương pháp cho sát đối tượng. Kế hoạch luyện tập sau:

**KẾ HOẠCH
TẬP BẮN MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH BAN NGÀY
BẢNG SÚNG TIÊU LIÊN AK BÀI 1B
(Làm theo phương pháp kẻ bảng, thời gian 30 tiết)**

- Mục đích

Bồi dưỡng kỹ năng thực hành bắn mục tiêu cố định có tính điểm bằng súng AK, CKC làm cơ sở cho các bài bắn tiếp theo và vận dụng vào trong quá trình huấn luyện, chiến đấu.

- Yêu cầu

+ Chấp hành nghiêm kế hoạch luyện tập đã được trên phê duyệt.
+ Nắm chắc kỹ năng thực hành tập bắn vào các mục tiêu theo phương án tập; chú trọng tập động tác cơ bản vận dụng linh hoạt vào bài tập.

- Nội dung

TT	Nội dung tập	Thời gian	Yêu cầu	Tổ chức	Phương pháp người dạy, người học
Buổi 1	- Hạ khoa mục bài bắn. - Tập lấy đường ngắm cố định vào từng mục tiêu có đánh dấu điểm ngắm và không đánh dấu điểm ngắm.	45'	-Thống nhất điểm ngắm. -Lấy đường ngắm chính xác.	Lớp học	- Người dạy : + Giới thiệu thứ tự nội dung, minh họa trên tranh và thực hành trên bia, làm động tác mẫu. + Lấy đường ngắm mẫu cho người học tham quan. Người học: Tự nghiên cứu nội dung, tập lấy theo đường ngắm mẫu.
TT	Nội dung tập	Thời gian	Yêu cầu	Tổ chức	Phương pháp người dạy, người học

Buổi 2	- Tập lấy đường ngắm cố định vào từng mục tiêu có đánh dấu	45'	Tập lấy đường ngắm chính xác - Rèn động tác bắn và bóp cò	Lớp học	- Người dạy: Kiểm tra phân loại người học. - Người học : Tự nghiên cứu nội dung, tập lấy theo đường ngắm mẫu và tập động tác bóp cò.
Buổi 3	- Tập động tác nằm bắn vào mục tiêu có và không đánh dấu điểm ngắm.	45'	- Lấy đường ngắm chính xác. - Rèn động tác bóp cò	Lớp học	- Người dạy: Dùng khẩu lệnh thống nhất để tập, kiểm tra nắm chất lượng người học. - Người học: Làm theo lệnh người chỉ huy tập, sửa động tác sai.
Buổi 4	- Tập động tác nằm bắn vào mục tiêu theo điều kiện tập.	45'	- Lấy đường ngắm nhanh chính xác - Rèn động tác bóp cò.	Lớp học	- Người dạy: Dùng khẩu lệnh thống nhất để tập, kiểm tra nắm chất lượng người học, phân loại người học, phát hiện các khuyết tật của người học. - Người học: Làm theo lệnh người chỉ huy tập, sửa động tác sai.
Buổi 5	- Tập động tác nằm bắn vào từng mục tiêu theo điều kiện tập.	45'	- Lấy đường ngắm nhanh chính xác - Rèn động tác bắn và bóp cò.	Lớp học	- Người dạy: Dùng khẩu lệnh thống nhất để tập, kiểm tra nắm chất lượng người học, phân loại người học, phát hiện các cô tật của người tập. - Người học: Làm theo lệnh người chỉ huy tập, sửa động tác sai.
Buổi 6	- Giới thiệu điều kiện kiểm tra. - Tập theo điều kiện kiểm tra	15' 30'	Thực hiện tập theo điều kiện kiểm tra, có độ bền ổn định tốt, rèn động tác bóp cò	Lớp học	- Người dạy: Phổ biến điều kiện kiểm tra. Dùng khẩu lệnh thống nhất để tập, kiểm tra nắm chất lượng và phân loại người học để bồi dưỡng. - Người học: Làm theo lệnh người chỉ huy, sửa động tác sai, rèn động tác bóp cò.
Buổi 7			Tập theo	Lớp học	- Người dạy: Dùng khẩu lệnh thống nhất để tập,

đến 18	- Tập theo điều kiện kiểm tra	Mỗi buổi 90'	điều kiện kiểm tra, có độ bền ổn định tốt, rèn động tác bóp cò	kiểm tra nắm chất lượng người học, phân loại người học. - Người học: Làm theo lệnh người chỉ huy tập, sửa động tác sai, rèn động tác, thời cơ bóp cò, nâng trình độ bắn.
-----------	-------------------------------	--------------	--	---

***Chú ý :**

- Buổi tập cuối cùng trước khi kiểm tra, tổ chức tập đúng như buổi kiểm tra bắn đạn thật.
- Sau khi thực hiện theo kế hoạch trên, nếu có thời gian bố trí tập thêm, nội dung, phương pháp tập như buổi 7;
- Nếu kiểm tra bắn đạn thật, giáo viên lập kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra súng AK.

TỔ CHỨC PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

Nội dung 1: Ngắm bắn

1. Tổ chức

Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tổ để ôn tập

2. Phương pháp lên lớp, ôn tập

a) Phương pháp lên lớp

- Giảng viên: Lên lớp phân lý thuyết (giảng lý thuyết ngắm bắn): Nêu nội dung, phân tích, giải thích, kết hợp mô hình, tranh vẽ minh họa, rút ra ý nghĩa thực tiễn; tập trung giới thiệu thứ tự thực hành ngắm, những ảnh hưởng do tác động của người ngắm, tác động của gió đến kết quả bắn.
- Học sinh: Nghe, nhìn kết hợp ghi tóm tắt những nội dung chính.

Câu hỏi ôn tập

1. Tại sao phải ngắm bắn?
2. Đường ngắm cơ bản là gì? thế nào là đường ngắm đúng?
3. ảnh hưởng của ngắm sai đối với bắn trúng như thế nào?

Nội dung 2: Ngắm chụm và trúng

1. Tổ chức

Lên lớp theo lớp học, luyện tập theo tổ

2. Phương pháp lên lớp, luyện tập

a) Phương pháp lên lớp

- Giáo viên: Lên lớp giới thiệu thiết bị dùng cho ngắm chụm và trúng. Nêu nội dung, phân tích, giải thích, kết hợp với người ngắm mẫu; người phục vụ thực hành động tác ngắm chụm và trúng; tập trung giới thiệu thứ tự thực hành ngắm, biết đánh giá được kết quả ngắm.

- Học sinh:

Nghe, nhìn, thực hành động tác ngắm kết hợp ghi tóm tắt những nội dung chính.

Phải phối hợp chặt chẽ giữa người tập và người phục vụ trong quá trình ngắm chụm và trúng

b) Phương pháp luyện tập

- Tổ chức

Lấy đội hình tổ làm đơn vị để luyện tập.

- Phương pháp

+ Giáo viên: Phổ biến ý định luyện tập: Bao gồm (nội dung, tổ chức, phương pháp, thời gian, địa điểm, người phụ trách, ký tín hiệu)

+ Học sinh:

Bước 1: Tự nghiên cứu, thực hành động tác ngắm chụm và trúng

Bước 2: Tổ trưởng duy trì luyện tập cho từng cá nhân trong tổ

Bước 3: Giáo viên tổ chức kiểm tra ngắm chụm và trúng đánh giá kết quả sinh viên.

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu ý nghĩa tập ngắm chụm và ngắm trúng?
2. Trình bày công tác chuẩn bị vật chất trước khi luyện tập một buổi ngắm chụm và ngắm trúng cho một lớp học 40 ÷ 50 người?
3. Nêu thứ tự các bước thực hành vào ngắm chụm và ngắm trúng của người ngắm và người phục vụ tập?
4. Đánh giá, cách bình thành tích của ngắm chụm và ngắm trúng?

Nội dung 3: Động tác bắn súng tiêu liên AK

1. Tổ chức

Lên lớp tập trung theo lớp học, luyện tập theo tổ

2. Phương pháp lên lớp, luyện tập

a) Phương pháp lên lớp

- Giáo viên:

+ Phần lý thuyết

Nêu từng trường hợp vận dụng trong các động tác bắn. Phân tích lấy ví dụ thực tiễn trong chiến đấu, huấn luyện để minh họa rõ các trường hợp đó.

+ Phần thực hành động tác

Động tác nằm bắn làm theo 3 bước

Bước 1: Làm nhanh trong tình huống chiến thuật.

Bước 2 : Làm chậm kết hợp giữa nói và làm phân tích sâu và nói rõ ý nghĩa của các động tác để người học dễ hiểu, dễ nhớ.

Bước 3: Làm tổng hợp chậm liên hoàn các động tác.

Chú ý: Sau khi làm xong 3 bước phải nói những điểm chú ý khi thực hiện các động tác.

- Học sinh: Nghe, nhìn theo dõi động tác mẫu của giảng viên.

b) Phương pháp luyện tập

- Tổ chức

Lấy đội hình tổ làm đơn vị để luyện tập.

- Phương pháp

Bước 1: Bước cá nhân trong đội hình tổ tự nghiên cứu động tác: Nằm, bắn trong các trường hợp

Bước 2: Tập chậm từng cử động của động tác. Tổ trưởng hô cho tổ tập chậm từng động tác và kết hợp sửa sai động tác cho chiến sĩ trong tổ.

Bước 3: Tập tổng hợp liên hoàn các động tác. Tổ trưởng hô cho tổ tập với tốc độ nhanh dần, tập động tác vận động một đoạn ngắn từ dưới lên vị trí làm động tác có tính thời gian.

Quá trình luyện tập, giảng viên tập trung sửa động tác sai của người tập.

Sau khi tập xong phân động tác giảng viên tổ chức hội thao đánh giá kết quả tiếp thu nội dung động tác của người tập; đánh giá thi đua trong lớp học.

Chú ý: Trong tổ quá trình tập phải thay đổi súng cho nhau để mọi người đều có thể sử dụng thành thạo các loại súng.

Câu hỏi ôn tập

1. Động tác lắp đạn và tháo đạn súng AK?
2. So sánh sự giống và khác nhau giữa động tác nằm bắn không tỳ với nằm bắn có tỳ súng AK?
3. Muốn bắn trúng, chụm, bắn trúng liên thanh khi bắn súng tiểu liên AK cần những yếu tố nào?

Nội dung 4: Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK

1. Tổ chức

Lên lớp, luyện tập tập trung theo lớp học

2. Phương pháp lên lớp, luyện tập

a) Phương pháp lên lớp

- Giáo viên:

+ Phần lý thuyết

Giới thiệu ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu: Giới thiệu lần lượt từng nội dung; phân tích sâu đặc điểm người bắn và yêu cầu khi thực hành bắn mục tiêu.

Giới thiệu phương án tập, cách chọn thước ngắm, điểm ngắm: Căn cứ vào từng loại súng và cự ly bắn xác định thước ngắm và điểm ngắm cần chọn; sau khi thảo luận tại lớp học, giảng viên phải kết luận thước ngắm, điểm ngắm cần chọn của từng loại súng cho từng mục tiêu.

+ Phần thực hành

Giới thiệu cách thực hành tập bắn: Giảng viên mang đeo trang bị đầy đủ, thực hành giới thiệu theo 2 bước: Làm chậm có phân tích, làm tổng hợp); nội dung nằm bắn vào mục tiêu bia số 4

Chú ý: Sau khi làm xong 2 bước, nói những điểm chú ý khi thực hiện các động tác bắn vào các loại mục tiêu.

- Sinh viên:

Luyện tập theo kế hoạch của giảng viên.

b) Phương pháp luyện tập

- Tổ chức

Lấy đội hình lớp làm đơn vị để luyện tập.

- Phương pháp

Giáo viên:

+ Phổ biến kế hoạch luyện tập gồm: Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, phương pháp, ký tín hiệu, địa điểm, người phụ trách.

+ Tổ chức tập: Theo kế hoạch luyện tập đã xác định.

Quá trình luyện tập giảng viên tập trung sửa động tác sai của người tập nhất là động tác ngắm bắn; tổ chức kiểm tra, phân loại, đánh giá kết quả tập bắn của từng người; có biện pháp đẩy khá xoá kém trong học tập.

Học sinh: Thực hiện nghiêm kế hoạch đã xác định trong từng buổi học. Chấp hành tốt quy định thao trường, tích cực luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu cách chọn thước ngắm điểm ngắm khi thực hành bắn vào mục tiêu bia số 4 cự ly 100 m?
2. Trình bày điều kiện bắn bài 1b khi bắn súng tiểu liên AK, súng trường CKC?
3. Tại sao khi bắn mục tiêu bia số 4, cự ly 100m lấy thước ngắm 3, ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu, đạn vẫn trúng vào tâm mục tiêu (vòng 10)?

Phụ lục 1

VẬT CHẤT ĐẢM BẢO DÙNG CHO MỘT LỚP HỌC SINH 40÷50 EM HỌC NGẮM CHỤM VÀ NGẮM TRÚNG

1. Súng tập: 10 ÷ 15 khẩu
2. Bảng ngắm chụm: 10 ÷ 15 cái, dán giấy trắng kích thước (25cm x 30 cm)
3. Đồng tiền di động: 10 ÷ 15 cái
4. Bút chì đen vót nhọn: 10 ÷ 15 cái
5. Bao cát (túi đựng cát): 10 ÷ 15 cái
6. Bia số 4 tập: 03 ÷ 05 cái
7. Đạn tập (loại không nổ): 30 viên
8. Mô hình bộ phận ngắm một đồng chí giảng viên: 01 bộ

Phụ lục 2

BẢNG ĐỘ CAO ĐƯỜNG ĐẠN SO VỚI ĐƯỜNG NGẮM CỦA SÚNG AK

Cự ly(m)	50	100	150	200	250	300	350	400	450	500	550
Thước ngắm	Chiều cao đường đạn(cm)										
1	0	0	-8								
2	6	12	9	0	-19						
3	14	28	33	31	21	0	-33				
4	24	48	63	72	72	62	39	0	-52		
5	36	72	100	136	136	138	127	103	62	0	-78

Phụ lục 3

BẢNG ĐỘ CAO ĐƯỜNG ĐẠN SO VỚI ĐƯỜNG NGẮM CỦA SÚNG AKM

Cự ly(m)	50	100	150	200	250	300	350	400	450	500	550
Thước ngắm	Chiều cao đường đạn(cm)										
1	0	0	-7	-20							
2	5	10	9	0	-17	-45					
3	13	25	31	30	20	0	-31	-77			
4	22	44	60	69	68	57	35	0	-52	-123	
5	34	68	96	116	127	129	119	95	55	0	-83

Phụ lục 4

BẢNG ĐỘ CAO ĐƯỜNG ĐẠN SO VỚI ĐƯỜNG NGẮM CỦA SÚNG CKC

Cự ly bắn (m)	50	100	150	200	250	300	350	400	450	500	550
Thước ngắm	CHIỀU CAO ĐƯỜNG ĐẠN (cm)										
1	1	0	-7								
2	6	11	9	0	-16						
3	13	25	29	28	18	0	-29				
4	21	42	55	62	61	51	31	0	-48		
5	32	63	88	105	111	111	106	85	49	0	-71

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Giáo trình kiểm tra kỹ thuật chiến đấu BB, Cục Quân huấn, Bộ Tổng Tham mưu, năm 2005.
- 2- Điều lệnh đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam, Cục Quân huấn-Bộ Tổng Tham mưu, NXB Quân đội nhân dân, 2002.
- 3- Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục Quân Huấn- Bộ Tổng Tham mưu, năm 1997.
- 4- Sách dạy bắn súng trường CKC, Cục Quân Huấn- Bộ Tổng Tham mưu, năm 1975.
- 5- Sách dạy sử dụng lựu đạn, Cục Quân huấn-Bộ Tổng Tham mưu, NXB Quân đội nhân dân, năm 1998.
- 6- Giáo trình giáo dục quốc phòng đại học, cao đẳng dùng cho đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng, NXB QĐND, 2005.
- 7- Bộ Tổng Tham mưu, Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến, NXB QĐND, H 2000.